BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

GIÁO DỤC HOÀ NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Dùng cho giáo viên tiểu học

(Sách được in với sự tài trợ của tổ chức CRS và USAID tại Việt Nam)

TẬP 1

HÀ NỘI - 2005

Chỉ đạo nội dung

Ts. TRỊNH QUỐC THÁI
Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học

Biên soạn

Ts. TRẦN ĐÌNH THUẬN
Ts. LÊ VĂN TẠC
Ths. NGUYỄN XUÂN HẢI
Ths. PHẠM MINH MỤC
Ths. LÊ THỊ THÚY HẰNG
Ths. VƯƠNG HỒNG TÂM
Ths. NGUYỄN THỊ KIM HIỀN
Ths. ĐÀO THỊ THU THỦY

Biên tập:

Ts. TRẦN ĐÌNH THUẬN
Ths. NGUYỄN XUÂN HẢI
Ths. PHẠM MINH MỤC
Cn. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC
Cn. LÝ QUỐC HUY

Lời giới thiệu

Đây là tài liệu bồi dưỡng giáo viên tiểu học cốt cán về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật. Tài liệu này có thể sử dụng trong các trường tiểu học thực hiện dạy học hòa nhập và những nơi có điều kiện tương tự.

Tài liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn và xuất bản với sự giúp đỡ của Tổ chức CRS và USAID.

Tài liệu gồm hai tập cung cấp cho giáo viên những vấn đề cơ bản nhất về trẻ khuyết tật, qui trình giáo dục trẻ khuyết tật, giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật và các chủ đề về dạy học hòa nhập học sinh khiếm thị, khiếm thính, chậm phát triển trí tuệ, khó khăn về học...

Các chủ đề được thiết kế theo một cấu trúc tương đối thống nhất để giáo viên dễ đọc và cập nhật thông tin, giúp giáo viên có thể vận dụng vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật ở trường cũng như ở gia đình.

Nhóm tác gia là những cán bộ chuyên môn chỉ đạo cấp tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà nghiên cứu sâu về giáo dục đặc biệt của Viện Chiến lược và chương trình giáo dục, và những người có kinh nghiệm về thực hiện giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở trường phổ thông.

Xin cảm ơn các tổ chức quốc tế đã tài trợ cho chúng tôi để hoàn thành tài liệu này và mong nhận được phản hồi hoặc góp ý từ các giáo viên và bạn đọc.

MỤC LỤC

Phần I: **Một số vấn đề chung về Giáo dục Hòa nhập Khuyết tật Học sinh tiểu học** *5*

Phần II: **Quy trình giáo dục trẻ khuyết tật** **27**

Phần III: **Hỗ trợ giáo dục hòa nhập** 101

Phần IV: **Quản lý giáo dục hòa nhập** ..... 108 - 124

Phần I

Một số vấn đề chung về Giáo dục Hòa nhập Khuyết tật Học sinh tiểu học

A. GIAO TIẾP TRONG TẬP HUẤN

I. Mục tiêu

- Học viên hiểu và nắm được: Giao tiếp là một nhu cầu quan trọng của con người, trong đó làm quen là một hoạt động của giao tiếp. Mục đích, nội dung, kế hoạch, tổ chức tập huấn được xây dựng trên cơ sở nhu cầu của học viên.

- Giúp học viên phát huy khả năng: Làm quen, nhớ tên nhau, nhớ một số đặc điểm về dáng vẻ bên ngoài và tính cách, khả năng hoạt động của các thành viên trong lớp tập huấn.

II. Thông tin cơ bản

1. Giao tiếp và làm quen

1.1. Giao tiếp

Giao tiếp là nhu cầu không thể thiếu của mỗi con người ở mọi lứa tuổi. Giao tiếp được coi là cơm ăn, áo mặc, nước uống, ánh sáng, không khí đối với cuộc sống của con người.

Giao tiếp thực hiện quá trình thu và phát thông tin. Thông qua giao tiếp mọi người được học tập, chia sẻ kinh nghiệm, được diễn đạt, bộc lộ và khẳng định mình, được tranh luận để hiểu rõ quan điểm của bản thân về một vấn đề nào đó.

Biết lắng nghe là một yêu cầu của giao tiếp, nghĩa là phải đặt mình vào vị trí của người nói, nắm bắt các thông tin chính phát ra từ người nói. Điều này bao hàm cả việc động viên, khích lệ, tỏ thái độ đồng tình với người nói bằng cử chỉ, điệu bộ, lời nói, ánh mắt, động tác.

Giao tiếp giúp con người tự nhận thức về mình, biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, sở thích, chí hướng, ước mơ, nguyện vọng của bản thân.

Tự nhận thức đúng giúp con người biết chia sẻ, đồng cảm với người khác, có lòng bao dung, nâng đỡ con người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn.

Giao tiếp giúp con người biết ứng xử, giải quyết những tình huống phức tạp trong cuộc sống sao cho đạt kết quả mong muốn.

Giao tiếp có thể bằng lời, hoặc không bằng lời. Giao tiếp mang tính xã hội, lịch sử và chịu ảnh hưởng của giáo dục.

1.2. Làm quen

Làm quen là một mặt hoạt động trong giao tiếp. Làm quen để hiểu nhau, thông cảm và chia sẻ kinh nghiệm với nhau: xây dựng mối quan hệ giữa người với người nhằm giải quyết có hiệc quả những vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

1.3. Giao tiếp và làm quen trong tập huấn

Các thành viên tham gia tập huấn bao gồm: Giảng viên, học viên và người tổ chức. Mối quan hệ tương tác giữa các thành viên trong lớp tập huấn và được xác lập thông qua hoạt động giao tiếp và làm quen, phá vỡ sự ngăn cách giữa giảng viên với học viên và giữa học viên với nhau. Thông qua đó:

- Giảng viên hiểu nhu cầu của học viên, chủ đạo trong việc hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động của học viên.
- Học viên tự giác, tích cực chủ động tham gia vào hoạt động tập huấn.
- Người tổ chức có điều kiện thực hiện các yêu cầu của học viên và giảng viên.
- Mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong lớp tập huấn là hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau.

Giao tiếp và làm quen chính là để thực hiện điều này.

2. Tìm hiểu nhu cầu của học viên

Vấn đề cần được quan tâm là: Bồi dưỡng cho học viên những cái chưa biết trên cơ sở những cái học viên biết.

Do đó trước khi bồi dưỡng, giảng viên phải tìm hiểu xem học viên đã biết gì về những vấn đề sẽ bồi dưỡng. Trên cơ sở đó giảng viên xác định nội dung các hoạt động để huy động sự tham gia của học viên. Giảng viên phải tìm cách "giúp học viên nhớ lại", "lục tìm"... trong vốn tri thức và

kinh nghiệm của mình để phát triển trên sự hiểu biết. Tìm hiểu nhu cầu học viên trước khi bồi dưỡng theo một chủ điểm nào đó, có thể tiến hành bằng nhiều cách: Trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trắc nghiệm theo bảng hỏi...

3. Xác định nội dung, mục tiêu và kế hoạch tổ chức bồi dưỡng

Các thành viên tham gia bồi dưỡng (giảng viên, học viên, người tổ chức) cần nắm được mục tiêu, nội dung và kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng.

Qua bồi dưỡng học viên phải đạt mục tiêu gì về kiến thức, kỹ năng, thái độ? Những nội dung cần bồi dưỡng để đạt mục tiêu đó là gì? (số ngày, số giờ, địa điểm, phương tiện, người phụ trách). Những vấn đề trên cần có sự thống nhất giữa giảng viên, học viên và người tổ chức – có thể trình bày trên giấy khổ rộng (hoặc bảng) bảng kế hoạch này để mọi người thấy trong suốt thời gian bồi dưỡng.

4. Xây dựng những điều cam kết

Giảng viên, học viên, người tổ chức lớp bồi dưỡng cần thống nhất những điều cam kết để lớp thành công. Bản cam kết này có sự tham gia ý kiến của tất cả mọi người và coi đó là nội quy lớp học.

B. CÁC KỸ NĂNG DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT HOÀ NHẬP

Mục tiêu: Học xong phần này, các học viên có khả năng:

- Trình bày lại được khái niệm trẻ có các dạng khó khăn khác nhau;
- Xác định được trẻ có dạng khó khăn;
- Nêu được những đặc điểm phát triển của trẻ;
- Liệt kê được những kỹ năng đặc thù trong giáo dục trẻ có các dạng khó khăn.

1. Những vấn đề chung về trẻ khuyết tật

1.1. Khái niệm về trẻ khuyết tật, các dạng khuyết tật ở trẻ em

Những thuật ngữ "tàn tật", "khiếm khuyết", "khuyết tật", "có tật", "tật nguyền"... thường được dùng với những mục đích khác nhau, trong những trường hợp khác nhau và hay bị lẫn lộn.

Theo định nghĩa của tổ chức Y tế thế giới thì phân loại khuyết tật không phải là phân loại con người, mà là phân loại những đặc điểm sức khỏe của họ cùng với những hạn chế trong hoạt động của cá thể cộng với môi trường sống của họ.

Phân loại khuyết tật căn cứ vào 3 yếu tố cơ bản:

- Những thiếu hụt về cấu trúc cơ thể và sự suy giảm các chức năng.
- Những hạn chế trong hoạt động của cơ thể.
- Môi trường sống của họ: Những khó khăn, trở ngại do môi trường sống mang lại làm cho họ không thể tham gia đầy đủ và có hiệu quả mọi hoạt động trong cộng đồng.

Như vậy, trẻ khuyết tật là những trẻ em do những tổn thương về cơ thể hoặc rối loạn các chức năng nhất định gây nên những khó khăn đặc thù trong các hoạt động vui chơi, học tập, lao động.

Sự thiếu hụt về cấu trúc và hạn chế chức năng ở trẻ khuyết tật biểu hiện ở nhiều mức độ khác nhau, nhiều dạng khác nhau. Có những dạng chính sau:

- Khuyết tật thính giác (khiếm thính): sự suy giảm hay mất khả năng nghe, dẫn đến chậm phát triển hoặc mất tiếng nói làm cho trẻ bị hạn chế chức năng giao tiếp.
- Khuyết tật thị giác (khiếm thị): Sự suy giảm hay mất khả năng nhìn do nhiều nguyên nhân khác nhau (mù hoặc nhìn kém).
- Khuyết tật trí tuệ: bị suy giảm nhiều hay ít năng lực hoạt động nhận thức dẫn đến:
  + Không thích nghi được với xã hội;
  + Có trí thông minh thấp hơn mức bình thường;
  + Chỉ đạt được mức độ nhất định và không có khả năng phát triển cao hơn nữa;
  + Mức độ phát triển tùy thuộc phát triển thể chất;
  + Không có khả năng chữa trị;

Những trẻ thuộc loại này thường gặp rất nhiều khó khăn trong học tập và nhận thức thế giới xung quanh. Cho nên dạng này thường gọi là trẻ có khó khăn về học.

- Khuyết tật vận động: những cơ quan vận động bị tổn thương do những khuyết tật khác nhau (chấn thương, hậu quả của một số bệnh) gây nên những khó khăn khi di chuyển, hoạt động cầm, nắm, đứng, ngồi... Phần lớn trẻ khuyết tật vận động có năng lực trí tuệ phát triển bình thường.
- Khuyết tật ngôn ngữ: biểu hiện rất đa dạng, từ nói ngọng, nói lắp đến không nói được, mất tiếng nói,... dẫn đến hậu quả trẻ có khó khăn về giao tiếp.

Ngoài ra còn có các dạng khuyết tật khác có thể có ở trẻ em như hành

vi xa lạ, trẻ mắc những bệnh mãn tính như: động kinh, bệnh về tim,... gây cho trẻ những khó khăn về học tập.

1.2. Những nguyên nhân gây khuyết tật ở trẻ em

Trẻ khuyết tật tồn tại khách quan của xã hội do nhiều nguyên nhân khác nhau sau đây:

** Những nguyên nhân do môi trường sống:*

Đói nghèo, bệnh tật, môi trường bị ô nhiễm; sử dụng thuốc chữa bệnh bừa bãi; các bệnh xã hội; chấn thương do tai nạn, rủi ro...; chấn thương tinh thần; chiến tranh, bạo loạn...

** Những nguyên nhân do xã hội:*

Những nguyên nhân do xã hội không quan tâm, thờ ơ, thái độ chưa đúng mực; quan niệm đối với trẻ; môi trường chưa tạo điều kiện cho trẻ phát triển.

** Nguyên nhân bẩm sinh:*

Do di truyền; do sinh đẻ không bình thường; do lây truyền từ cha mẹ từ trong bào thai.

** Các nguyên nhân khác:*

Sự tồn tại của trẻ khuyết tật là một thực tế khách quan, hiện nay có tới 30% trẻ bị khuyết tật mà chưa tìm được nguyên nhân. Các nguyên nhân gây khuyết tật hết sức đa dạng, có tính khách quan. Trên thực tế, khi khắc phục được một hay một số nguyên nhân này thì vẫn còn hoặc lại nảy sinh những nguyên nhân khác... Những nguyên nhân trên đã dẫn đến những khuyết tật khác nhau ở trẻ em. Thực tế cho thấy ở những nước đang phát triển thì khuyết tật chủ yếu do những nguyên nhân về xã hội, đói nghèo, thiếu chăm sóc. Tuy nhiên, ngay cả ở những nước phát triển như Mỹ, Tây Âu, các nguyên nhân về tinh thần, ô nhiễm môi trường... cũng gây ra khuyết tật. Theo Tổ chức Y tế thế giới, khuyết tật có chiều hướng gia tăng ở những nước phát triển và khi xã hội phát triển thì khuyết tật chẳng những không giảm đi mà còn gia tăng thêm. Trẻ khuyết tật xuất hiện ngay từ khi có xã hội loài người và tồn tại mãi mãi với xã hội loài người dù cho chế độ chính trị, kinh tế và nền văn hóa có khác nhau.

1.3. Quan niệm về người khuyết tật

Quan niệm về trẻ khuyết tật không giống nhau và tùy thuộc vào nhận thức, chế độ xã hội, nền văn hóa và thái độ của mỗi người hay nhóm người trong cộng đồng xã hội.

* *Quan niệm trước đây* mang tính tiêu cực, chủ quan, hạ thấp, thậm chí

sai lệch, xuyên tạc như:

- Hậu quả của sự trừng phạt của "thượng đế", là số phận bất hạnh của những gia đình ăn ở thiếu đạo đức.
- Gắn mác, chụp mũ, dùng những tên gọi miệt thị xem thường trẻ khuyết tật.
- Quan niệm trẻ khuyết tật chỉ dựa vào những biểu hiện khiếm khuyết về thể chất và tinh thần, đã xúc phạm đến nhân phẩm của trẻ.

* *Quan niệm ngày nay* mang tính tích cực, khách quan hơn:

- Trước hết phải thừa nhận trẻ khuyết tật là trẻ em, như mọi trẻ em khác.
- Mỗi đứa trẻ đều có những khả năng nhất định và những hạn chế nhất định trong hoạt động.
- Mỗi trẻ đều có những khó khăn trong quá trình phát triển. Những khó khăn đó có cái nằm bên trong đứa trẻ, có cái nằm bên ngoài đứa trẻ (môi trường, cơ hội, hình thức, nội dung và phương pháp giáo dục...).

1.4. Vài nét về tình hình trẻ khuyết tật hiện nay

a) Trên thế giới:

Theo Tổ chức Y tế Thế giới có khoảng 8 - 10% dân số là người khuyết tật khác nhau, tức khoảng 500 triệu người, trong đó có khoảng 150 triệu là trẻ em khuyết tật. Hàng năm có khoảng 3 triệu trẻ em dưới 5 tuổi bị khuyết tật nặng do mắc bệnh mà đáng ra có thể tránh được nếu được tiêm chủng. Chẳng hạn, nửa triệu trẻ có thể mù do thiếu vitamin A, 3 triệu trẻ khuyết tật tinh thần do suy dinh dưỡng, nửa triệu trẻ điếc do dùng thuốc sai.

Phần lớn người khuyết tật và trẻ khuyết tật rơi vào tình cảnh: bị phân biệt đối xử; không được đi học; chết dưới 20 tuổi (khoảng 90%); không có nghề nghiệp v.v...

Người khuyết tật là người nghèo khổ nhất, lệ thuộc và luôn bị đe dọa. Họ chẳng có cơ hội hưởng một quyền lợi, quyền lực hoặc một uy thế chính trị nào cả. Có tới 98% người khuyết tật bị bỏ mặc hoặc lãng quên.

b) Ở Việt Nam

Cả nước có khoảng 1,2 triệu trẻ khuyết tật (chiếm khoảng 3% tổng số trẻ em) khoảng 6 triệu người khuyết tật (Bộ Y tế).

Dạng khuyết tật: trí tuệ: khoảng 30%; khiếm thị: 15%; khiếm thính: 16%; vận động: 20%; các tật khác: 19%.

Trẻ khuyết tật nếu không được hỗ trợ phù hợp sẽ không thể tự phát triển được.

1.5. Các phương thức chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật

Số lượng người khuyết tật chiếm khoảng 10% dân số, trong đó trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt chiếm khoảng 30%. Chính vì vậy trên thế giới đã xuất hiện nhiều cách chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật.

Lịch sử giáo dục có từ buổi bình minh của nền văn hoá nhân loại. Trong khi đó, lĩnh vực giáo dục trẻ khuyết tật chỉ mới ra đời từ khoảng thế kỉ XI. Trước đó, do nhận thức và quan niệm sai lầm, mê tín về người khuyết tật nên họ bị bỏ rơi trong giáo dục. Từ thế kỉ XI, một số người khuyết tật được chăm sóc, nuôi dạy trong các tu viện và được học chữ. Từ đó, người ta bắt đầu tin vào khả năng có thể giáo dục người khuyết tật.

Tuỳ theo quan điểm và nguồn gốc nảy sinh, đã hình thành các hình thức trường lớp giáo dục khác nhau cho trẻ khuyết tật. Trải qua hàng trăm năm hình thành và phát triển, tùy theo cách nhìn nhận đánh giá nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật mà có cách chăm sóc, giáo dục khác nhau. Cho đến nay, đã có 3 phương thức giáo dục trẻ khuyết tật với 3 quan điểm hay cách tiếp cận khác nhau qua các giai đoạn lịch sử:

- Phương thức giáo dục chuyên biệt.
- Phương thức giáo dục hội nhập.
- Phương thức giáo dục hòa nhập.

Hình thức sau ra đời muộn hơn, giải quyết mâu thuẫn nội tại của các hình thức trước đó và dần thay thế các hình thức giáo dục cũ, bị lạc hậu.

a) Giáo dục chuyên biệt:

- Sự ra đời của giáo dục chuyên biệt: Xuất hiện sớm nhất trong lịch sử giáo dục trẻ khuyết tật, từ thế kỉ XI ở các nước Pháp, Đức, Tây Ban Nha và một số nước châu Âu khác.
- Mục tiêu của giáo dục chuyên biệt:
  + Chăm sóc, chữa trị và phục hồi chức năng.
  + Dạy văn hoá và dạy nghề.
  + Giám sát, quản lí.
- Bản chất: Mô hình y tế, coi trẻ khuyết tật là con bệnh, chia theo dạng tật, mức độ để "chữa trị" và dạy theo phương pháp đặc thù.
- Hạn chế: Trẻ bị gán mác, tách biệt, không hoà nhập được cuộc sống bình thường.

b) Giáo dục hội nhập:

Trẻ khuyết tật được học trong lớp học chuyên biệt, đặt trong trường phổ

thông bình thường. Trong quá trình giáo dục, trẻ khuyết tật nào có "khả năng" sẽ được học chung ở một số môn học hoặc tham gia một số hoạt động cùng trẻ bình thường.

Ture Johson đã đưa ra khái niệm về các mức độ hội nhập như sau:

1. Hội nhập về thể chất:

Trẻ lành và trẻ khuyết tật được giao lưu với nhau hay cùng chơi với nhau trong một địa điểm và trong một thời gian nhất định.

2. Hội nhập về chức năng

Trẻ lành và trẻ khuyết tật được tham gia cùng nhau trong một số hoạt động như thể thao, vẽ, vv...

3. Hội nhập xã hội

Trẻ cùng học với nhau trong một trường nhưng theo các chương trình khác nhau, có giờ học chung và học riêng tuỳ theo môn học và khả năng học của trẻ.

4. Hội nhập hoàn toàn

Trẻ khuyết tật học như trẻ lành theo một chương trình cứng bắt buộc.

- Vấn đề đặt ra: Khi nào thì hội nhập về thể chất, khi nào hội nhập về chức năng; ai là người quyết định cho trẻ hội nhập ở các mức đó ... đều không có sự thống nhất.
- Những hạn chế:
  + Trẻ khuyết tật chưa thực sự được hoà nhập với trẻ bình thường
  + Việc học tập của trẻ khuyết tật trong các lớp chuyên biệt theo một chương trình riêng, không trùng lặp với các lớp khác nên trẻ không thích ứng được.

Kinh nghiệm Việt Nam cho thấy, đây là con đường bế tắc không có tính phát triển. Một trường Tiểu học tại quận Đống Đa, Hà Nội đã mở 4 lớp chuyên biệt cho khoảng 60 trẻ chậm phát triển tinh thần (khó khăn trong học tập). Sau 14 năm duy trì, mô hình trên đã bộc lộ một số tồn tại sau:

- Phần lớn học sinh không qua được cấp tiểu học;
- Trẻ lĩnh hội được rất ít các kĩ năng xã hội, khi ra trường không hoà nhập được vào xã hội.
- Đầu ra cho trẻ lớn tuổi rất bế tắc, trẻ không biết làm gì.
- Nhiều trẻ bị ức chế về tâm lí, không muốn học trong lớp chuyên biệt.

Trong chương trình giáo dục hội nhập do UNICEF (Quĩ Nhi đồng Liên

Hợp Quốc) tài trợ thực hiện ở một số tỉnh thành từ năm 1991 đã mở một số lớp chuyên biệt trong trường phổ thông, nhiều lớp đã tự giải tán sau một vài năm.

Chương trình giáo dục hội nhập trẻ khiếm thính cũng rơi vào tình trạng tương tự. Nhiều trẻ được hội nhập, sau một thời gian lại trở về với trường chuyên biệt.

c) Giáo dục hoà nhập

Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục, trong đó trẻ khuyết tật cùng học với trẻ em bình thường trong trường phổ thông ngay tại nơi trẻ sinh sống. GDHN xuất phát từ quan điểm xã hội về giáo dục, coi nhà trường như một xã hội thu nhỏ và phản ánh tính chất đa dạng của xã hội, vì vậy môi trường giáo dục phổ thông được chú ý cải thiện sao cho đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi HS, kể cả những HS có khó khăn đặc thù. Đây là mô hình giáo dục tiến bộ nhất được biết đến trong lĩnh vực giáo dục trẻ khuyết tật .

Thông tin phản hồi

I. CÂU HỎI KHẢO SÁT

Trong những câu sau, câu nào đúng (khoanh tròn "Đ"/"S" cho câu đúng/sai)

1. Hãy chọn những thuật ngữ mô tả sự khuyết tật mà bạn cho là đúng:
   a. Tàn tật ☐ d. Khiếm khuyết ☐
   b. Khuyết tật ☐ e. Đặc biệt ☐
   c. Có tật ☐
   (Hãy chọn và nêu lý do)
2. Cần phải thương hại những người khuyết tật. (Đ / S)
3. Trẻ khuyết tật cần được chăm sóc, chiều chuộng hơn trẻ em khác. (Đ / S)
4. Những người khuyết tật muốn sống chung với mọi người. (Đ / S)
5. Mỗi nhóm người khuyết tật có nền văn hóa riêng của mình. (Đ / S)
6. Những người khuyết tật có ít cơ hội tham gia vào những hoạt động xã hội do:
   a. Họ không có khả năng (Đ / S)
   b. Họ không muốn tham gia (Đ / S)
   c. Môi trường xã hội không tạo điều kiện (Đ / S)
   (Bạn hãy giải thích về sự lựa chọn của mình)

7. Người khuyết tật không thành đạt vì:

a. Họ không có khả năng ☐ c. Môi trường sống không phù hợp ☐

b. Họ không thích ☐ d. Không có cơ hội ☐

II. BÀI TẬP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG

Hoạt động 1:

Trao đổi nhóm những vấn đề sau đây:

- Nêu và phân tích 3 tiêu chí để phân loại khuyết tật.
- Từ đó có thể rút ra những bài học gì cho mỗi chúng ta trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật?

Hoạt động 2:

- Hãy kể về những người khuyết tật mà bạn biết.
- Gia đình, bà con hàng xóm đối xử với họ như thế nào? Bạn có nhận xét gì về thái độ của mọi người đối với họ?

1. Giáo dục hòa nhập (Inclusive education)

1.1 Khái niệm về giáo dục hòa nhập

Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục trong đó trẻ khuyết tật cùng học với trẻ em bình thường trong trường phổ thông ngay tại nơi trẻ sinh sống. Giáo dục hòa nhập dựa trên quan điểm xã hội trong việc nhìn nhận trẻ khuyết tật. Nguyên nhân gây ra khuyết tật không phải chỉ do khiếm khuyết của bản thân cá thể mà còn là khiếm khuyết về phía xã hội. Khiếm khuyết xã hội đóng vai trò chủ yếu. Trẻ khuyết tật về vận động như trẻ bị liệt sẽ là mất khả năng nếu không có các phương tiện đi lại, không được tham gia vào hoạt động xã hội và sẽ trở thành tàn phế nếu không ai chăm sóc giúp đỡ. Nhưng cũng trẻ đó, nếu được hỗ trợ, có phương tiện đi lại và xã hội có những cơ sở vật chất thích ứng không tạo ra các khó khăn (như có các đường lên xuống dễ dàng cho xe đẩy) và cùng được tham gia vào các hoạt động, trẻ đó sẽ có bình đẳng và phát triển như mọi trẻ khác.

Giáo dục hòa nhập dựa trên quan điểm tích cực, đánh giá đúng trẻ khuyết tật: trẻ khuyết tật được nhìn nhận như mọi trẻ em khác. Mọi trẻ khuyết tật đều có những năng lực nhất định, chính từ sự đánh giá đó mà

trẻ khuyết tật được coi là chủ thể chứ không phải là đối tượng thụ động trong quá trình tiếp nhận các tác động giáo dục. Từ đó người ta tập trung quan tâm, tìm kiếm những cái mà trẻ khuyết tật có thể làm được. Các em sẽ làm tốt khi những việc đó phù hợp với nhu cầu và năng lực của các em. Trong giai đoạn giáo dục này, gia đình, cộng đồng, xã hội cần tạo ra sự hợp tác và hòa nhập với các em trong mọi hoạt động. Vì thế các em phải được học ngay ở trường học gần nhất, nơi các em sinh ra và lớn lên. Các em luôn luôn được gần gũi gia đình, luôn được sưởi ấm bằng tình yêu của cha, mẹ, anh, chị mình và được cả cộng đồng đùm bọc, giúp đỡ. Trẻ khuyết tật sẽ được học cùng một chương trình, cùng lớp, cùng trường với các bạn học sinh bình thường. Và như mọi học sinh khác, học sinh khuyết tật là trung tâm của quá trình giáo dục. Các em được tham gia đầy đủ và bình đẳng trong mọi công việc trong nhà trường và cộng đồng để thực hiện lý tưởng "trường học cho mọi trẻ em trong một xã hội, cho mọi người". Chính lý tưởng đó tạo cho trẻ khuyết tật niềm tin, lòng tự trọng, ý chí vươn lên để đạt đến mức cao nhất mà năng lực của mình cho phép. Đó là giáo dục hòa nhập.

1.2 Bản chất của giáo dục hòa nhập

- Giáo dục cho mọi đối tượng học sinh. Đây là tư tưởng chủ đạo, yếu tố đầu tiên thể hiện bản chất của giáo dục hòa nhập. Trong giáo dục hòa nhập không có sự tách biệt giữa học sinh với nhau. Mọi học sinh đều được tôn trọng và đều có giá trị như nhau.
- Học ở trường nơi mình sinh sống.
- Mọi học sinh đều cùng được hưởng một chương trình giáo dục phổ thông. Điều này vừa thể hiện sự bình đẳng trong giáo dục, vừa thể hiện sự tôn trọng.
- Điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và thay đổi quan điểm, cách đánh giá là vấn đề cốt lõi để giáo dục hòa nhập đạt hiệu quả cao nhất.
- Điều chỉnh chương trình là việc làm tất yếu của giáo dục hòa nhập, có điều chỉnh chương trình cho phù hợp thì mới đáp ứng cho mọi trẻ em có nhu cầu, năng lực khác nhau.
- Giáo dục hòa nhập không đánh đồng mọi trẻ em như nhau. Mỗi đứa trẻ là một cá nhân, một nhân cách có năng lực khác nhau, cách học khác nhau, tốc độ học không như nhau. Vì thế, điều chỉnh chương trình cho phù hợp là cần thiết.
- Dạy học một cách sáng tạo, tích cực và hợp tác. Đó là mục tiêu của dạy học hòa nhập.

- Dạy học hòa nhập sẽ tạo ra được cho trẻ kiến thức chung, tổng thể, cân đối. Muốn thế, phương pháp dạy học phải có hiệu quả và đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của học sinh.
- Muốn dạy học có hiệu quả kế hoạch bài giảng phải cụ thể, chú trọng áp dụng phương pháp học hợp tác. Phải biết lựa chọn phương pháp và sử dụng đúng lúc: phương pháp đồng loạt, phương pháp đa trình độ, phương pháp trùng lặp giáo án, phương pháp thay thế, phương pháp cá biệt.

Các yếu tố của giáo dục hòa nhập	Các yếu tố không phải là giáo dục hòa nhập
- Giáo dục mọi đối tượng học sinh.	- Giáo dục cho một số đối tượng học sinh.
- Học sinh được học ở trường thuộc khu vực sinh sống.	- Học sinh khuyết tật được gửi đến trường học chuyên biệt khác với trường học của anh, chị, em hay hàng xóm của các em.
- Học sinh được bố trí vào lớp học phù hợp với lứa tuổi trong môi trường giáo dục phổ thông.	- Học sinh được bố trí vào lớp học không phù hợp với lứa tuổi trong môi trường giáo dục phổ thông.
- Cung cấp các dịch vụ và giúp đỡ học sinh	- Học sinh phải rời môi trường giáo dục phổ thông để tìm các dịch vụ và sự trợ giúp
- Dạy học một cách sáng tạo, tích cực và hợp tác	- Dạy học một cách thụ động, lặp đi lặp lại và không hợp tác
- Bạn bè cùng lứa giúp đỡ lẫn nhau	- Bạn bè cùng lứa hoạt động độc lập hoặc cạnh tranh với nhau .
- Học sinh với những khả năng khác nhau được học theo nhóm	- Học sinh với những khả năng giống nhau được học theo nhóm
- Điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và cách đánh giá	- Chuẩn hóa chương trình, phương pháp dạy học và cách đánh giá
- Mọi học sinh đều là thành viên của tập thể	- Một số học sinh là thành viên của tập thể, số khác phải đánh đổi để được là thành viên của tập thể

- Lớp học có tỷ lệ học sinh hợp lý	- Lớp học có tỷ lệ học sinh khuyết tật khá lớn.
- Một học sinh được hưởng cùng một chương trình giáo dục phổ thông	- Chương trình giáo dục cá nhân không liên quan đến chương trình giáo dục phổ thông
- Giáo viên phổ thông và chuyên biệt cùng chia sẻ trách nhiệm giáo dục mọi đối tượng học sinh	- Giáo viên phổ thông và chuyên biệt không chia sẻ trách nhiệm giáo dục mọi đối tượng học sinh
- Sự đa dạng được đánh giá cao	- Sự đa dạng không được đánh giá cao
- Chú trọng đến điểm mạnh của học sinh.	- Chú trọng đến điểm yếu của học sinh
- Với phương pháp dạy học đa dạng, học sinh tham gia vào các hoạt động chung và đạt được các kết quả khác nhau.	- Với phương pháp dạy học và yêu cầu đã được chuẩn hóa, học sinh tham gia vào các hoạt động riêng biệt.
- Cân bằng hiệu quả giữa kiến thức và xã hội.	- Chỉ chú trọng đến hiệu quả về mặt kiến thức.
- Lập kế hoạch cho quá trình chuyển tiếp của học sinh.	- Không có kế hoạch cho quá trình chuyển tiếp của học sinh.

Bảng so sánh các yếu tố của giáo dục hòa nhập và các yếu tố không phải là giáo dục hòa nhập:

1.3 Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập

1.3.1. Đáp ứng mục tiêu giáo dục

UNESCO đã đề ra 4 mục tiêu đào tạo con người như sau:

- Học để làm người
- Học để biết
- Học để làm
- Học để cùng chung sống

Về thực chất, các mục tiêu trên có nhiều điểm trùng với mục tiêu giáo dục các thành viên trong cộng đồng của Người da đỏ đã đưa ra cách đây

hàng nghìn năm.

Theo quan điểm của họ, mỗi người dân da đỏ muốn tồn tại được cần phải phấn đấu đạt được đồng đều 4 phần của "Vòng can đảm" sau:

Trong giáo dục hòa nhập cả bốn mục tiêu trên cần đạt được ở mỗi trẻ là thành viên chính thức của cộng đồng. Xem xét từng nhóm mục tiêu.

c) . *Tính hòa nhập, quy thuộc*

Có bạn bè, có thể kết bạn và giữ mối quan hệ tốt. Được chung sống và cùng làm việc với người khác trong cộng đồng, xã hội. Được là thành viên của gia đình, cộng đồng. Các em được chào đón và đều được đánh giá như nhau. Các em phải biết sống hòa nhập, hợp tác với nhau trong một tập thể, các em được phụ thuộc một cách tích cực.

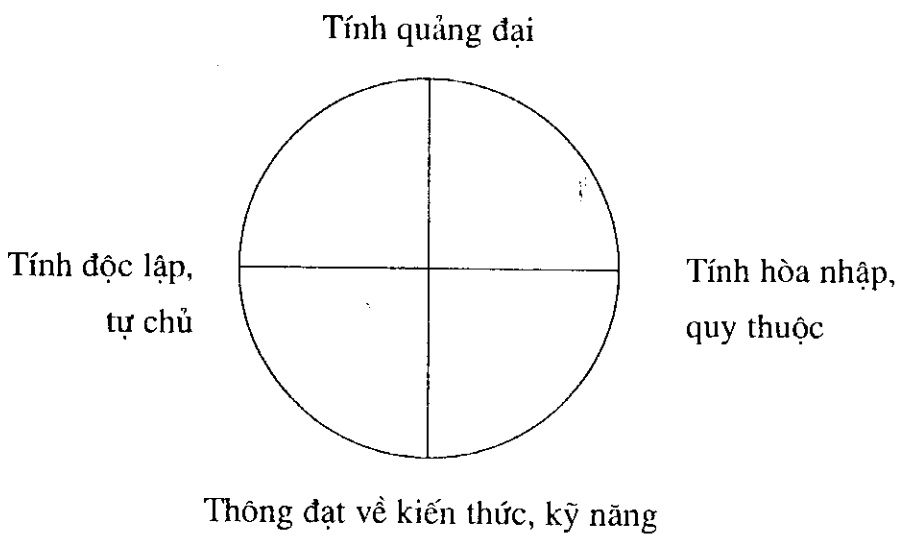

b) *Thông đạt kiến thức, kỹ năng:*

Thành đạt và có khả năng tốt trong một hoặc một vài lĩnh vực. Được phát triển toàn diện. Có tư duy linh hoạt và năng lực giải quyết các vấn đề. Có động cơ đúng đắn. Có tri thức văn hóa và có khả năng làm chủ kỹ thuật. Được tiếp tục học tập và có khả năng cao trong lĩnh vực quan tâm

Trẻ phải được tiếp thu những tri thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết phù hợp với nhu cầu và năng lực của mỗi em. Mỗi đứa trẻ có những khả năng khác nhau trong các lĩnh vực khác nhau. Để đạt được mục tiêu này, trong quá trình giáo dục luôn chú ý đến điều trên. Khi đã có kiến thức và kỹ năng, các em phải có thái độ đúng, ứng xử một cách linh hoạt với mọi vấn đề đặt ra.

c) Tính độc lập:

Có cơ hội chọn nghề và niềm tin, yêu vài công việc đã chọn. Có trách nhiệm cá nhân cao, chịu trách nhiệm về hành động và quyết định của mình. Được độc lập trong mọi lĩnh vực.

Tính độc lập, tự chủ trong cuộc sống, làm thế nào để trẻ đạt được mục tiêu đó? Luôn luôn dạy trẻ có lòng tự trọng, tự tin, tự học hỏi, biết chấp nhận, tiếp nhận thông tin để phát triển. Có độc lập tự chủ mới có sáng tạo. Những điều này rất cần cho cuộc sống lao động, hội nhập cộng đồng trong tương lai khi trẻ đã trưởng thành.

d) Có tính quảng đại, lòng hào hiệp:

Được đóng góp cho gia đình và xã hội. Có lòng nhiệt tình. Yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ người khác.

Trẻ được học tập, được sự giúp đỡ của mọi người trong quá trình tiếp nhận thông tin, lĩnh hội tri thức rèn luyện kỹ năng và tiến đến trình độ làm việc độc lập, sáng tạo. Lúc này trẻ phải thể hiện giá trị của mình bằng sự cống hiến cho xã hội. Đây là mục tiêu rất quan trọng. Mục tiêu này định hướng giá trị của mỗi người trước những vấn đề của cuộc sống, thực tiễn đặt ra. Trong cuộc sống, sự giúp đỡ lẫn nhau là tất yếu, mỗi người nhận được sự giúp đỡ lúc này và phải giúp đỡ người khác khi cần.

Những nhà giáo dục hiểu biết về chương trình giáo dục cho thế kỷ 21 chắc chắn hiểu và đồng tình với ý kiến: giáo dục cho mọi trẻ em. Một nền giáo dục có hiệu quả trong đó cần thay đổi chương trình, phương pháp dạy học, tổ chức và thực hành (tăng cường hợp tác học tập theo nhóm, trẻ em là chủ thể của lĩnh hội kiến thức, cùng tham gia một cách tích cực, chú trọng kỹ năng xã hội và giao tiếp v.v...).

1.3.2. Thay đổi quan điểm giáo dục

Giáo dục trong nhà trường là đào tạo ra những con người cho xã hội của tương lai và những kỹ năng, thái độ và thiên hướng sẽ cần cho xã hội. Thực tế nhiều trường học hiện nay vẫn còn được xây dựng và hoạt động theo các quan điểm của những năm ở thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.

Trước đây người ta đã quyết định rằng cần phải phân loại trẻ em càng kỹ càng tốt. Bằng thang đo trí lực cho biết chỉ số trí tuệ IQ, trẻ em đã được chẩn đoán để có thể phát hiện ra các tài năng sớm. Những trẻ em sau khi đã được phân loại cần được dạy theo một chương trình riêng, theo một phương pháp riêng. Người ta cho rằng cách đào tạo này sẽ có hiệu quả hơn. Thực tế đã chỉ ra rằng trẻ em được học kiểu này đã không phát triển hết các khả năng của mình thậm chí còn bị lệch lạc trong phát triển.

Xu thế giáo dục đa trình độ, đa phương pháp và phát huy tính độc lập học tập hay sự tham gia tích cực của học sinh đã trở nên phổ biến. Hiện nay Việt Nam đang triển khai chương trình Tiểu học mới (sau năm 2000) trong đó chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Phương pháp dạy học tập trung vào hoạt động của người học ngày càng trở nên phổ biến.

Những nhà giáo dục hiểu biết về chương trình giáo dục cho thế kỷ 21 chắc chắn hiểu và đồng tình với ý kiến: giáo dục cho mọi trẻ em. Một nền giáo dục có hiệu quả trong đó cần thay đổi chương trình, phương pháp dạy học, tổ chức và thực hành (tăng cường hợp tác học tập theo nhóm, trẻ em là chủ thể của lĩnh hội kiến thức, cùng tham gia một cách tích cực; chú trọng kỹ năng xã hội và giao tiếp...).

1.3.3. Tính hiệu quả

Được giáo dục trong môi trường hòa nhập, trẻ em có những dạng khó khăn khác nhau đều tiến bộ hơn, các tiềm năng của trẻ được khơi dậy và phát triển tốt hơn so với cách giáo dục trong môi trường khác. Thực tế hơn 10 năm tiến hành giáo dục hòa nhập ở Việt Nam và các kinh nghiệm giáo dục trên thế giới cho thấy tính hiệu quả đối với đối tượng trẻ cụ thể.

- *Trẻ chậm phát triển:* xóa bỏ mặc cảm; giao tiếp phát triển nhanh; phát triển tính độc lập; học được nhiều hơn.
- *Trẻ khiếm thị:* đi học gần nhà; có nhiều bạn bè; hội nhập dễ dàng; có cơ hội tìm việc làm.
- *Trẻ khiếm thính:* học cách giao tiếp; hiểu nhau; gây nhu cầu giao tiếp; phát triển tư duy.
- *Trẻ khó khăn vận động:* được phát triển tài năng; được bạn bè giúp đỡ; xóa bỏ dần sự lệ thuộc.

1.3.4. Cơ sở pháp lý

Vấn đề bình đẳng trong việc có cơ hội học tập và nhiều quyền khác đã được nêu trong Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (điều 18, 23) trong Công ước về Giáo dục cho mọi người và gần đây nhất, trong Tuyên ngôn về giáo dục đặc biệt Salamanca (Tây Ban Nha, 1994): "Giáo dục là quyền của con người và những người khuyết tật cũng có quyền được học trong các trường phổ thông và các trường đó phải được thay đổi để tất cả trẻ em đều được học".

Tuyên ngôn về Quyền con người của Liên Hợp Quốc được bổ sung bởi Tuyên ngôn về Quyền của những người tàn tật trong đó đã nêu rõ: "Những người tàn tật phải có quyền được tôn trọng phẩm giá. Những người tàn tật

dù họ có nguồn gốc gì, bản chất ra sao và sự bất lợi do bệnh tật gây ra như thế nào cũng đều có quyền bình đẳng như mọi người khác". Khái niệm bình đẳng được làm sáng rõ. Những nguyên tắc về quyền bình đẳng đối với người tàn tật (không có sự ám chỉ đến tật nguyền cụ thể) là những nhu cầu của mỗi người và của mọi cá nhân trong xã hội đều có tầm quan trọng như nhau. "Những nhu cầu đó cần được tôn trọng và đáp ứng nhằm đảm bảo cho mọi cá nhân đều có cơ hội phát triển để tham gia một cách bình đẳng vào công việc trong xã hội".

Năm 1983, 120 quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc đã chấp nhận những nguyên tắc cơ bản về quyền của người tàn tật. Đặc biệt là quyền được giáo dục. Vấn đề giáo dục trẻ khuyết tật được thực hiện trong hệ thống nhà trường chung. Những luật pháp liên quan đến nền giáo dục bắt buộc sẽ bao gồm tất cả mọi trẻ em thuộc mọi dạng khuyết tật, kể cả những em bị khuyết tật nặng.

Vấn đề đã được mở rộng trong tuyên ngôn thế giới về giáo dục cho mọi người (1990). Tuyên ngôn đã khuyến nghị các quốc gia phải quan tâm đến nhu cầu giáo dục đặc biệt của trẻ khuyết tật và tạo điều kiện bình đẳng trong giáo dục cho mọi trẻ khuyết tật như là một bộ phận thiết yếu của hệ thống giáo dục quốc dân.

Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em một lần nữa nhấn mạnh đến các quyền cơ bản của trẻ khuyết tật. Khái niệm về quyền trẻ em được làm sáng tỏ trên nguyên tắc cơ bản của các quyền trẻ em là xã hội có trách nhiệm đáp ứng những nhu cầu cơ bản của trẻ và cung cấp các dịch vụ, sự giúp đỡ cần thiết cho sự phát triển của mỗi cá nhân về mọi mặt, nhân cách, năng lực, tài năng...

Trong Luật Phổ cập giáo dục, Luật Chăm sóc và bảo vệ trẻ em, Luật Chăm sóc sức khỏe ban đầu, Luật Giáo dục, Pháp lệnh về người tàn tật... cũng đều có đề cập đến vấn đề trẻ khuyết tật được có quyền như mọi trẻ em và Nhà nước phải tạo mọi điều kiện, ưu tiên thực hiện các quyền đó.

1.3.5 Tính kinh tế

- Đỡ tốn kém.

- Giải quyết được nhiều trẻ đi học.

Như ta biết, kinh phí giáo dục cho một trẻ khuyết tật là rất đáng quan tâm, gồm các chi phí cho học sinh, đào tạo giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học... Theo số liệu tổng hợp từ các cơ sở, chi phí cho một trẻ khiếm thính trong một năm (1994): Trung tâm Lái Thiêu (nội trú) – khoảng 4 triệu, trường Xã Đàn – Hà Nội (bán trú) – khoảng 2 triệu trong đó chưa tính đào tạo giáo viên và máy trợ thính. Chi phí cho cơ sở vật chất ban đầu cũng là điều cần đề cập; Xây dựng cơ sở vật chất của Trung tâm Vinh, Nghệ An trên 5 tỷ cho lưu lượng học sinh khoảng 200 trẻ.

Trong chương trình giáo dục hòa nhập tại Thường Tín, chi phí cho một trẻ khiếm thính khoảng 600 nghìn (đào tạo giáo viên và lương cho giáo viên). Con số đưa ra đây không phải nhằm vào sự so sánh, vì bất kể sự so sánh nào cũng là khập khiễng và nếu so sánh thì phải tập trung chính vào các mặt như kết quả giáo dục, tính duy trì, sự tham gia của cộng đồng... Chúng ta biết rằng, giáo dục hòa nhập không chỉ để giải quyết vấn đề ngân sách, chúng ta cần nhìn nhận vấn đề làm thế nào để trẻ được hưởng lợi nhiều nhất. Tuy nhiên, không là sai khi nói về hiệu quả nếu không tính đến mặt trách nhiệm chi phí. Như ta đã biết, giáo dục thường bị coi là phung phí qua việc phối kết hợp trong các nguồn lực trong chương trình, những người trực tiếp tham gia vào chương trình.

Cũng cần tránh tư tưởng cho rằng giáo dục hòa nhập là ít tốn kém hơn nhiều so với giáo dục chuyên biệt, nên không cần chi phí nhiều. Trên thực tế tại nhiều nước, giáo dục hòa nhập nhiều khi cần có nguồn kinh phí không kém giáo dục chuyên biệt như Niu Dilân. Còn ở bang Texas – Hoa Kỳ, do chi phí cho trẻ khuyết tật trong lớp hòa nhập chỉ bằng 1/10 so với trường chuyên biệt nên hệ quả là nhà trường không muốn nhận trẻ khuyết tật và tỷ lệ học sinh học hòa nhập là 5% trong tổng số trẻ khuyết tật, so với các bang khác là 53%.

1.3.6 Sự gia tăng dân số và trẻ khuyết tật

Sự gia tăng dân số kéo theo số trẻ khuyết tật ngày càng tăng. Theo số liệu của Tổ chức Y tế Thế giới, khi nền văn minh nhân loại càng phát triển, thì tỷ lệ trẻ khuyết tật càng tăng hay nói cách khác, tỷ lệ khuyết tật tăng theo nền văn minh nhân loại. Cũng theo Tổ chức này, hiện tại tỷ lệ người

khuyết tật trên thế giới là 8 – 10% dân số, con số này sẽ tăng lên 12 - 15% vào năm 2020. So sánh giữa hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh ta thấy Tp. HCM được đô thị hóa mạnh hơn, có thu nhập cao hơn thì số trẻ điếc cũng cao hơn. Và cũng theo số liệu của Ông Barry Wright, Giám đốc chương trình giáo dục trẻ khiếm thính tại Việt Nam do Ủy ban II Hà Lan tài trợ, hàng ngày có 8 trẻ em sinh ra có khuyết tật thính giác, như vậy hàng năm nước ta sẽ có khoảng 3.000 trẻ khiếm thính ra đời. Mặt khác trong quá trình sinh sống, do những nguyên nhân khác nhau hàng ngày có khoảng 12 trẻ em bị mắc tật thính giác. Như vậy, với 15 năm trong độ tuổi đi học chúng ta sẽ có tới 100.000 trẻ khiếm thính. Với số lượng như vậy, chúng ta sẽ tổ chức giáo dục như thế nào? Trong khi với sự nỗ lực trong nhiều năm các trường chuyên biệt của chúng ta mới chỉ có chỗ ngồi cho chưa đến 4000 trẻ trong 92 cơ sở giáo dục chuyên biệt loại trẻ này.

1.3.7 Giáo dục hòa nhập là mô hình giáo dục trẻ khuyết tật có hiệu quả nhất

- Trong giáo dục hòa nhập, trẻ khuyết tật được học ở mô hình bình thường, học ở gần nhà nhất. Điều này tạo cho các em không có sự cách biệt với bố, mẹ, anh, chị trong gia đình. Các em luôn gần gũi với bạn bè, người thân, người quen ở làng, xã. Sống trong môi trường như vậy ở các em luôn có niềm tin về sự an toàn. Những xúc động, vui, buồn, trong tình cảm diễn ra một cách bình thường. Tâm lý ổn định, phát triển cân đối, hài hòa như những trẻ em khác. Không có sự hẫng hụt đáng tiếc. Trong điều kiện đó các em yên tâm phấn đấu, học tập và phát triển.
- Các em được học cùng một chương trình với các bạn bình thường khác. Chương trình và phương pháp ở đây sẽ được điều chỉnh, đổi mới cho phù hợp với nhu cầu, năng lực của các em. Dạy học như vậy sẽ đưa đến hiệu quả cao, các em sẽ phát triển hết khả năng của mình.
- Giáo dục hòa nhập coi trọng sự cân đối giữa kiến thức và kỹ năng xã hội. Môi trường giáo dục thay đổi, các em được tự do giao lưu, giúp đỡ lẫn nhau làm cho các em phát triển toàn diện hơn và thích ứng tốt hơn với môi trường xã hội.
- Giáo dục hòa nhập sẽ tạo ra cơ hội, môi trường để các lực lượng tham gia giáo dục có điều kiện hợp tác với nhau vì mục tiêu chung. Đây cũng là môi trường mà mọi người trong cộng đồng có dịp tiếp cận với trẻ khuyết tật nhiều hơn, thấy rõ hơn những nhu cầu, tiềm năng của các em, những mặt mạnh, khó khăn của các em, từ đó thấy cần phải làm những gì để hỗ trợ các em nhiều hơn. Càng có nhiều người hiểu các em, giúp đỡ các em, chắc chắn các em sẽ có sự trưởng thành vượt bậc.

1.3.8 Giáo dục hòa nhập là mô hình hoàn thiện nhất trong các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật

- Hoàn thiện nhất vì nó tạo ra môi trường, cơ hội để trẻ khuyết tật phát triển tốt khả năng của mình.
- Giáo dục hòa nhập có cơ sở lý luận vững chắc về đánh giá con người, về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và các giải pháp thích hợp trong tổ chức cũng như trong tiến hành giáo dục.
- Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật được áp dụng những lý luận dạy học hiện đại - lấy người học là trung tâm. Chương trình được điều chỉnh, phương pháp được đổi mới thích hợp cho mọi học sinh.
- Giáo dục hòa nhập là mô hình giáo dục kinh tế nhất, mang tính nhân văn nhất. Mô hình này làm cho mọi trẻ em đi học đều vui, đều thấy rõ trách nhiệm của mình. Nó cũng làm cho người lớn gần gũi nhau hơn, có cơ hội hợp tác với nhau vì sự nghiệp giáo dục trẻ khuyết tật.

Hình thức giáo dục	**Chuyên biệt**	**Hội nhập**	**Hòa nhập**
Trẻ	Đặc biệt	Được đưa tới càng gần "bình thường" càng tốt	Đứa trẻ tồn tại như chính bản thân nó
Trường học	Chuyên biệt	Lựa chọn trường "phổ thông"	Trường học ngay tại nơi trẻ sống
Chương trình phương pháp	Đặc biệt	Môn học làm trung tâm	Lấy trẻ làm trung tâm
Giáo viên	Chuyên biệt	Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên chuyên biệt, chuyên gia của các lĩnh vực liên quan	Giáo viên chủ nhiệm
Hiệu quả giảng dạy của giáo viên	Chuyên biệt cho nhóm trẻ cùng dạng tật	Không thay đổi; chỉ có khả năng dạy trẻ "lành"	Có khả năng giúp mọi trẻ trong quá trình học
Sự tự tin ở trẻ	Thấp, cảm giác mình bị khác biệt	Có cảm giác tốt hơn	Cảm giác hoàn toàn tốt về bản thân
Môi trường	Gần như bị tách biệt, từ chối	Không thay đổi được bổ sung	Giới hạn thấp nhất, mở rộng ngang bằng với những trẻ khác
Ngân sách	Rất cao	Đỡ đắt hơn	Hầu hết đều có hiệu quả
Tính bền vững	Không bền vững	Không chứng minh được là bền vững	Hoàn toàn bền vững
Cơ hội cho tham gia	Rất hạn chế	Một phần	Bình đẳng như mọi trẻ
Quyền học tập của trẻ em	Đối tượng của từ thiện	Được thừa nhận là có quyền nhưng không thực thi	Thực tế và cấp thiết

1.3.10. Sự khác biệt giữa các mô hình giáo dục

UNICEF và UNESCO đã giới thiệu bảng tổng hợp khái quát sự khác nhau giữa các hình thức giáo dục trong 11 tiêu chí so sánh như nhau:

MỘT SỐ BÀI TẬP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG

Bài tập 1

Hoạt động 1

Trao đổi nhóm về những vấn đề sau:

1. Nếu bạn có đứa con khuyết tật, bạn sẽ chọn phương án nào? Lý do?
   - Dạy cháu học ở nhà
   - Cho cháu vào trường chuyên biệt
   - Cho cháu vào học trường phổ thông của xã.
2. Bạn hiểu thế nào về trẻ khuyết tật trong trường chuyên biệt?
   - Trẻ được gì?
   - Trẻ mất gì?

Hoạt động 2

Trao đổi nhóm sau khi đi thăm một trường chuyên biệt:

1. Nhận xét những hạn chế của trường chuyên biệt đối với sự phát triển của trẻ khuyết tật:
   - Môi trường giáo dục
   - Chương trình giáo dục
   - Phương pháp giáo dục
2. Mục tiêu của mô hình giáo dục chuyên biệt là gì?

Bài tập 2

Hoạt động 1

Câu hỏi gợi ý cho trao đổi nhóm:

1. Phân tích môi trường giáo dục hòa nhập đối với sự phát triển của trẻ.
2. Nêu các tiêu chí xác định thế nào là giáo dục hòa nhập.
3. Phân tích sự khác nhau giữa giáo dục hòa nhập, hội nhập và chuyên biệt.

Hoạt động 2

Trao đổi nhóm về:

1. Môi trường giáo dục hòa nhập có những đặc điểm nào tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật phát triển hết khả năng của mình?
2. Giáo dục hòa nhập sẽ gặp những trở ngại nào? Cách khắc phục ra sao?

Hoạt động 3

Giải quyết tình huống: nếu bạn có con bị khuyết tật, bạn sẽ cho con bạn học ở đâu? Vì sao?

1. Ở lớp đặc biệt do hội từ thiện tài trợ, ăn học miễn phí, trường cách nhà 5 km.
2. Ở lớp mẫu giáo của xóm có giáo viên nhiệt tình và được học phương pháp dạy hòa nhập.

Câu hỏi gợi ý và trao đổi nhóm

1. Với tư cách là: phụ huynh, hiệu trưởng nhà trường, nhà quản lí giáo dục cấp Bộ, bạn có mong muốn trẻ em phải đạt được gì sau khi dời ghế nhà trường?
2. Nếu bạn có con, cháu, người thân bị khuyết tật, bạn mong muốn những người đó có cuộc sống như thế nào và họ cần có những phẩm chất gì?
3. Giáo dục hiện nay ở nhà trường có gì giống và khác so với thời bạn đi học?
4. Phân tích ảnh hưởng của môi trường giáo dục hòa nhập đến sự phát triển của trẻ khuyết tật.
5. Nhà trường phải thay đổi thế nào để thực hiện tốt các văn bản pháp quy của Quốc tế và Việt Nam về giáo dục hòa nhập.

Phần II

Quy trình giáo dục trẻ khuyết tật

1. Nhu cầu của trẻ em

1.1. Khái niệm chung về nhu cầu

Trong cuộc sống hàng ngày của con người, xu hướng được biểu hiện ra bên ngoài qua nhu cầu, hứng thú, lý tưởng, niềm tin. Nhu cầu là sự đòi hỏi cá nhân về những cái cần thiết để sinh sống và phát triển. Nhu cầu nào được con người nhận thức một cách đầy đủ sâu sắc, có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của mình (không thể thiếu được) thì nhu cầu đó trở thành động cơ. Không có nhu cầu thì không có hoạt động.

1.2. Phân loại nhu cầu

Nhu cầu vật chất: gắn liền sự tồn tại của cơ thể như ăn mặc, nhà ở...

Nhu cầu tinh thần: Gắn liền với sự văn minh nhân loại. Thí dụ như nghệ thuật, khoa học, học tập.

Bậc thang về nhu cầu cơ bản của con người.

Những nhu cầu căn bản của con người có thể được miêu tả bằng "Bậc thang nhu cầu căn bản của con người" của nhà tâm lý học người Mỹ Abraham Maslow.

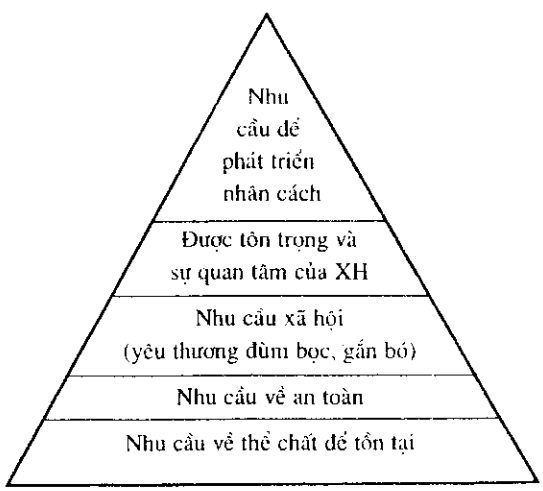

- *Tự nhận thức được hết khả năng của mình để đóng góp cho xã hội.*
- *Tự trọng và được người khác tôn trọng*
- *Nhu cầu được trở thành một thành viên của cộng đồng*
- *Nhu cầu thiết yếu để che chở như quần áo, nhà ở.*
- *Nhu cầu thiết yếu cho con người để sống: thức ăn, không khí, ngủ*

Không kể đến nơi sống, mỗi cá nhân đều có một số nhu cầu căn bản như nhau. Tuy nhiên những nhu cầu đó không thường xuyên được đáp ứng với cùng mức độ. Các nhu cầu khác nhau không thể xem xét một cách biệt lập. Không ai có thể tự mình đáp ứng được toàn bộ các nhu cầu đó. Nó chỉ có thể thực hiện được trong một cộng đồng với sự giúp đỡ của những người khác.

Những nhu cầu sinh lý, thân thể:

Trước khi con người có thể làm bất kỳ việc gì khác, trước hết họ phải đảm bảo duy trì sự sống. Để làm gì vậy? Họ phải có lương thực, thực phẩm để ăn, có nước để uống và có dưỡng khí để thở. Nếu như những nhu cầu này không được đáp ứng thì người ta không thể nghĩ sang các nhu cầu khác.

Sự an toàn:

An toàn ở đây có thể nhìn nhận theo 2 dạng: Tinh thần và vật chất.

Nhu cầu an toàn được thể hiện ngay từ khi đứa trẻ mới lọt lòng đồng thời cũng duy trì và tồn tại trong suốt đời người. Điều đó có thể lý giải tại sao trẻ em từ lúc sinh ra đến tuổi trưởng thành vẫn luôn luôn cần có người thân bên cạnh. Khi độc lập cũng thật vô cùng khó khăn để người ta làm việc có hiệu quả, nếu như họ sống trong sự sợ hãi hoặc bất ổn định. Khi người ta sợ, điều quan trọng nhất đối với họ là có được một môi trường an toàn.

Về mặt vật chất, con người có nhu cầu về an toàn, tránh các rủi ro, tai nạn làm tổn thương đến cơ thể.

Tình yêu thương và thân thiết:

Một trong những điểm quan trọng nhất đối với con người là cần được yêu thương. Chỉ một số ít người cảm thấy vui với cuộc sống cô đơn không cần giao tiếp với người khác. Người ta cần có cảm giác rằng họ là một phần của một gia đình. Họ cần có bạn và sự yêu thương. Có người có nhu cầu yêu thương và bầu bạn lớn hơn so với người khác.

Lòng tự trọng:

Lòng tự trọng hay là lòng tự tôn là cảm giác về giá trị và sự có ích của cá nhân mình. Để yêu thương người khác, người ta trước hết phải biết yêu thương chính bản thân mình... Người ta khó mà quan tâm tới hay giúp đỡ người khác khi mà họ không vui về cuộc sống của chính bản thân họ.

Sự phát triển nhân cách:

Đặt ra những mục đích thực tế và đạt được chúng. Những mục đích này có thể rất khác nhau ở mỗi cá nhân vì nó phụ thuộc vào khả năng, vào tinh

thần hay thể chất và các mối quan tâm ở mỗi cá nhân. Nó cũng thay đổi theo tiềm năng, cơ hội và môi trường trực tiếp của mỗi cá nhân.

Những nhu cầu khác của trẻ khuyết tật:

Trẻ khuyết tật là trẻ đáng được quan tâm hơn hết, các em có cùng những nhu cầu cơ bản như mọi trẻ em. Để chuẩn bị tốt cho tương lai, những trẻ này có thể có thêm những nhu cầu khác và cần sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Nhu cầu của trẻ em	Nhu cầu của trẻ khuyết tật cần được đáp ứng
1. Nhu cầu về thể chất: Thức ăn, nơi ở, nước uống, đủ ấm	Một trẻ em bị hở hàm ếch hoặc bị bại não thường gặp khó khăn khi nuốt thức ăn, có thể cần được giúp đỡ đặc biệt khi ăn uống.
2. Sự an toàn (đảm bảo) chắc chắn. Sự ổn định chắc chắn không hề sợ hãi	Một em bị chứng động kinh, phong hoặc lên cơ co giật ở cơ quan phát âm khi nói, có thể cần có thuốc để kiểm soát các cơn động kinh, co giật và ngăn ngừa chấn thương.
3. Sự thương yêu và gắn bó (sở hữu): Bạn bè, gia đình, vợ chồng	Trẻ khuyết tật có thể không được gia đình chấp nhận và thương yêu bởi vì cha mẹ có thể quá bận rộn cố tìm phương thuốc chữa trị cho trẻ, hoặc cảm giác tội lỗi và thái độ của cộng đồng có thể làm cho cha mẹ của trẻ khó chấp nhận em.
4. Lòng tự trọng: Những điều đạt được học tập, sự nhận thức, sự tôn trọng	Thái độ của gia đình và hàng xóm có thể giúp đỡ hoặc làm em chậm tiến. Điều quan trọng là phải thấy được năng lực của trẻ, đánh giá được vai trò của trẻ trong gia đình hơn là nhìn em như một gánh nặng, tỏ lòng thương hại.
5. Quá trình phát triển cá nhân, sự hoàn thiện, tính sáng tạo	Trẻ khuyết tật cần được đi học, vì nhà trường là môi trường GDHN tốt nhất, có điều kiện cần thiết để trẻ có thể phát triển. Một số trẻ khuyết tật có thể cần có những thiết bị hay phương tiện di chuyển đặc biệt để có thể đến trường. Nếu chăm sóc bảo vệ quá đáng và đánh giá thấp... sẽ ảnh hưởng đến lòng tự trọng và sự tiến bộ ở trẻ khuyết tật.

Lưu ý: *Xét dưới góc độ tâm lý học, nhu cầu còn là động cơ để phát triển.*

- Nhu cầu của trẻ được hình thành, thay đổi và phát triển trong những điều kiện cụ thể.
- Nhu cầu nảy sinh và phát triển trong hoạt động.
- Nhu cầu của học sinh có thể được hình thành nhờ việc tổ chức tốt

những hoạt động phong phú, đa dạng phù hợp với các em.

- Giáo dục nhu cầu không có nghĩa là giảng giải thuyết giáo bằng những lời khuyên hoặc sự răn đe mà phải tổ chức những hoạt động phong phú và đa dạng, phù hợp với từng lứa tuổi nhất định.

1.3. Năng lực (khả năng) của trẻ khuyết tật

Khái niệm: Năng lực là những đặc điểm cá nhân đáp ứng được các đòi hỏi của một hoạt động nhất định nào đó và là điều kiện để thực hiện kết quả hành động nào đó. Bất cứ hoạt động nào cũng đòi hỏi ở con người một loại năng lực và các năng lực đó liên quan với nhau.

Các đặc điểm về năng lực:

- Khả năng bù trừ của năng lực. Thí dụ:
  + Sự nhậy cảm thính giác của trẻ mù.
  + Sự nhạy cảm thị giác của trẻ điếc.
  + Sự khéo léo đôi chân của trẻ liệt chi trên.
- Năng lực được hình thành trong cuộc sống, không phải bẩm sinh.

Tiền đề tự nhiên để phát triển năng lực là đặc điểm sinh lý giải phẫu bẩm sinh của não bộ, của hệ thần kinh, của bộ máy phân tích. Chính vì thế mà trong những điều kiện như nhau mà sự phát triển năng lực lại khác nhau.

Con người có nhiều năng lực (đa năng):

Năng lực học tập; năng lực trí tuệ; năng lực sáng tạo; năng lực đặc biệt...

Thí dụ: Trẻ điếc chỉ liếc mắt nhìn là biết ngay cô giáo đang nói gì và thái độ ra sao đó là năng lực đặc biệt.

Phương pháp phát triển năng lực:

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em khuyết tật được tham gia các hoạt động. Thông qua hoạt động trẻ sẽ thoả mãn các nhu cầu khác nhau và phát triển các năng lực.

Thoả mãn nhu cầu của các em trong hoạt động. Trẻ phải hứng thú tự nguyện tham gia không bị gượng ép bắt buộc.

- Tạo điều kiện cho mỗi em có thể sáng tạo (tuỳ thuộc vào khả năng từng em).
- Hoạt động cần thích hợp với khả năng của từng em.

Thuyết đa năng lực (thông minh):

Theo quan điểm của Gardner (Nhà tâm lý học Hoa Kỳ) thì trong bản thân mỗi con người có rất nhiều khả năng mà chúng ta chưa bao giờ sử dụng hoặc sẽ sử dụng. Ông cho rằng ai cũng có năng lực nhất định và các năng lực đó ở các mức độ khác nhau. Ông đề xuất 8 dạng năng lực sau:

1. Giao tiếp /Ngôn ngữ:

Học đọc; từ vựng; ngôn ngữ chính thức; ghi chép nhật ký; cách viết sáng tạo; thơ ca; tranh luận; ứng khẩu; những câu nói hài hước; kể chuyện.

2. Tư duy logic và toán học:

Những ký hiệu trừu tượng/công thức; vạch dàn ý; biểu đồ hình vẽ; các chữ số; tính toán; mã số; những mối quan hệ bắt buộc; giải quyết vấn đề; trò chơi điển hình;

3. Hình ảnh hội họa không gian:

Hình tượng; óc tưởng tượng sống động; biểu đồ màu; các mẫu vẽ/mẫu thiết kế; tranh vẽ; tưởng tượng trong óc; nhập vai; tượng; tranh ảnh.

4. Âm nhạc:

Cảm thụ âm nhạc; nghe nhạc; sáng tác âm nhạc; thẩm âm.

5. Nội tâm:

Phương pháp phản ánh nội tâm; kỹ năng nhận thức; chiến lược suy ngẫm; diễn biến tâm lý; quá trình tự khám phá bản thân; thực hành suy luận; kỹ năng tập trung; phương pháp suy luận mang tính logic cao; hình tượng tổ hợp được hướng dẫn; thực hành xoay quanh trọng tâm.

6. Quan hệ tương tác, quan hệ xã hội:

Đưa ra sự phản hồi; nhận biết cảm giác của người khác; chiến lược học nhóm; giao tiếp cá nhân; phân chia lao động; kỹ năng hợp tác; nhận phản hồi; dự án nhóm.

7. Thể thao động năng:

Các điệu nhảy dân tộc/ Các điệu nhảy sáng tạo; đóng vai; thể dục thể thao; kịch; võ thuật; ngôn ngữ cơ thể; các bài thể dục; kịch câm; sáng tạo; trò chơi thể thao.

8. Tìm hiểu thiên nhiên:

Cảm thụ cái đẹp của thiên nhiên; Hiểu thiên nhiên.

VAI TRÒ CỦA THUYẾT ĐA NĂNG LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC NHÓM

(Áp dụng cho tất cả các khối lớp)

1. Vai trò về mặt ngôn ngữ và giao tiếp

- Người đọc có trách nhiệm đọc các tài liệu viết yêu cầu để cả nhóm hoàn thành bài được giao.
- Thư ký sẽ ghi chép lại phần thảo luận của nhóm và tiến hành bất kỳ ghi chép nào mà bài học yêu cầu.
- Một người sẽ kiểm tra sản phẩm của cả nhóm để chỉnh sửa lỗi chính tả.
- Báo cáo viên sẽ báo cáo về kết quả bài làm của nhóm với cả lớp.
- Người ghi chép các sự kiện chính xảy ra trong quá trình nhóm làm việc.
- Nhà thơ làm một bài thơ hoặc bài thơ hài hước về nhóm và về công việc mà nhóm tiến hành.
- Cây hài là người làm cho cả nhóm vui vẻ qua một câu chuyện cười hoặc những lời nhận xét hài hước về bài học.
- Một người giúp cả nhóm nghĩ ra những mẹo nhỏ để giúp cả nhóm nhớ bài học tốt hơn.
- Một người đóng vai đối lập để khuyến khích nhóm tranh luận và thảo luận.
- Một người kể lại cho các nhóm các câu chuyện về các tiến trình khác nhau của quá trình làm việc nhóm.

2. Vai trò về tư duy logic và toán học

- Người kiểm tra đảm bảo là mỗi thành viên hiểu nội dung và các câu trả lời của mỗi bài học.
- Nhà khoa học giúp nhóm tạo ra trình tự các bước tiến hành để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Người tiên đoán sự việc sẽ kiểm tra kết quả của hoạt động nhóm.
- Chuyên gia về số học sẽ kiểm tra kết quả toán cả nhóm làm và những con số nhóm sử dụng.
- Người giải quyết vấn đề sẽ gợi ý các cách khách nhau để giải quyết một vấn đề mà nhóm đang đảm nhiệm.
- Người thanh tra sẽ tìm các đầu mối cho lời giải đáp trong khi nhóm thảo luận về cách giải quyết vấn đề.
- Người quản lý thời gian nhìn đồng hồ trong thời gian nhóm làm việc và điều chỉnh tốc độ làm việc cho nhóm khi cần thiết.
- Người tính sẽ trình bày công thức giải toán của cả nhóm.

- Nhà tư duy giúp cả nhóm nhớ, đánh giá và cải thiện các bước tư duy của nhóm mình.
- Chuyên gia về kiểu mẫu xem xét mối liên hệ với các môn học khác ở cả trong và ngoài lớp học.

3. Vai trò về trực quan không gian

- Kiến trúc sư giúp cả nhóm thiết kế chương trình hoặc kế hoạch tổng thể để trình bày về sản phẩm cuối cùng của nhóm.
- Người trang trí màu sắc đưa ra những ý tưởng về màu sắc để thể hiện tinh thần và ý tưởng của sản phẩm nhóm.
- Họa sĩ minh họa các phần trình bày khác nhau bằng hình ảnh hoặc tranh.
- Chuyên gia về hình ảnh giúp nhóm tư duy bằng hình ảnh và tranh sử dụng "con mắt của khối óc".
- Chuyên gia về hình khối đưa ra các kiểu mẫu và thiết kế trừu tượng đi kèm với sản phẩm của nhóm.
- Người định vị vị trí giúp nhóm chọn vị trí đúng trong trang giấy để trình bày hoặc có thể tìm được vị trí của mình trong một bản đồ tổng thể.
- Nhà điêu khắc sẽ giúp nhóm diễn tả ý tưởng và cảm xúc qua các hình điêu khắc giống như làm bằng đất sét.
- Người phụ trách mảng cắt dán sẽ làm những việc có liên quan nếu nhóm có nhu cầu.
- Người thiết kế biểu tượng sẽ tạo ra các biểu tượng và hình ảnh riêng cho nhóm.
- Người luôn mơ ước sẽ giúp nhóm sử dụng trí tưởng tượng của mình để hiểu bài tốt hơn.

4. Vai trò khả năng di chuyển

- Người đóng vai sẽ giúp nhóm suy nghĩ về những ý kiến xoay quanh việc đóng vai diễn tả một phần bài học.
- Diễn viên múa gợi ý những động tác di chuyển cơ thể đầy sáng tạo giúp có thể truyền tải một phần nào của bản báo cáo của nhóm.
- Người huấn luyện viên giúp nhóm học các thói quen di chuyển thể hiện những gì đã học.
- Người sáng tạo ra những bước mới, những thủ tục và các cách thức đầy tích cực để làm những việc đã cũ.
- Biên đạo múa giúp nhóm lên kế hoạch cho từng phần báo cáo hoặc bài

trình bày.

- Người điều khiển các hành vi, động tác đưa ra những ngôn ngữ cử chỉ để giao tiếp truyền tải những cảm nghĩ của nhóm về bài học.
- Người điều phối về thể lực nghĩ ra các trò chơi di chuyển để tiến hành có liên quan đến bài học hoặc bài tập.
- Người diễn kịch câm tạo ra các động tác không dùng lời để biểu diễn những phần nhóm đã học trong tiết dạy hoặc trong hoạt động.
- Người đạo diễn sân khấu giúp nhóm thực hành và tu chỉnh bài trình bày tiếp theo.
- Giám đốc sân khấu giúp nhóm tìm ra các trình bày dưới dạng kịch sân khấu nếu cần.

5. Vai trò khả năng âm nhạc/ nhạc điệu

- Người đánh trống tạo ra những nhịp điệu ăn khớp với tốc độ và nhịp điệu làm việc của nhóm theo từng giai đoạn thời gian.
- Ca sĩ nghĩ ra những bài hát nổi tiếng hoặc những giai điệu về nhóm và áp dụng cho một nhiệm vụ cụ thể nào khi nhóm đang tiến hành.
- Người chỉ đạo âm thanh giúp nhóm soạn thảo nhạc nền phù hợp khi trình bày báo cáo.
- Nhà sáng tác nhạc sáng tác lời cho những bài hát về nhóm hoặc về nhiệm vụ nhóm đang làm.
- Người điều khiển âm thanh đảm bảo nhóm không bị quá ồn, ở một mức độ phù hợp trong khi nhóm tiến hành hoạt động hợp tác nhóm.
- Nhạc trưởng kiểm tra lại với nhóm về phần nhạc trong phần báo cáo sẽ trình bày.
- Người gõ âm thanh giúp nhóm tạo ra những âm thanh và tiếng leng keng cho nhóm hoặc cho hoạt động của nhóm, tạo sự sôi nổi.
- Người điều phối hợp ca dẫn dắt nhóm trong phần nhạc hoặc phần âm thanh khi tiến hành bài trình bày hoặc quảng cáo.
- Người quản lý các dụng cụ âm nhạc thu thập hoặc tạo ra âm thanh và tiếng động khi cần thiết.

6. Vai trò tự thân

- Người luôn lo lắng là người thường lo về những phần việc mà nhóm được giao.
- Người phản ánh giúp nhóm suy nghĩ về những ý nghĩa và tác dụng của

nhiệm vụ được giao.

- Người xử lý thường dẫn dắt nhóm đánh giá các hành vi hợp tác và tư duy của nhóm.
- Người đo lường chất lượng đảm bảo nhóm mình đang làm với hiệu quả tốt nhất và sản phẩm cuối cùng là tốt.
- Người quan sát về sự sáng tạo giúp nhóm suy nghĩ về một số cách tiếp cận vui, độc đáo nhằm hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.
- Người quan sát cảm giác và hành vi thì luôn chú ý và giúp nhóm thảo luận những ý kiến đưa ra khác nhau.
- Người giúp đánh thức tiềm thức là người giúp nhóm ý thức về những gì mà chúng đang học.
- Người có vai trò gắn kết luôn luôn liên hệ với nhiều việc khác kể cả là hoạt động trong hay ngoài lớp.
- Nhà tập trung luôn đưa ra cách thức giúp nhóm có thể duy trì trọng tâm, chú ý của mình về nhiệm vụ.
- Nhà triết lý luôn đặt câu hỏi về giá trị và niềm tin ngay trong quá trình thảo luận nhóm.

7. Vai trò giao kết

- Nhà tổ chức giúp nhóm lập kế hoạch và thống nhất chiến lược (cách thức) đối với nhiệm vụ đặt ra.
- Người luôn khuyến khích thì luôn hỗ trợ tích cực và khuyến khích tất cả các thành viên trong nhóm.
- Người tạo động lực luôn tìm cách cho nhóm hăng say vào công việc.
- Người tư vấn luôn luôn cho các nhóm giải quyết các vấn đề và các vấn đề nảy sinh như thế nào.
- Người phiên dịch giải thích ý nghĩa của các bộ phận, ý nghĩa của bất kể phần nào đặt ra mà thành viên không hiểu.
- Người quản lý sự tham gia đảm bảo tất cả các thành viên đều đóng góp vào sản phẩm cuối cùng.
- Người nắm bắt nhiệm vụ luôn chú ý nhóm tập trung vào nhiệm vụ và đảm bảo là nhiệm vụ đó được hoàn thành.
- Người thống nhất đảm bảo các thành viên đều thống nhất về một cái gì đó và hiểu về sản phẩm cuối cùng.
- Người quan sát việc giao tiếp thì phải quan sát quá trình giao tiếp của

nhóm (nghe, lắng nghe...).

- Nhà giải trình luôn nhắc lại những ý kiến của các thành viên khác trong nhóm đề cập đến để giúp các thành viên trong nhóm đều hiểu được.

Những động từ - hành động để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong đó sử dụng mô hình phân bậc Bloom

** Những động từ/ hành động ở cấp độ biết*

1. Liệt kê
2. Ráp nối
3. Nhận dạng
4. Ghi lại
5. Ai, cái gì, bao giờ hay ở đâu
6. Nêu tên
7. Tìm
8. Gắn nhãn
9. Viết
10. Nhớ lại

** Những động từ/hành động ở cấp độ hiểu*

1. Tóm tắt
2. Mô tả
3. Diễn đạt lại bằng ý hiểu của mình
4. Giải thích
5. Cho ví dụ thuật ngữ khác.
6. Dẫn chứng
7. Kết luận
8. Khái quát
9. Thể hiện bằng
10. Viết lại, kể lại hay phát biểu lại.

** Những động từ/hành động ở cấp độ áp dụng*

1. Áp dụng
2. Thu thập thông tin
3. Xây dựng
4. Chứng minh
5. Thí nghiệm
6. Biểu diễn
7. Thực hành
8. Vẽ mẫu
9. Đưa ra cách làm
10. Giải quyết

** Những động từ/ hành động ở cấp độ phân tích*

1. So sánh và đối chiếu
2. Suy luận
3. Rút ra các kết luận
4. Khái quát
5. Khám phá
6. Kiểm nghiệm
7. Suy diễn
8. Mổ xẻ
9. Lập công thức
10. Vẽ biểu đồ

** Những động từ/ hành động ở cấp độ tổng hợp*

1. Tạo lập
2. Kết hợp
3. Thiết kế
4. Sáng tạo
5. Tổ chức
6. Thể hiện
7. Phát kiến
8. Xây dựng
9. Tưởng tượng
10. Qui ước

** Những động từ/ hành động ở cấp độ đánh giá*

1. Tranh luận
2. Phê bình
3. Bảo vệ
4. Đánh giá
5. Tính điểm
6. Đánh giá hay lập luận
7. Xếp hạng
8. Giới thiệu
9. Xác minh hoặc hợp thức hoá.
10. Ủng hộ

MÔ HÌNH DỰ KIẾN THEO BLOOM

Mức độ	Định nghĩa	Phương tiện thể hiện	Động từ mẫu		
Biết	*Học sinh gợi lại hoặc nhìn nhận thông tin*	Quân bài, truyện đố, vở dán tranh/ ảnh, vẽ, đố hình/chữ, băng ghi, chuyển động, nghệ thuật cắt dán.	Định nghĩa Vẽ Nhận dạng Gắn nhãn	Liệt kê Định vị Ráp nối Nêu trên	Thuật lại Lựa chọn Phát biểu
Hiểu	*H/sinh chuyển thông tin sang hình thức biểu tượng*	Kịch múa rối, từ điển tranh, sách, chuyện/ phóng sự bài luận, bản tin, nhật ký.	Phân loại Biểu lộ Mô tả Giải thích Khái quát	Minh họa Gộp nhóm Diễn giải Xếp thứ tự	Kể lại Viết lại Chỉ ra Tóm tắt
Áp dụng	*Học sinh sử dụng kiến thức để giải quyết vấn đề*	Biểu đồ/ sơ đồ, mô hình, màn kịch, trưng bày, phỏng vấn, điều tra, trung tâm thu nhỏ	Áp dụng So sánh/ Đối chiếu Tranh luận Vẽ sơ đồ Kết luận Khám phá	Kiểm tra Phỏng vấn Điều tra Lưu trữ Làm Xây dựng	Phỏng đoán Trình diễn Chứng minh Tìm kiếm Dịch
Phân tích	*Học sinh chia thông tin thành các phần*	Sách giáo khoa, bản sao, báo cáo miệng, phim, sách, bộ sưu tập, người dẫn chương trình, thư	Phân tích Suy luận Định rõ	Kiểm nghiệm Suy diễn Thuật lại	So sánh Đối chiếu Mổ xẻ
Tổng hợp	*H/s giải quyết vấn đề bằng cách kết hợp các thông tin với nhau theo ph/pháp đòi hỏi tư duy sáng tạo độc lập*	Bài thơ/ bài hát, trò chơi, bài nói, kịch, triển lãm/bảo tàng trưng bày, đọc đồng thanh.	Kết hợp Tạo lập Thiết kế Phát triển Tưởng tượng Phát kiến Đề xuất	Biểu diễn Lên kế hoạch Trình diễn (đoạn đầu một tác phẩm)	Dàn dựng Duyệt lại Tổng hợp
Đánh giá	*H/sinh đưa ra những đánh giá định lượng và định tính dựa trên những tiêu chuẩn đã đặt ra*	Viết báo cáo, sách cuốn, bìa sách, áp phích, hình chiếu không gian ba chiều, đề tài tranh/ảnh, quảng cáo, bài xã luận, bút chiến.	Tranh cãi Khích lệ Chọn lựa Phê phán Phê bình	Tính điểm Đánh giá Bào chữa Xếp hạng Tính tỉ lệ	Giới thiệu Ủng hộ Kiểm tra Hợp thức hoá

1. Nội dung tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật

** Sự phát triển về thể chất*

- Sự phát triển cân đối của cơ thể: hình dáng bề ngoài.
- Khả năng vận động: Bò, ngồi, đứng, đi, chạy, nhảy...
- Khả năng lao động: Tự phục vụ, lao động giúp đỡ gia đình...
- Phát triển cảm giác của cơ thể và hệ cảm ứng.

** Khả năng ngôn ngữ - giao tiếp*

- Khả năng nghe - hiểu ngôn ngữ
- Ngôn ngữ ký hiệu (điệu bộ, cử chỉ, bắt chước)
- Ngôn ngữ biểu đạt: kỹ năng phát âm; vốn từ vựng; ngữ pháp
- Kỹ năng đọc, viết.
- Khả năng giao tiếp không lời và bằng lời.

** Khả năng nhận thức*

- Khả năng tri giác: Nghe, nhìn.
- Khả năng ghi nhớ.
- Khả năng tư duy, suy nghĩ, phán đoán, giải quyết vấn đề.
- Khả năng hiểu biết về: Con người, thế giới vật chất, phương tiện, công cụ.
- Khả năng học tập văn hoá, lao động, học nghề ...

** Quan hệ xã hội*

- Mối quan hệ của trẻ đối với mọi người, tập thể (nhóm, đôi...)
- Hành vi ứng xử, cảm xúc, tình cảm...
- Khả năng thích hợp, đáp ứng những quy định của gia đình, xã hội.
- Khả năng hội nhập với cộng đồng.

** Môi trường phát triển của trẻ*

Môi trường ăn ở, vệ sinh, chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, văn hoá - xã hội.

2. Phương pháp tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật

Phương pháp quan sát

- Mục đích: Qua quan sát có thể thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau. Mục tiêu quan sát có thể là các thông tin về trẻ về một lĩnh vực cụ thể hành vi, nhận thức, giao tiếp, hoà nhập xã hội... Mục tiêu có thể là tìm hiểu tổng thể về một trẻ như: phát hiện mặt tích cực và khó khăn của từng trẻ; nhận biết hành vi; phát hiện nhu cầu cần đáp ứng; đánh giá khả năng toàn diện của trẻ (điểm mạnh, yếu); lập

kế hoạch giáo dục để phát triển năng lực.

- *Hình thức quan sát:* Có 2 hình thức quan sát chính là quan sát chủ định và quan sát không chủ định. Quan sát không chủ định là quan sát ngẫu nhiên quá trình trẻ tham gia vào các hoạt động, người quan sát không tổ chức nhưng có mục tiêu quan sát rõ ràng. Số liệu thu được qua hình thức quan sát này mang tính khách quan cao vì trẻ biểu hiện hết các năng lực và nhu cầu của mình trong môi trường hoàn toàn tự nhiên.

Quan sát có chủ định là hình thức người quan sát chủ động các hoạt động để quan sát trẻ. Sự tham gia của người quan sát có thể chia thành các mức độ sau đây:

Quan sát khách quan: người quan sát không can thiệp vào quá trình tham gia các hoạt động của trẻ mà chỉ như người ngoài cuộc thu thập các thông tin theo nội dung và mục tiêu đã định sẵn.

Quan sát bán chủ động: người quan sát chủ yếu vẫn đóng vai trò thụ động, nhưng để làm rõ những thông tin cần có người quan sát có thể tạo ra các hoạt động phụ trợ để trẻ tham gia.

Quan sát chủ động: người quan sát tạo ra các tình huống, tổ chức các hoạt động cho trẻ tham gia nhằm mục đích lấy được các thông tin cụ thể chi tiết đáp ứng mục tiêu quan sát.

3. Điều kiện quan sát tốt

Xác định rõ mục đích yêu cầu và nhiệm vụ quan sát.

Chuẩn bị các mẫu ghi chép cụ thể, chi tiết, rõ ràng.

Xác định hình thức và vị trí quan sát thích hợp.

Có kế hoạch chuẩn xác: các hoạt động của trẻ diễn ra trong khoảng thời gian không dài nên cần có kế hoạch chi tiết và yêu cầu rõ ràng cho từng thời điểm.

3.1 Tránh những sai lệch trong quan sát:

Trong quá trình quan sát, người quan sát thường áp đặt kinh nghiệm, trải nghiệm của mình làm cho các thông tin thu được không chính xác, mang tính chủ quan. Nhiều giáo viên quá tin vào kinh nghiệm của mình nên khi quan sát thường chỉ lấy được các thông tin phiến diện, chủ quan từ đó đánh giá sai lệch về trẻ. Thực tế cho thấy cùng một biểu hiện của trẻ nhưng được nhìn nhận bằng nhiều cách khác nhau tuỳ thuộc vào người quan sát. Để tránh những sai lệch này, người quan sát cần lưu ý một số điểm sau:

- Chỉ ghi nhận những biểu đạt của trẻ một cách khách quan.
- Phân tích các kết quả thu nhận được một cách khách quan.

3.2 Kỹ năng quan sát "chủ động nhìn"

- Cần sử dụng cả hai hình thức quan sát chủ định và không chủ định một cách linh hoạt.
- Quan sát trẻ trong những môi trường khác nhau và trong các hoạt động khác nhau.
- Quan sát trẻ trong trạng thái tâm lý, tình cảm khác nhau (khi vui, buồn...)
- Quan sát thường xuyên mọi vấn đề xung quanh đứa trẻ. Quan sát tất cả những biểu hiện hành vi, cách cư xử, cách giao thiệp... để xem xét trẻ làm gì, nói gì, hành vi ứng xử ra sao .
- Theo dõi những biểu hiện trên nét mặt, cử chỉ, tư thế và điệu bộ "ngôn ngữ thân thể" của trẻ.
- Chú ý những sự khác nhau về ngôn ngữ bằng lời nói với ngôn ngữ không lời.
- Sau khi quan sát phải có kết luận hoàn toàn khách quan, tránh định kiến chủ quan.

** Phương pháp phỏng vấn*

Phỏng vấn là một trong các hình thức thường được sử dụng trong việc tìm kiếm các thông tin mà bằng quan sát không thể có được. Qua phỏng vấn, có thể thu nhận những thông tin sâu kín của trẻ như ý nghĩ, tình cảm, quan điểm, thái độ...

** Các hình thức phỏng vấn:*

- Đàm thoại: Hình thức "nói chuyện" có định hướng, có hiệu quả để lấy được các thông tin cần thiết trung thực. Trong quá trình "nói chuyện" sẽ xuất hiện nhiều tình huống khác nhau và chủ đề có thể sẽ rất rộng nhiều khi chệch hướng dẫn đến không thu lượm được những thông tin cần thiết. Cho nên cần nhạy cảm với những tình huống xuất hiện trong quá trình trao đổi và với các biểu hiện tình cảm làm sao để nắm bắt được suy nghĩ của người đối thoại. Can thiệp một cách hợp lí và tế nhị vào quá trình đàm thoại.

- Phỏng vấn với câu hỏi định hướng: Câu hỏi định hướng là tập hợp những câu hỏi hoặc những vấn đề cần phải tìm hiểu trong quá trình phỏng vấn. Những câu hỏi này cần được chuẩn bị trước để các điều tra viên thống nhất những thông tin cần phải có sau khi phỏng vấn. Câu hỏi định hướng là những vấn đề "khung" người tiến hành phỏng vấn có thể được tự do trong cách đặt vấn đề, thứ tự các vấn đề nhưng các thông tin cần phải đáp ứng được mục tiêu phỏng vấn.

- Phỏng vấn theo các câu hỏi chuẩn bị sẵn: Người phỏng vấn xây dựng

sẵn các câu hỏi, và tiến hành phỏng vấn theo trật tự các câu đã được sắp xếp theo trình tự nhất định.

- Kỹ năng phỏng vấn:

+ Kỹ năng lắng nghe: tập trung hoàn toàn vào người nói; nghe nhiều hơn nói; sử dụng tốt các kĩ năng ngôn ngữ thân thể như nụ cười, ánh mắt biểu đạt sự đồng cảm, gật đầu, nghiêng về phía người được phỏng vấn, giọng nói nhỏ và dễ nghe; tỏ ra thân thiện (cởi mở và hữu ích) với thái độ tốt; tạo ra bầu không khí dễ chịu; nhớ chính xác những điều đã được nói ra; phản ánh lại những ý kiến và cảm giác để đảm bảo bạn đã hiểu chính xác; kiểm tra lại với người được phỏng vấn; tránh phân tích và giải thích quá mức.

+ Kĩ năng đặt câu hỏi: đưa ra những câu hỏi thích hợp vào thời điểm thích hợp và đúng cách; Bắt đầu bằng câu hỏi chung ngắn gọn để kích thích sự bày tỏ cao nhất về những suy nghĩ và cảm xúc; tiếp theo dùng các câu hỏi có trọng tâm nhằm thu được thông tin chính xác và tập trung hơn nữa vào chủ đề; tránh những câu hỏi " bế tắc" như câu hỏi "có" hoặc "không"; những câu hỏi tốt là những câu đơn giản, rõ ràng, cụ thể, có liên quan với mục đích tìm hiểu; người phỏng vấn phải dùng các câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp phụ thuộc vào hình thức nào là phù hợp với cuộc đối thoại.

+ Kĩ năng thăm dò: người kiểm tra phải xem xét cẩn thận để phát hiện thêm; kĩ năng khai thác được áp dụng khi thông tin do người được khảo sát đưa ra không chính xác, không rõ ràng, không nhất quán với các thông tin đã đưa ra trước đó.

+ Kĩ năng chỉ đạo: dẫn dắt và kiểm soát câu chuyện đi đúng hướng; đưa cuộc phỏng vấn đi sát vào chủ đề; sử dụng thời gian một cách hợp lí; nếu như câu trả lời của người được phỏng vấn lạc đề thì người phỏng vấn cần nhắc lại hoặc nói rõ về câu hỏi.

4. Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch giáo dục

4.1. Xây dựng mục tiêu giáo dục cá nhân

4.1.1. Khái niệm chung về mục tiêu

Mục tiêu là đích cần đạt tới để thực hiện nhiệm vụ. Thí dụ: Mục tiêu của ngành giáo dục đề ra là đến năm 2000 hoàn thành phổ cập Tiểu học trong cả nước.

Các loại mục tiêu: mục tiêu rất đa dạng và tuỳ thuộc vào các tiêu chí xây dựng có các dạng mục tiêu sau đây:

- Mục tiêu đào tạo con người theo UNESCO và UNICEF cần đạt 4 mục tiêu trụ cột sau: học để làm người, học để biết, học để làm và học để chung sống.

- Trong ngành giáo dục đào tạo cũng có rất nhiều mục tiêu: kiến thức, kỹ năng và thái độ.
- Theo ngành học thì có mục tiêu mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học...
- Theo thời gian thì có mục tiêu dài hạn, ngắn hạn.
- Theo nội dung giáo dục thì có các mục tiêu:
  + Ngôn ngữ giao tiếp
  + Phát triển nhận thức (các môn học)
  + Lao động
  + Giáo dục
  + Hội nhập
  + Phát triển các chức năng

4.1.2. Phương pháp xây dựng mục tiêu

Mục tiêu giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật được xây dựng dựa vào các cơ sở sau:

- Khả năng của trẻ.
- Nhu cầu cần đáp ứng.
- Mục tiêu cấp học.
- Điều kiện thực hiện (môi trường giáo dục, kinh tế, nhân lực).

Những thông tin trên được viết ra từ phiếu quan sát đã thực hiện ở phần tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ. Để xây dựng mục tiêu chính xác, giáo viên chủ nhiệm cần tham khảo trước ý kiến của các giáo viên trong trường, ý kiến cha mẹ học sinh và những người xung quanh...

Khi xây dựng mục tiêu cho một trẻ khuyết tật cần theo 5 nội dung:

- Hoà nhập xã hội.
- Kiến thức (các môn học).
- Hành vi ứng xử, giao tiếp.
- Giáo dục tự phục vụ, lao động, nghề nghiệp.
- Phát triển các khả năng.

Mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật do giáo viên và phụ huynh học sinh cùng nhóm hỗ trợ xây dựng. Mục tiêu được xây dựng cần mang tính tổng thể để có thể được thực hiện không chỉ trong môi trường lớp học mà trong cả môi trường cộng đồng.

Mục tiêu giáo dục là định hướng kết quả giáo dục cần đạt được thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong điều kiện, thời gian nhất định.

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, mục tiêu được xây dựng theo hai hình thức: mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn:

- Mục tiêu dài hạn: Là kết quả giáo dục trong thời gian dài như học kì, năm học hoặc cấp học, bậc học.
- Mục tiêu ngắn hạn: Là kết quả giáo dục cần đạt được trong thời gian ngắn.

Khái niệm ngắn và dài hạn chỉ là tương đối. Dài hạn có thể là một hoặc nhiều năm. Ngắn hạn có thể là một học kỳ vài tháng. Điều quan trọng là mục tiêu dài hạn cho thấy cái đích, mong muốn sau một giai đoạn thực hiện giáo dục, còn mục tiêu ngắn hạn cho thấy cái cụ thể hơn trong từng giai đoạn, cái cần đạt sau một giai đoạn cụ thể. Mục tiêu ngắn hạn là định hướng trong giai đoạn và để thực hiện điều cần cụ thể hoá hơn trong kế hoạch giáo dục.

BÀI TẬP RÈN LUYỆN KỸ NĂNG

Hoạt động 1

Trao đổi nhóm những vấn đề sau:

1. Trẻ em có những nhu cầu gì?
2. Trẻ khuyết tật có những năng lực gì? Làm thế nào để tìm hiểu và phát hiện được.
3. Hãy tìm hiểu những nhu cầu cần được đáp ứng ở trẻ khiếm thính, khiếm thị, khó khăn về học, khó khăn về vận động.

Hoạt động 2

Nêu ra một hoàn cảnh cá nhân mà bạn biết

Hoạt động 3

Chia thành nhóm để tìm hiểu nhu cầu và năng lực của một trẻ khuyết tật (mỗi nhóm một loại trẻ khuyết tật).

Tìm hiểu qua thông tin từ cha mẹ trẻ và tiếp xúc, hoạt động với trẻ, quan sát trẻ vui chơi, học tập trên lớp.

Ghi kết quả vào mẫu sau:

Họ và tên trẻ: ..... Nam ☐ Nữ ☐

Năm sinh: ..... Khó khăn đặc thù về .....

Nhu cầu cần được đáp ứng	Năng lực (ghi rõ những biểu hiện)

Hoạt động 4

Chia nhóm và phân tích từng nhu cầu của trẻ và xem xét cần phát triển những khả năng nào ở trẻ để có thể tự đáp ứng, những gì cần hỗ trợ?

Hoạt động 5

Vẫn làm việc theo nhóm của các hoạt động trước, thực hiện.

- Xem lại tất cả các nhu cầu và năng lực của từng trẻ khuyết tật đã được tìm hiểu.
- Sắp xếp lại những nhu cầu cần đáp ứng ưu tiên theo thứ tự (tại sao?)
- Những nhu cầu nào tự đáp ứng, cần hỗ trợ từ bên ngoài, hỗ trợ những gì?

4.2. Lập kế hoạch giáo dục

4.2.1. Kế hoạch giáo dục cá nhân

Kế hoạch giáo dục cá nhân là một phương tiện trợ giúp cho việc lên kế hoạch giảng dạy của giáo viên. Đó là cơ sở của phương pháp sư phạm mà giáo viên sử dụng.

Trong công tác giáo dục trẻ khuyết tật việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân là rất cần thiết và quan trọng đối với mỗi trẻ bởi vì kế hoạch giáo dục cá nhân nhằm xác định rõ mục tiêu giáo dục, đề ra những phương pháp, cách tiến hành để đạt được mục tiêu và chỉ ra những dịch vụ hỗ trợ cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu của trẻ.

4.2.2. Quan điểm xây dựng mục tiêu và kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật

** Quan điểm bình đẳng*

- Quyền được giáo dục.
- Quyền bình đẳng về cơ hội: Trẻ em không giống nhau, do đó không nên đối xử cào bằng, mà phải theo nhu cầu, năng lực để đạt được mục tiêu chung.
- Quyền tham gia xã hội: Làm thế nào để trẻ không cảm thấy bị hạn chế

trong khi được giáo dục, được tham gia mọi hoạt động bình thường trong môi trường học tập với mọi trẻ em.

** Quan điểm phát triển*

- Bất cứ trẻ khuyết tật nào cũng có khả năng phát triển.
- Quy luật bù trừ của trẻ khuyết tật.
- Sự phát triển nhanh hay chậm phụ thuộc phần lớn vào phương pháp giáo dục của người lớn.

** Quan điểm tiếp cận đối với giáo dục phổ thông*

Trong giáo dục hoà nhập, trẻ khuyết tật cùng với trẻ em khác được học chung một chương trình. GV nêu mục tiêu đề ra cho từng trẻ cũng phải đảm bảo nguyên tắc tiếp cận với mục tiêu cấp học, lớp học của phổ thông.

4.2.3. Cơ sở xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

Kế hoạch giáo dục cá nhân là kế hoạch những hoạt động giáo dục trong thời gian trẻ học ở trường để đạt được mục tiêu đã xác định. Khi lập kế hoạch giáo dục phải căn cứ vào:

** Mục tiêu đã xây dựng*

- Dựa vào những mặt mạnh (khả năng), khó khăn (nhu cầu) và sở thích của trẻ.
- Kết quả tìm hiểu khả năng và nhu cầu của trẻ được tóm tắt như sau:
- Sự phát triển thể chất: khả năng vận động, sự phát triển các giác quan, khả năng lao động.
- Khả năng ngôn ngữ giao tiếp: đặc điểm vốn từ; khả năng phát âm; khả năng nghe, khả năng nói; khả năng đọc, viết, giao tiếp.
- Khả năng nhận thức: khả năng hiểu biết; khả năng nghe nhìn; khả năng nhớ; khả năng tư duy; khả năng học; khả năng thực hiện nhiệm vụ.
- Khả năng hoà nhập: quan hệ bạn bè; quan hệ với tập thể; khả năng hoà nhập cộng đồng.

** Môi trường giáo dục*

Căn cứ vào mục tiêu đã đề ra trên đây để xây dựng kế hoạch giáo dục nghĩa là tìm cách đáp ứng những nhu cầu của trẻ (căn cứ vào bảng tóm tắt khả năng và khó khăn để làm kế hoạch).

Mẫu: Bản tóm tắt các mặt tích cực và khó khăn của trẻ

Họ và tên học sinh: ..... Năm sinh: .....

Nội dung quan sát	Khả năng của trẻ *(Mặt tích cực)*	Khó khăn *(Các nhu cầu cần đáp ứng)*
I. Thể chất: - Sự phát triển thể chất - Các giác quan - Lao động tự phục vụ - Cảm giác cơ thể		
II. Khả năng giao tiếp - Khả năng giao tiếp - Ngôn ngữ nói + Phát âm + Từ vựng + Ngữ pháp - Khả năng đọc - Khả năng viết - Ngôn ngữ cử chỉ		
III. Khả năng nhận thức - Tri giác nghe nhìn - Khả năng ghi nhớ - Khả năng tư duy - Khả năng hiểu biết - Khả năng học các môn học - Khả năng lao động		
IV. Hoà nhập xã hội - Quan hệ với bạn bè - Quan hệ với tập thể - Khả năng ứng xử - Cảm xúc – tình cảm - Khả năng hoà nhập cộng đồng		
V. Môi trường giáo dục		

Kế hoạch giáo dục cần được xây dựng dựa vào điểm mạnh của trẻ. Thuyết đa năng lực của Gardner cho thấy giáo dục và dạy học chỉ đạt hiệu quả khi biết dựa vào mặt mạnh của trẻ. Vì trẻ chỉ phát triển tốt khi sử dụng thế mạnh của mình.

Nội dung kế hoạch giáo dục thể hiện ở các phần sau:

- Nội dung hoạt động: là những hoạt động nhằm giúp trẻ đạt mục tiêu.
- Cách tiến hành: là những biện pháp, điều kiện để thực hiện hoạt động đó đạt kết quả.
- Thời gian thực hiện: thời gian để hoàn thành hoạt động.
- Người thực hiện: là những người giúp trẻ hoàn thành được hoạt động.
- Đánh giá kết quả: tối thiểu với mục tiêu yêu cầu đã đề ra, đã đạt được mức độ nào? Sau mỗi hoạt động trong kế hoạch cần rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả và cần điều chỉnh, bổ sung cho phần kế hoạch tiếp theo như thế nào?

Kế hoạch giáo dục cho từng trẻ phải được chi tiết trong từng tháng, từng học kì và cả năm học. Sau đây là mẫu kế hoạch cho một trẻ.

Nội dung hoạt động	Cách tiến hành	Thời gian tiến hành	Người thực hiện	Kết quả

5. Thực hiện kế hoạch giáo dục

5.1. Hợp tác nhóm trong dạy học hoà nhập

5.1.1. Học ganh đua

Theo truyền thống, người ta xem phần lớn việc học hành là sự ganh đua vạch ra để xem trẻ nào có thể học được nhiều nhất. Học như là việc leo lên các nấc thang dẫn đến thành công, mà nấc thang cuối cùng chỉ có một số rất nhỏ có đặc quyền đạt tới. Quan niệm này đã được nhiều nước, nhiều người sử dụng, và có người quả quyết rằng việc ganh đua trong nhà trường là một chiến lược đã được chứng minh nhằm phát huy các tiêu chuẩn của giáo dục.

Nhiều giáo viên cũng khuyến khích quan niệm này bằng cách cho điểm bài làm và ghi nhận mức độ tiến bộ. Họ lập ra các hoạt động đòi hỏi trẻ

phải ganh đua với nhau để xem xét em nào giỏi nhất. Hiển nhiên là khi có trẻ thắng thì phải có người thua cuộc. Khi bài kiểm tra kết thúc, chỉ có các em giỏi được củng cố quan niệm là đi học giống như tham dự một cuộc tranh tài thể thao. Nó khuyến khích trẻ học cho bản thân, chẳng đếm xỉa gì đến việc làm của các bạn khác, hoặc có thì chỉ vì sợ bạn bắt kịp trong cuộc chạy đua để đạt thành công học tập.

Đối với một số trẻ, chắc chắn phương pháp này là động lực thúc đẩy rất cao. Các em cảm thấy mình có cơ hội lớn để thành công và được khuyến khích để học tốt hơn. Số còn lại, sau một thời gian biết được rằng cơ hội thành công của mình là rất nhỏ; các em chắc chắn luôn luôn là kẻ bại trận. Hậu quả là các em quyết định giảm bớt nỗ lực, hoặc ngay cả bỏ cuộc. Nhà trường chỉ dạy cho các em biết được một điều: các em là những kẻ luôn thất bại. Trong dạy học hoà nhập nhiều lúc phương pháp ganh đua cũng rất cần thiết, nhưng cô giáo phải:

- Không để cho các em khuyết tật bị thất bại với kết quả của mình.
- Không để cho các em học khá coi thường khả năng của các em khuyết tật.

Muốn vậy phải:

- Tạo cơ hội cho trẻ khuyết tật được ganh đua.
- Phải chọn những môn học, những phần nội dung học tập mà các em có khả năng ganh đua.
- Luôn động viên khuyến khích để trẻ ganh đua.
- Hạn chế nếu trẻ gặp nhiều khó khăn trong ganh đua

5.1.2. Học cá nhân

Trẻ một mình hoàn thành công việc được giao, với mục tiêu riêng không liên quan đến các trẻ khác. Mục tiêu riêng được biên soạn theo từng ngày, và sự nỗ lực của mỗi cá nhân được đánh giá bằng những chỉ số riêng. Mỗi trẻ có mục tiêu, một bộ tài liệu và một khối công việc riêng theo đúng khả năng của chúng, không giống với những trẻ khác trong lớp. Dù cho trẻ hoàn thành công việc của mình ở mức độ nào đi nữa cũng ít hoặc không ảnh hưởng đến kết quả học tập chung của cả lớp. Kết quả học tập của trẻ sẽ rất cá nhân, không liên quan đến chương trình của cả lớp.

Phương pháp dạy học này đôi khi được thể hiện bằng các hình thức tổ chức lớp, trường học khác nhau. Đã có thời kỳ trẻ được phân ra thành những lớp chuyên theo các môn năng khiếu. Và hệ quả là những em được coi là kém cỏi được tập trung vào một lớp với sĩ số có thể ít hơn để được kèm cặp nhiều hơn. Hoặc một số em yếu hơn được một cô giáo khác

(thường là cô trông trẻ) kèm cặp trong giờ ở một số bộ môn.

Hai cách giải quyết trên cũng có một số điểm tốt. Thứ nhất, ở trong lớp có ít trẻ hơn cô giáo có nhiều điều kiện giúp đỡ trẻ hơn; mối quan hệ giữa cô giáo và trẻ gần gũi hơn, trẻ có lòng tự tin và tin cậy - một điều kiện rất cần cho trẻ đặc biệt. Thứ hai, chú ý đến việc phân tích các nhiệm vụ, tài liệu để tạo được sự phản hồi của cá nhân phù hợp với các năng lực hiện có và các mối quan tâm của trẻ.

Tuy nhiên, một số vấn đề nảy sinh từ phương pháp đặt trọng tâm quá lớn vào việc thực hiện các kế hoạch riêng cho một số trẻ cá biệt. Đó là những trẻ đã bị mặc cảm bị thua kém trước đây, giờ đây lại càng thấy mất lòng tin nhiều hơn vì bị xác định là có vấn đề. Hơn nữa các giai đoạn hỗ trợ thêm có thể buộc các em bỏ mất các kinh nghiệm học tập nào đó.

Hơn nữa, việc vạch ra chương trình cá biệt cho một số trẻ tạo điều kiện cho các em tiến bộ theo trình độ của riêng mình, nhiều khi lại tước mất sức ép có được trong ganh đua, lại làm cho trẻ giảm đi động cơ, nỗ lực học tập của mình.

Một số vấn đề khác có liên quan tới quan niệm ủng hộ chương trình dành cho cá nhân là đặt nặng vào việc lên kế hoạch xoay quanh nhu cầu của trẻ cá biệt. Điều này thường dẫn đến trẻ phải học một mình và không có cơ hội nắm bắt được kiến thức, kỹ năng xã hội mà đáng ra trẻ có thể tiếp thu được thông qua hợp tác với bạn bè.

5.1.3. Học tập theo phương thức hợp tác nhóm trong dạy học hoà nhập

Hợp tác học tập không phải là:

- Xếp chỗ cho trẻ ngồi cạnh nhau trong bàn học và trẻ độc lập thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Một cá nhân trẻ cùng làm bài với giáo viên sau đó thông báo là đã hoàn thành công việc và giúp đỡ bạn khác.
- Chỉ một trẻ khá thực hiện bài báo cáo thay mặt cho cả nhóm để đọc.

Hợp tác học tập không chỉ là việc trẻ ngồi cạnh nhau một cách cơ học, cùng nhau trao đổi, thảo luận, giúp đỡ nhau, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm mà còn ở mức độ cao hơn và đảm bảo 5 yếu tố sau đây:

* *Sự phụ thuộc tích cực:*

- Mỗi thành viên trong nhóm hợp tác nhận thức rằng cần phải cố gắng hết sức mình.
- Thành công của từng người tạo nên niềm vui của cả nhóm, thất bại của một thành viên trong nhóm là nỗi buồn chung. Học sinh gắn kết với nhau

theo phương thức mỗi người cũng như toàn nhóm không thể thành công, nếu mỗi thành viên nhóm không cố gắng hoàn thành trách nhiệm của mình.

- Làm việc cùng nhau để phát huy tối đa sức mạnh của tất cả các thành viên bằng sự chia sẻ nguồn lực, hỗ trợ, giúp đỡ nhau.
- Kết quả chung được đem đến từ sự phối kết hợp nỗ lực của mọi thành viên nhóm.

Tạo ra sự phụ thuộc tích cực như thế nào: điều đó có thể đạt được qua việc thiết lập mục tiêu bài dạy chung cho mọi trẻ, giao nhiệm vụ phù hợp với từng đối tượng, vai trò độc lập của từng trẻ và động viên, kích lệ đúng lúc. Để có điều kiện học tập trở thành hợp tác học tập gắn bó cần cho trẻ cảm nhận trẻ hoàn toàn độc lập với các thành viên trong hợp tác học tập.

** Tương tác "mặt đối mặt":*

Sự trao đổi qua lại tích cực giữa các học sinh độc lập trong nhóm là kết quả của sự hợp tác nhóm. Tương tác "mặt đối mặt" có một số tác động tốt đối với học sinh như:

- Tăng cường động cơ học tập. Trong quá trình trao đổi làm nảy sinh những hứng thú mới.
- Tăng cường kỹ năng xã hội như thái độ, cách biểu đạt...
- Tăng cường sự phản hồi của học sinh bằng những hình thức khác nhau: lời nói, ánh mắt, cử chỉ.
- Khích lệ mọi thành viên tham gia.
- Phát triển mối quan hệ gắn bó yêu thương lẫn nhau.

** Trách nhiệm cá nhân*

Mỗi thành viên trong nhóm được phân công thực hiện một vai trò nhất định (các vai trò được luân phiên trong các hoạt động học tập khác nhau), và trẻ hiểu rằng họ không thể dựa dẫm vào công việc của người khác. Do đó hợp tác trong nhóm còn làm mỗi thành viên trở mạnh hơn. Mục tiêu của hợp tác học tập là phát huy tối đa kết quả học tập của từng thành viên. Phát hiện khả năng học tập của học sinh là điều kiện cần thiết để hỗ trợ trẻ.

** Kỹ năng giao tiếp và kỹ năng hoạt động xã hội*

Để có thể cùng hoạt động cho mục tiêu chung, mỗi học sinh cần có các kỹ năng cơ bản sau:

- Hiểu và hoàn toàn tin tưởng nhau.
- Cách trao đổi với nhau phù hợp và rõ ràng.

- Chấp nhận và ủng hộ lẫn nhau.
- Giải quyết các mâu thuẫn trong nhóm trên tinh thần xây dựng.

Để có được các kỹ năng này, học sinh cần được luyện tập thường xuyên và có hệ thống.

* *Nhận xét nhóm:*

Tính hiệu quả của nhóm thường được thể hiện bằng việc nhận xét của nhóm về các hoạt động của nhóm. Nội dung nhận xét nhóm có thể là những vấn đề sau đây:

- Hoạt động của thành viên nào có lợi cho nhóm.
- Phương thức làm việc của nhóm đã có hiệu quả chưa; cần thay đổi thế nào để hoạt động của nhóm có hiệu quả hơn.

Có hai hình thức kế tiếp nhau trong nhận xét nhóm: nhận xét của các thành viên trong từng nhóm và nhận xét của học sinh hay giáo viên về hoạt động của các nhóm.

5.1.4. Sự khác nhau giữa phương pháp học nhóm truyền thống và học hợp tác nhóm

1. Học hợp tác nhóm dựa vào tính độc lập tích cực của các thành viên trong nhóm. Mục tiêu học tập được cấu trúc sao cho mọi thành viên cần phải quan tâm tới kết quả chung của toàn nhóm cũng như của mỗi cá nhân.

2. Trong học hợp tác nhóm, trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên cần được rõ ràng trong việc được giao nhiệm vụ, trong đánh giá sự tiến bộ và các thành viên trong nhóm đều được phân tích, biết rõ để có thể giúp đỡ, động viên. Trong phương pháp học nhóm truyền thống, cá nhân trẻ không được thường xuyên trao đổi theo nhóm và trẻ lại hay "cóp" bài của nhau.

3. Trong học hợp tác nhóm, các thành viên trong một nhóm được lựa chọn theo sự đa dạng về năng lực, tính cách, trong khi đó trong nhóm truyền thống các thành viên được lựa chọn theo sự đồng nhất.

4. Trong học hợp tác nhóm, tất cả các thành viên đều được lần lượt và có trách nhiệm làm nhóm trưởng. Trong nhóm truyền thống, nhóm trưởng đã được chọn sẵn.

5. Trong học hợp tác nhóm, trách nhiệm học tập của mỗi thành viên được chia sẻ. Mỗi thành viên đều có trách nhiệm giúp đỡ, động viên lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ. Trong học nhóm truyền thống, mỗi cá nhân chỉ chịu trách nhiệm về công việc của mình, ít khi chia sẻ kinh nghiệm, động viên lẫn nhau.

6. Trong học hợp tác nhóm, mục tiêu tập trung vào phát triển tối đa

năng lực của mọi thành viên và duy trì quan hệ đầm ấm giữa các thành viên trong nhóm. Trong phương pháp dạy học truyền thống, trẻ chỉ tập trung vào nhiệm vụ cá biệt của mình.

7. Trong học hợp tác nhóm, kỹ năng xã hội cần dạy cho trẻ là tập trung vào việc cùng nhau hợp tác trong công việc (kỹ năng làm nhóm trưởng, kỹ năng giao tiếp, giải quyết các mâu thuẫn của nhóm...). Trong phương pháp truyền thống những kỹ năng trên chưa được giải quyết.

8. Khi trẻ học hợp tác nhóm, giáo viên quan sát nhóm, phân tích những vấn đề trẻ gặp khi học cùng nhau và cho những lời khuyên, chỉ bảo cho nhóm để nhóm có thể hoàn thành công việc của mình. Trong nhóm truyền thống, giáo viên hầu như không để ý tới việc này.

9. Trong học hợp tác nhóm, giáo viên cùng học sinh phân tích kết quả học tập để rút ra các kinh nghiệm cho các hoạt động sau này.

5.1.5. Vai trò của giáo viên trong thực hiện hợp tác nhóm

Xác định mục tiêu bài dạy: Giáo viên cần xác định rõ hai nhóm mục tiêu trước khi tiến hành lên lớp:

1. Kiến thức, kỹ năng cơ bản gì, thái độ nào của học sinh cần đạt được sau giờ học, có cân nhắc đến mục tiêu cá nhân phù hợp với năng lực, nhu cầu và sở thích của từng cá nhân.

2. Những kỹ năng hợp tác nào cần phải rèn luyện cho học sinh trong giờ học.

Ra các quyết định về:

** Thời gian và nội dung cho hoạt động nhóm:*

Trong bất kỳ bài học nào cũng có thể lựa chọn được nội dung cho hoạt động nhóm. Kinh nghiệm cho thấy, thời gian cho hợp tác nhóm cần được tăng dần từ 20 đến 60% trong các tiết học. Mỗi hoạt động hợp tác nên kéo dài từ 3 - 7 phút tuỳ thuộc vào kỹ năng hợp tác của trẻ. Nội dung cho trao đổi nhóm cần được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:

- Vấn đề đưa ra cần có sự nỗ lực chung của nhiều thành viên mới có khả năng giải quyết.
- Đòi hỏi phải có sự hợp tác của nhiều thành viên.
- Có đủ thời gian để động não.

** Xác định về số lượng thành viên trong nhóm:*

Sau khi xác định được mục tiêu giờ học, giáo viên cần xác định số lượng thành viên trong nhóm. Nhóm có hiệu quả có từ 2 đến 5 thành viên

vì các lý do sau đây:

- Nếu số lượng thành viên trong nhóm tăng thì phạm vi khả năng, năng lực kỹ thuật và trí tuệ để lĩnh hội kiến thức cũng tăng. Số lượng học sinh càng nhiều thì cơ hội có học sinh với nhiều năng lực tham gia vào thực hiện nhiệm vụ càng tăng.
- Nếu nhóm có nhiều thành viên, mặc dù có nhiều năng lực được tham gia, nhưng các kỹ năng hợp tác như diễn đạt, phát biểu ý kiến, phối hợp các thành viên, thống nhất ý kiến, chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm,quản lý để nhiều học sinh được tham gia khó có thể đạt được. Hơn nữa có rất nhiều kỹ năng hợp tác khác cần được dạy trong quá trình hợp tác sẽ không có thời gian để luyện tập.
- Nhiệm vụ của bài học cũng như các tư liệu học tập sẽ quyết định nhóm.
- Thời gian càng ít thì nhóm càng nhỏ. Nhóm nhỏ sẽ trở lên hiệu quả hơn vì không mất thời gian tổ chức, mọi thành viên có trách nhiệm hơn, và khoảng cách giữa các thành viên càng ít hơn.

Tốt nhất giáo viên nên bắt đầu từ nhóm nhỏ hoặc trao đổi đôi một. Khi trẻ đã có những kinh nghiệm, kỹ năng nhất định sẽ tổ chức nhóm với số lượng cao hơn, nhưng đừng bao giờ vượt quá 6. Kinh nghiệm cho thấy nếu nhóm có số lượng lớn hơn 5 nhiều trẻ sẽ thụ động, hoặc chỉ tương tác với một hay hai thành viên bên cạnh. Hợp tác nhóm cần tạo điều kiện cho trẻ được rèn luyện các kỹ năng hợp tác và tham gia vào các hoạt động với sự thể hiện vai trò quyết định, chịu trách nhiệm với các quyết định đó, để cùng hưởng vui, buồn với các kết quả của mình, do vậy trẻ cần có thời gian để thích ứng với các hoạt động nhóm.

** Lựa chọn các thành viên vào một nhóm:*

Khi các thành viên vào một nhóm, giáo viên cần cân nhắc 4 vấn đề sau:

- Nhóm đồng nhất hay đa dạng?

Nhóm đồng nhất có thể được tổ chức với mục tiêu cung cấp một vài những kỹ năng đặc biệt đáp ứng mục tiêu chuyên biệt nào đó. Kinh nghiệm cho thấy nhóm hoạt động có hiệu quả là nhóm có các thành viên với các năng lực đa dạng: trình độ nhận thức cao, trung bình và yếu, đa dạng về thành phần xuất thân, điều kiện kinh tế, điều kiện môi trường sống... Với nhóm như vậy mỗi một vấn đề cần giải quyết sẽ được cân nhắc, xem xét toàn diện hơn.

- Nhiệm vụ của toàn bộ các thành viên trong nhóm đã được xác định từ trước hay chưa được xác định. Nếu tất cả trẻ đã được biết trước trẻ sẽ phải làm gì, hợp tác như thế nào và với ai thì hiệu quả của nhóm sẽ cao hơn.

- Người chọn nhóm.

Nếu để trẻ tự chọn, thông thường trẻ chọn những bạn có cùng trình độ nhận thức hoặc các bạn khá hơn, hợp tính hơn, cùng hoàn cảnh kinh tế xã hội... vào nhóm của mình. Như vậy, nhóm sẽ là nhóm thuần nhất, hiệu quả hợp tác sẽ không cao. Do vậy, giáo viên cần lựa chọn nhóm cho trẻ, tuy nhiên cũng cần cân nhắc ý kiến của trẻ. Có thể tiến hành như sau: chọn hai trẻ hợp với nhau vào một nhóm bằng cách yêu cầu trẻ đề tên 3 bạn mà trẻ thích có vào nhóm của mình. Từ danh sách 3 trẻ này giáo viên có thể chọn lấy 2; còn những thành viên khác giáo viên có thể bổ sung vào sao cho nhóm phải là nhóm đa dạng.

- Thời gian duy trì nhóm?

Thông thường nhóm cần được duy trì sao cho các thành viên trong nhóm đủ để "hiểu" nhau và có được các kỹ năng cần thiết nhất định, nhưng cũng không nên để nhóm "quá hiểu" nhau dễ sinh ra tình trạng trì trệ, thiếu năng động, dựa dẫm vào nhau. Do vậy, giáo viên cần cân nhắc khi nào cần tạo ra nhóm mới. Kinh nghiệm cho thấy tốt nhất là nên duy trì theo học kỳ trùng hợp với việc phân tổ của giáo viên.

** Tổ chức lớp học:*

Giáo viên cần tổ chức sao cho mọi trẻ trong nhóm phải nhìn thấy nhau trong nhóm. Tốt nhất cho trẻ ngồi bàn trên quay xuống bàn dưới tạo thành nhóm. Nếu mỗi bàn có 4 học sinh thì nên chia thành 2 nhóm.

** Phân công nhiệm vụ trong nhóm:*

Các thành viên trong nhóm cần có nhiệm vụ, vai trò rõ ràng. Sau mỗi hoạt động nhóm, các thành viên thay đổi vai trò cho nhau, tránh biểu hiện mỗi thành viên đóng một vai trò quá lâu.

- *Điều khiển nhóm:* Hướng dẫn các thành viên tham gia vào hoạt động, giải thích rõ nhiệm vụ hoạt động của nhóm, tóm tắt, kiểm tra lại xem mọi thành viên đã hiểu vấn đề chưa, thống nhất ý kiến của nhóm. Giải quyết các "mâu thuẫn" trong quá trình hoạt động nhóm.
- *Thư ký:* Ghi chép mọi ý kiến, biên tập, tóm tắt các ý kiến.
- *Báo cáo:* Thay mặt nhóm báo cáo kết quả.
- *Khuyến khích:* động viên mọi thành viên tham gia, nhắc nhở những thành viên tham gia "lắm lời" trong nhóm, đảm bảo trong quá trình trao đổi mọi thành viên phải có quyền và nghĩa vụ đóng góp vào bài học.
- *Theo dõi:* đánh giá sự tham gia của mọi thành viên.
- *Theo dõi thời gian:* theo dõi và thông báo thời gian cho hoạt động

nhóm, cùng các thành viên trong nhóm phân phối thời gian thích hợp cho từng vấn đề, tránh hiện tượng "cháy thời gian".

Tiến hành hợp tác nhóm

** Giải thích nhiệm vụ:*

Giáo viên cần chú ý đến các kỹ năng giao nhiệm vụ sau:

- Ngôn từ phải rõ ràng, ngắn gọn.
- Giải thích mục tiêu của bài học và yêu cầu cần đạt cũng như những kiến thức, kinh nghiệm của học sinh phải vận dụng.
- Giải thích những khái niệm cần thiết và hướng dẫn trình tự học sinh phải tiến hành, đưa ra các ví dụ nếu cần.
- Đưa ra các câu hỏi nhằm kiểm tra trẻ đã hiểu nhiệm vụ chưa trước khi học sinh tiến hành công việc.

** Tổ chức hợp tác chặt chẽ trong nhóm:*

Cần nói rõ cho học sinh rằng đánh giá kết quả theo nhóm, không theo cá nhân. Trẻ cần nhận thấy mọi thành viên cần có trách nhiệm đóng góp, mọi thành viên cần phải hoàn thành công việc, mọi thành viên cần được lĩnh hội kiến thức. Giáo viên có thể thực hiện bằng nhiều cách sau đây:

- Phần thưởng cho cả nhóm.
- Thu một sản phẩm của chung cả nhóm, kiểm tra bất kỳ thành viên nhóm.

** Nâng cao tính phụ thuộc tích cực:*

Thông báo với trẻ rằng trẻ có mục tiêu chung của cả nhóm và trẻ cần phải hợp tác chặt chẽ với nhau. Trong học hợp tác, mọi trẻ cần hiểu rằng chúng cần phải hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ và phải chắc chắn rằng mọi thành viên cùng hoàn thành nhiệm vụ có hiệu quả. Một số các biện pháp sau giáo viên thường sử dụng:

Yêu cầu nhóm chỉ đưa ra một sản phẩm. Mỗi thành viên cần chỉ ra rằng mình đồng ý với sản phẩm đó bằng cách ký hay đánh dấu vào sản phẩm, và phải có khả năng giải thích lý do tạo ra kết quả đó. Mỗi một thành viên cần hiểu rõ bài cần làm. Khi mỗi nhóm chỉ có một sản phẩm, giáo viên cần lưu ý tới trách nhiệm của từng cá nhân trong nhóm. Giáo viên có thể gọi một học sinh trong nhóm yêu cầu giải thích về câu trả lời.

Khen cho nhóm: Khen thưởng cho cả nhóm là một biện pháp để tăng cường tính hợp tác của nhóm. Tuy nhiên, trong lúc khuyến khích tăng cường hợp tác nhóm cũng cần nâng cao trách nhiệm cá nhân.

Xây dựng ý thức trách nhiệm của từng thành viên:

Mục tiêu của học hợp tác nhóm là nâng cao ý thức học tập của từng thành viên. Học nhóm không hợp tác sẽ xảy ra khi các thành viên trong nhóm thiếu trách nhiệm với bản thân, không tham gia vào thực hiện nhiệm vụ, và dựa dẫm vào thành viên khác. Để có thể chắc chắn các thành viên đều tham gia vào hoạt động giáo viên có thể sử dụng các hình thức sau:

- Đưa ra bài thực hành kiểm tra.
- Hỏi ngẫu nhiên một thành viên nào đó.
- Yêu cầu một thành viên sửa, biên tập lại một vấn đề.

** Nâng cao hợp tác giữa các nhóm:*

Giáo viên có thể cho điểm thưởng cho cả lớp khi tất cả các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hoặc cũng có thể khi một nhóm nào đó đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, khuyến khích trẻ trong nhóm đó hỗ trợ các nhóm khác.

Giải thích tiêu chí đạt thành công

Đánh giá sự thành công trong học hợp tác cần dựa vào các tiêu chí nhất định. Do vậy, khi bắt đầu giờ học, giáo viên cần giải thích rõ các tiêu chí đánh giá sự thành công cho học sinh. Các tiêu chí phải được xây dựng sao cho học sinh trong nhóm có thể đạt được mà không bị trừng phạt của các nhóm khác.

Có thể một số nhóm cùng được đánh giá bằng một số các tiêu chí như nhau. Một số nhóm khác có thể được đánh giá bằng các tiêu chí khác. Các tiêu chí đưa ra cần có thách thức để tất cả trẻ trong nhóm phải nỗ lực hợp tác mới có thể đạt được. Tuy nhiên giáo viên cần chú ý đến khả năng của từng học sinh để sao mỗi trẻ đều có thành công nếu nỗ lực.

Các tiêu chí được đưa ra không chỉ cho từng nhóm mà cho cả lớp. Đây là tiền đề để trẻ có ý thức hợp tác tập thể không chỉ trong nhóm của mình mà cho cả lớp. Những tiêu chí này cho trẻ thông tin là trẻ đã thực hiện tốt bài tập này chứ không phải là đếm có bao nhiêu trẻ đã làm đúng.

Những biểu hiện của học hợp tác:

- Mỗi thành viên phải được giải thích và hiểu rõ làm thế nào để có câu trả lời.
- Mỗi thành viên phải được chia sẻ sự vận dụng kinh nghiệm, kiến thức đã có vào lĩnh hội kiến thức, kỹ năng mới.
- Kiểm tra để làm rõ mọi thành viên trong nhóm có hiểu rõ nhiệm vụ và đồng ý với phần bài làm cả nhóm đã xây dựng chưa.

- Khuyến khích mọi thành viên đều được tham gia, đóng góp giải quyết nhiệm vụ.
- Khuyến khích mỗi thành viên đưa ra lý lẽ lập luận hợp lý để có câu trả lời; học xảy ra không phải do áp lực của cả nhóm hay ý kiến đa số.
- Không chỉ trích cá nhân cụ thể mà chỉ phân tích ý tưởng, suy nghĩ. Nói cách khác trong tranh luận không có ai sai, ai đúng mà chỉ có các quan điểm hợp lý và chưa hợp lý.

5.1.6. Dạy những kỹ năng hợp tác trong nhóm

** Kỹ năng giao tiếp, tương tác trẻ với trẻ:*

- Biết trình bày ý kiến một cách rõ ràng.
- Lắng nghe và biết thừa nhận ý kiến người khác.
- Biết ngắt lời một cách hợp lý.
- Biết phản đối một cách lịch sự và đáp lại phản đối.
- Biết thuyết phục người khác và đáp lại sự thuyết phục.

** Kỹ năng tạo môi trường hợp tác:*

- Sự ảnh hưởng qua lại, sự gắn bó sôi nổi, hào hứng, đoàn kết, trách nhiệm tự giác.
- Tạo hành vi hợp lý đầm ấm trong trao đổi.

** Kỹ năng xây dựng niềm tin:*

(Tránh tự ti mặc cảm nhất là đối tượng trẻ khó khăn về học).

** Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn*

- Trong thoả luận, trao đổi cần tránh những từ ngữ như đúng, sai. Những từ ngữ này cần được thay thế bằng: thế này sẽ tốt hơn; một giải pháp khác.
- Tuyệt đối không chỉ trích tên người đưa ra ý kiến mà chỉ phân tích ý kiến.

** Kỹ năng đưa ra quyết định kịp thời, phù hợp:*

Những kỹ năng cần được dạy như một nội dung của bài giảng. Trong quá trình soạn giáo án giáo viên cần xác định rõ:

1. Kỹ năng nào cần dạy trong bài
2. Kỹ năng ấy thể hiện như thế nào
3. Vì sao phải dạy kỹ năng đó

4. Tạo ra bài tập, cơ hội thực hành cho trẻ

5. Quan sát, đánh giá sau mỗi giờ, buổi học.

5.2. Điều chỉnh chương trình dạy học phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật

5.2.1. Tính tất yếu của điều chỉnh

Điều chỉnh là sự thay đổi cho trong mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học nhằm giúp trẻ phát triển tốt nhất trên cơ sở những năng lực của trẻ.

Tại sao cần điều chỉnh?

Mỗi học sinh có khó khăn là một cá nhân có những đặc điểm khác nhau về:

- Khả năng nhận thức được thể hiện ở mức độ và thời gian lĩnh hội kiến thức khác nhau trong các môn học khác nhau, trong việc nắm bắt các khái niệm hay thực hiện một nhiệm vụ. Đối với trẻ mới đến trường tiểu học các em khác nhau về thời gian được đi học mẫu giáo, và những vốn kiến thức đã học được trong trường lớp.

- Kỹ năng xã hội do kinh nghiệm sống trong môi trường gia đình (giầu, nghèo, gia phong, được quan tâm và ít được quan tâm, những người chăm sóc trẻ...) và cộng đồng khác nhau qui định. Những sự khác nhau này được biểu hiện thành những hành vi ứng xử khác nhau.

- Sở thích và thiên hướng: bé trai khác bé gái, các sở thích về mầu sắc, quần áo, âm nhạc hay hội họa, ... Sự lựa chọn của trẻ nếu được đáp ứng sẽ làm cho trẻ thấy thuận lợi hơn trong sinh hoạt và phát triển nhân cách của mình và đặc biệt.

- Đối với trẻ khuyết tật sự khác nhau này còn thể hiện ở: thời gian, mức độ, và dạng khó khăn, được can thiệp sớm hay không được can thiệp sớm, mức độ quan tâm của gia đình và điều kiện chăm sóc...

- Để đáp ứng và tạo điều kiện cho mọi trẻ phát triển tối đa những khả năng dựa vào những kinh nghiệm vốn có của mình, giáo viên có thể tạo ra các nhóm bạn bè, thay đổi, vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp để đáp ứng mọi nhu cầu học tập của học sinh. Do có những năng lực và nhu cầu khác nhau, giáo viên cũng cần xác định các mục tiêu giáo dục cụ thể cho mỗi trẻ khuyết tật.

Điều chỉnh sẽ giúp cho trẻ:

Có hứng thú học tập và học tập có hiệu quả trên cơ sở sử dụng tối đa các kiến thức và kỹ năng hiện có để lĩnh hội những tri thức và kỹ năng mới.

Tránh những bất cập giữa những kỹ năng hiện có của trẻ và những nội

dung giáo dục phổ thông; nâng cao tính tương hợp giữa cách học của trẻ và phương pháp giảng dạy của giáo viên.

Bù trừ những lệnh lạc về tinh thần, các giác quan và các hành vi xa lạ.

5.2.2. Các phương pháp điều chỉnh

Trên cơ sở những đặc điểm khác nhau về khả năng, nhu cầu, sở thích của trẻ, căn cứ vào nội dung của môn học, bài học, trong lớp học hòa nhập có thể áp dụng một trong các cách điều chỉnh sau đây:

* *Phương pháp đồng loạt*

Những học sinh cần chăm sóc cá biệt có thể tham gia vào các hoạt động học tập thường xuyên của lớp học bằng cách làm việc như mọi học sinh khác. Điều chỉnh được tiến hành cho mọi trẻ căn cứ vào mục tiêu và nội dung của bài học. Thông thường, khi xây dựng mục tiêu cho một bài dạy giáo viên thường căn cứ vào yêu cầu của bài học. Trên cơ sở những mục tiêu cụ thể này, giáo viên thiết kế các hoạt động nhằm hoàn thành mục tiêu đã đặt ra. Các thiết kế này thường mang tính chủ quan của giáo viên. Do vậy, trong quá trình tiến hành bài dạy, giáo viên sẽ gặp những tình huống như: những gì giáo viên muốn trẻ học, trẻ đã biết trước rồi, do vậy mục tiêu cung cấp kiến thức cần phải điều chỉnh sang mục tiêu nâng cao; hoặc những mục tiêu đưa ra quá cao so với trẻ trong buổi học, nên cần hạ thấp mức độ cho phù hợp. Cách điều chỉnh này dựa trên cơ sở các mức độ nhận thức của mô hình Bloom.

* *Phương pháp đa trình độ*

Trẻ khuyết tật cùng trẻ bình thường tham gia vào một bài học nhưng với mục tiêu học tập khác nhau dựa trên năng lực và nhu cầu của trẻ khuyết tật. Cách điều chỉnh này dựa trên cơ sở mô hình nhận thức của Bloom. Ví dụ, yêu cầu của trẻ bình thường ở mức độ viết bài tập làm văn hoàn chỉnh (mức độ tổng hợp), trẻ khuyết tật chỉ yêu cầu trả lời các câu hỏi theo dàn ý đã định sẵn (mức độ hiểu).

* *Phương pháp trùng lặp giáo án*

Điều chỉnh này dành cho những trẻ có khó khăn chưa theo được hoàn toàn vào các hoạt động theo mục đích chung của lớp học. Trẻ khuyết tật và trẻ bình thường cùng tham gia những hoạt động chung của bài học nhưng theo mục tiêu riêng trên cơ sở kế hoạch giáo dục cá nhân. Ví dụ như khi dạy về số, với học sinh bình thường cần đếm và thực hiện các phép tính, trẻ có khó khăn chỉ cần nhận biết các loại tiền để mua bán; hay trong giờ đọc lớp 3, trong lúc học sinh bình thường tìm hiểu và đọc bài, trẻ khuyết tật tìm những từ có chứa một âm nhất định hay trả lời câu hỏi đơn giản về những nội dung chính của bài.

** Phương pháp thay thế*

Trẻ khuyết tật cùng ngồi chung với trẻ bình thường trong giờ học nhưng học theo hai chương trình khác nhau. Ví dụ trong giờ học toán, trẻ bình thường học làm các phép tính cộng trong phạm vi 10, trẻ có khó khăn có thể viết chữ O hoặc tập viết số 1, hay có thể đếm các hình trong tranh... Đây là phương pháp được sử dụng trong lớp học có trẻ khuyết tật điển hình mà trẻ không thể theo được chương trình chung.

Việc điều chỉnh cần dựa vào khả năng của từng trẻ. Không có một phương pháp nào có thể áp dụng cho mọi trẻ khuyết tật. Đối với 1 trẻ khuyết tật cũng không áp dụng một phương pháp cho mọi tiết học, môn học. Ví dụ, đối với trẻ khiếm thị nặng (mù) trong môn nghệ thuật như vẽ trẻ cần được thay thế sang nặn, nhưng với môn hát-nhạc, trẻ có thể học hoàn toàn như trẻ bình thường. Đối với trẻ khiếm thính, môn Vẽ trẻ hoàn toàn có thể học như trẻ bình thường, nhưng đối với môn Hát nhạc trẻ cần được thay thế sang hát bằng cử chỉ.

3.2.3. Các hình thức điều chỉnh

** Thay đổi hình thức hoạt động của học sinh*

Căn cứ vào khả năng và sở thích của trẻ, vào nội dung và thời điểm của bài học, giáo viên cần đưa ra các dạng hoạt động cho phù hợp với trẻ. Có thể tổ chức các hoạt động theo hình thức sau:

- Hoạt động theo nhóm.
- Học theo từng đôi.
- Học qua sự giúp đỡ của bạn bè.

** Thay đổi hình thức giảng dạy*

Nhiều khi việc ghi nhớ kiến thức của trẻ không phải chỉ thông qua việc giảng giải, hướng dẫn của giáo viên mà còn được thông qua các hoạt động khác như:

- Hoạt động vui chơi, đóng kịch hoặc phân vai.
- Các giờ học thực hành.
- Các giờ học ngoài trời.

** Thay đổi phương pháp giảng dạy của giáo viên*

Trong dạy học giáo viên cần phải thay đổi cách truyền đạt hay phong cách giảng bài. Phải có giọng nói khôi hài giúp trẻ hứng thú học tập.

** Thay đổi nội dung và yêu cầu*

Như đã trình bày ở trên, mỗi trẻ đều có những năng lực và nhu cầu khác

nhau, do vậy khi giảng dạy giáo viên cần phải thay đổi nội dung và yêu cầu sao cho phù hợp với mọi đối tượng. Cụ thể là:

- Điều chỉnh về tốc độ.
- Điều chỉnh về mức độ yêu cầu của kiến thức (có thể đơn giản hóa hoặc nâng cao).
- Điều chỉnh về mức độ vận dụng kiến thức.

** Thay đổi các yếu tố của môi trường học*

Tuỳ thuộc vào phong tục, tập quán và môi trường sống của địa phương mà giáo viên có thể điều chỉnh nội dung bài dạy cho phù hợp. Cũng cần phải chú ý tới sự thay đổi của môi trường, cơ sở vật chất và sự thay đổi của xã hội để xác định bài dạy.

** Thay đổi cách giao nhiệm vụ và bài tập*

Trong khi giao nhiệm vụ hay bài tập giáo viên phải lưu ý rằng việc giao nhiệm vụ và các bài tập nhằm để đảm bảo cho học sinh có thể hoàn thành được. Cùng một nhiệm vụ, nhưng tuỳ thuộc vào mỗi trẻ mà giao những phần việc khác nhau. Cùng một nội dung nhưng khác nhau về thời gian, về số lượng và mức độ của kiến thức.

** Thay đổi cách trợ giúp*

Đối với trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt cần phải có người giúp đỡ. Việc phân công ai giúp cũng cần được quan tâm. Sau một thời gian xem xét cần điều chỉnh cho thích hợp, có thể là tự bạn bè hay thầy giáo hoặc từ một người nào khác mà trẻ yêu thích.

3.2.4. Quá trình ra quyết định điều chỉnh

Giáo viên là người quyết định sẽ điều chỉnh chương trình học tập. Việc điều chỉnh chương trình học tập phải đạt được những yêu cầu: làm cho thích ứng, định hình, hòa nhập và làm sáng tỏ chương trình và phương pháp giảng dạy. Sơ đồ sau sẽ chỉ dẫn quá trình điều chỉnh:

Xác định mục đích và mục tiêu giáo dục cho trẻ trong quá trình hoạt động giáo dục

⇓

Định hướng kết quả mong muốn của trẻ trong các hoạt động giáo dục chung

⇓

Xác định phương hướng giảng bài
Xem xét: nếu không điều chỉnh liệu trẻ có thể tham gia và đạt được kết quả như các
học sinh khác không. Nếu như không đạt được thì nên làm thế nào...

⇓

Lựa chọn và thiết kế điều chỉnh						
Lựa chọn cách tiến hành giáo dục	**Lựa chọn bài học**	**Xây dựng chiến lược giảng dạy**	**Lựa chọn mục tiêu cụ thể cho từng bài dạy**	**Nâng cao môi trường thể chất và xã hội trong lớp học**	**Thiết kế và điều chỉnh lại học liệu**	**Lựa chọn sự giúp đỡ và giám sát, hướng dẫn**

⇓

Nếu như sự điều chỉnh trên chưa có hiệu quả cần thiết kế lại

⇓

Đánh giá hiệu quả của việc điều chỉnh

CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH

Sơ đồ 3: Mẫu lập kế hoạch bài giảng

Ngày: ..... giờ học: ..... Bài: .....

Mục đích bài học: .....

Tài liệu	Đánh giá
Bài tập tại lớp	Bài tập về nhà

Kế hoạch bài giảng

Biểu đồ hình tháp	Chương trình
Số môn học sinh sẽ học?	
Đa số học sinh sẽ học gì?	
Tất cả H/sinh sẽ học gì?	

Một số điểm cần lưu ý khi điều chỉnh

Quá trình lựa chọn, thiết kế và tiến hành điều chỉnh chương trình dựa trên cơ sở tiến bộ của trẻ. Trước khi tiến hành điều chỉnh, giáo viên cần xem xét các vấn đề dưới đây:

1. Liệu trẻ có thể tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học và có thể theo được các nội dung của bài học nếu chưa điều chỉnh không?

Nếu trẻ tham gia được toàn bộ chương trình thì việc điều chỉnh sẽ không cần thiết. Giáo viên cần xác định thời gian, có mối quan tâm đặc biệt, và duy trì, củng cố các nỗ lực của trẻ. Nếu trẻ có thể đáp ứng được các yêu cầu như trẻ bình thường, việc điều chỉnh sẽ trở lên thừa và thậm chí còn kìm hãm trẻ phát triển.

2. Liệu sự tham gia của trẻ sẽ được nâng cao nếu thay đổi phương pháp giảng dạy?

Giáo viên cần lựa chọn phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trẻ và với từng bài học. Cần xem xét bài học nào cần áp dụng phương pháp giảng dạy sau: hoạt động cho cả lớp, nhóm lớn, nhóm nhỏ, từng đôi, kèm cặp cá nhân, làm việc với phiếu, hợp tác nhóm v.v... Những hình thức hoạt động này sẽ định hướng các bài dạy và mức độ tham gia của học sinh.

Theo kinh nghiệm của một số nước có nền giáo dục phát triển, hình thức hợp tác nhóm, làm việc theo nhóm nhỏ, kèm cặp cá nhân và dùng phiếu là cách làm tốt để nâng cao tính tích cực và tính hợp tác của học sinh không chỉ cho trẻ có nhu cầu đặc biệt mà cho tất cả trẻ em. Hợp tác nhóm là hình thức tạo cho trẻ có nhiều cơ hội giao tiếp, giao lưu giữa trẻ với trẻ và trẻ với giáo viên. Hình thức "đôi bạn cùng học" là biện pháp thích hợp để hình thành các kỹ năng giao tiếp và xã hội, đồng thời nâng cao khả năng cùng tham gia, tính sáng tạo của học sinh.

3. Liệu khả năng cùng tham gia của trẻ có được nâng cao bằng cách thay đổi cách soạn giáo án?

Giáo án thể hiện toàn bộ các hoạt động của giáo viên và học sinh, cách chia sẻ những thông tin tới trẻ và cách trẻ tham gia vào quá trình học. Soạn giáo án theo phương pháp dạy truyền thống là miêu tả tỉ mỉ cách dạy như thuyết giảng/ minh hoạ/ thực hành. Theo cách đó giáo viên đóng vai trò như người diễn thuyết, giảng giải các khái niệm hoặc các vấn đề, sau đó minh hoạ hoặc mô hình hóa các điều mà mình vừa giảng. Còn học sinh tham gia vào thảo luận lớp, nhóm hoặc thực hành theo cách giáo viên đã hướng dẫn. Đáng tiếc rằng, nhiều giáo viên và học sinh lại tin rằng giảng dạy đồng nghĩa với thuyết giảng. Cách làm đó giống như nói lại sách vở, hoặc theo phương pháp kiểu dạy - thực hành - kiểm tra.

Để có thể thực hành tốt công việc tổ chức lớp học, giáo viên cần cân nhắc để có thể soạn bài giảng dựa vào các hoạt động, dựa vào kinh nghiệm của trẻ, dựa vào các chủ đề, và dựa vào đặc điểm của cộng đồng để tăng cường sự tham gia của trẻ. Cách làm đó gợi mở và mở rộng nội dung bài học và khuyến khích trẻ vận dụng các kiến thức đã được học từ những bài trước vào trao đổi, thảo luận một cách rõ ràng, trẻ cần làm một điều gì đó để làm sáng tỏ các khái niệm hoặc kỹ năng. Quá trình học được tiến hành như giao lưu giữa trẻ với môi trường. Đặc điểm chung nhất của cách làm này là trẻ được lôi cuốn và tham gia một cách tích cực vào hoạt động, tự khám phá, và bổ xung những kiến thức của mình.

4. Liệu sự tham gia và sự hiểu biết của trẻ có được nâng cao bằng cách thay đổi phong cách giảng dạy của giáo viên không?

Một trong những chức năng của điều chỉnh chương trình là nâng cao khả năng thích ứng giữa cách học của trẻ với cách giảng dạy của giáo viên. Phong cách giảng dạy của giáo viên ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu của trẻ khuyết tật có thể sẽ được hỗ trợ bằng những cách khác nhau: Lời nói, cử chỉ điệu bộ, gợi mở, kiểm tra lại sự hiểu của học sinh, cách đặt câu hỏi, chỉ bảo, cách đi lại của giáo viên... là những phong cách cần được lưu ý, rèn luyện.

Sự điều chỉnh có thể rất hoàn hảo về các mặt: phương pháp giảng dạy, soạn giáo án, chuẩn bị tài liệu học v.v... nhưng trẻ khuyết tật dễ bị thất bại nếu như giáo viên không có phong cách phù hợp và có trách nhiệm về bài dạy của mình.

5. Có cần điều chỉnh mục đích và yêu cầu của bài học cho học sinh không?

Trong lớp học hoà nhập có nhiều đối tượng, học sinh sẽ lĩnh hội lượng kiến thức và sử dụng những kiến thức ở các mức độ khác nhau. Những kiến thức cần được ưu tiên lĩnh hội đối với trẻ ở các mức độ rất khác nhau về mức độ khó, độ sâu và mở rộng. Vì vậy, yêu cầu mục tiêu đa dạng trong các bài dạy đối với từng trẻ là việc làm rất cần thiết. Việc xác định các mục đích và yêu cầu cho từng trẻ khuyết tật trước khi tiến hành bài dạy sẽ tạo điều kiện cho giáo viên có định hướng và yên tâm hơn trong tiến hành giờ lên lớp.

CÁC KỸ THUẬT VÀ TIẾN TRÌNH NHẰM TẠO SỰ THAM GIA TÍCH CỰC VÀO TRONG SUỐT TIẾT DẠY

1. Tạm dừng 3 phút

Cứ sau mỗi 10 - 15 phút thì đặt câu hỏi với học sinh:

- Tóm tắt lại những gì chúng vừa làm.
- Xác định những khía cạnh hay xoay quanh những điểm chúng vừa học.
- Xác định những điểm còn chưa rõ và làm rõ lại cho chúng.

2. Chuyển câu hỏi và câu trả lời

Một cách luyện trí nhớ: đưa cho mỗi học sinh một câu hỏi và một câu trả lời, học sinh đó nói lặp lại câu hỏi và câu trả lời một bạn khác - thông tin sẽ được lần lượt chuyển cho đến khi cả lớp có cơ hội để nói lại câu hỏi và câu trả lời đó.

Ví dụ: Cải cách thứ 14 là gì?

Nó đảm bảo sự bảo vệ bình đẳng và thời hạn dưới luật pháp.

3. Nói / viết

Tạm dừng một vài giây cho học sinh để viết những phản hồi cá nhân, một bảng tóm tắt những gì họ đã nghe được, các câu hỏi hoặc bất kỳ gì khác mà chúng chọn.

Ví dụ: Hãy dành ít phút để viết hoặc vẽ biểu hiện các ý kiến của em về những gì mà cô/thầy vừa trình bày. Bây giờ em nghĩ thế nào về vấn đề đó?

Sau đó có thể có phần cùng chia sẻ: Học sinh sẽ đối chiếu những suy nghĩ của mình và cố gắng làm rõ những gì còn chưa rõ.

4. Các câu văn kết quả

Tại các thời điểm quan trọng, nên dừng phần thuyết giảng và yêu cầu học sinh hoàn thành các câu văn:

Tôi ngạc nhiên khi tôi học ...

Tôi bắt đầu phân vân ..... tôi học ....

Mục đích: Giúp tạo ra được ý nghĩa của việc học trong một nội dung cụ thể.

5. Hỏi / tất cả viết

Yêu cầu học sinh viết nhanh một câu trả lời cho câu hỏi đặt ra - thúc học sinh nghĩ chính xác hơn về câu hỏi đó. Tạo cho học sinh một chút thời

gian và cho phép học sinh đối chiếu những câu trả lời riêng của mình với một câu đáp án đưa ra. Có thể gọi một số em giơ tay trước. Sau thời gian viết ngắn, hỏi học sinh: Bao nhiêu em sẵn lòng đọc bài viết của mình cho các bạn nghe?

6. Quay sang bạn và trao đổi

Chia sẻ những phản ứng hoặc ý kiến của mình về những gì tôi đã nói với một bạn gần bên. Hoặc đưa ra một câu hỏi hoặc một chủ đề để thảo luận.

7. Biểu đồ phản ứng

Đưa ra trước lớp. Yêu cầu học sinh xây dựng một bài trình bày thông qua hình ảnh về:

- Phản ứng về mặt tình cảm đối với các sự kiện lịch sử vừa được trình bày.
- Một minh họa (có thể bằng hình ảnh hoặc bằng lời) mà ngược với các sự kiện vừa trình bày.
- Một biểu đồ hoặc một bài trình bày bằng hình ảnh về những nhân vật chính trong quá trình thay đổi lịch sử.

8. Người tổ chức hình họa - Có gì khác? Có gì giống?

Vẽ được mối liên hệ giữa các sự kiện, khái niệm và các vấn đề. Vẽ theo kiểu liên kết vòng tròn: Trong mối liên kết hình tròn đó cần đưa ra được những điểm chung giữa các trường hợp PARC và BROWN. Trong mỗi hình tròn riêng biệt cần phải chỉ ra được sự khác nhau đặc biệt.

MỘT SỐ CÁCH THỨC DẠY HỌC THEO CÁCH ĐÁP ỨNG, PHẢN HỒI TỨC THỜI

Nếu học sinh gặp khó khăn, có thể thực hiện theo các cách sau:

1. Yêu cầu học sinh chú ý vào bài

- Kể chuyện để gắn bài học với đời sống thực.
- Gắn tính liên quan của bài học và mục đích của việc học với những kinh nghiệm trước hoặc những gì sẽ được làm.
- Thay đổi một cách thích hợp mức độ tư duy khái niệm để biến nội dung dễ hơn (cụ thể hơn) hoặc khó hơn (trừu tượng hơn).
- Đưa ra một ví dụ kinh nghiệm có từ cộng đồng mà gắn với khái niệm đó, sau đó dạy các bài học trừu tượng hơn.
- Phản hồi tích cực (ví dụ sự chú ý) khi bài học bắt đầu.
- Tạo nên những hành vi học tập theo như mong muốn bằng cách duy trì và tăng cường các mức độ chú ý cho học sinh (áp dụng các hình thức khen

thưởng, nói chuyện một:một hoặc phản hồi ngay về những câu trả lời đúng).

- Đọc to một bài báo ngắn hoặc câu chuyện để kích thích sự hứng thú.
- Cho học sinh ngồi gần giáo viên; khoảng cách sẽ ảnh hưởng đến sự hứng thú.

2. Khi bắt đầu

- Đưa ra gợi ý, hướng dẫn rõ ràng khi bắt đầu công việc.
- Yêu cầu học sinh bắt đầu và để cho các em biết mình sẽ quay lại ngay sau đó vài phút để kiểm tra bài làm hoặc kết quả.
- Đưa ra lượng bài tập vừa phải như vậy học sinh không bị cảm giác quá nhiều.
- Đưa ra gợi ý hướng dẫn cho học sinh để hoàn thành phần bài đầu tiên và nhận xét luôn sau đó.
- Sắp xếp bài tập theo cách những vấn đề dễ nhất thì để trước.
- Đưa ra tất cả những dụng cụ cần thiết, lưu ý là không quá thừa.

3. Hiểu được nguyên nhân - kết quả, tính đến trình tự

- Dùng các ví dụ cụ thể đối với những học sinh có kinh nghiệm thực tế ngay.
- Sử dụng những tình huống trong đời sống thực, đóng vai.
- Dạy về nguyên nhân - kết quả trực tiếp:
  + Động não
  + Đóng vai
  + Bắt chước
- Yêu cầu học sinh bằng trí tưởng tượng của mình để tổng hợp: cái gì sẽ xảy ra nếu...?

4. Rút ra kết luận và tìm sự khác nhau

- Giáo viên dạy cho học sinh các kỹ năng chỉ đạo (ví dụ: đưa ra các nguyên tắc để từng bước sử dụng các phương pháp khoa học)
  + Đưa ra vấn đề
  + Thu nhận thông tin
  + Đưa ra lời đoán hoặc đề nghị cách giải quyết...
- Vẽ một đường song song với tình huống mà học sinh có thể đã trải nghiệm trong việc giải quyết vấn đề.

5. Nhớ

- Đưa ra một bảng kiểm kê (gồm các từ hoặc các bức tranh chính).
- Đưa ra những gợi ý bằng miệng hoặc bằng cử chỉ.
- Để cho học sinh tự ghi chép lại.
- Dạy cho học sinh kỹ năng ghi nhớ.
- Dạy cho học sinh cách sử dụng từ viết tắt và các phương tiện giúp trí nhớ khác.
- Giới thiệu nhiệm vụ rõ ràng như vậy thì học sinh biết được nhiệm vụ đặt ra đối với mình.
- Đưa ra gợi ý thời gian để hoàn thành từng nhiệm vụ.
- Kiểm tra mức độ tiến bộ ngay trong vài phút đầu làm bài.
- Đưa ra một bảng kiểm tra trong từng bước làm bài (các bước, biểu đồ hình hoạ v.v...).
- Cho học sinh bắt đầu làm việc với bạn của mình hoặc một bạn đóng vai trò phụ giảng.

6. Chú ý đến những lời nói

- Giải thích theo từng bước nhỏ và trực tiếp.
- Đưa ra một bảng viết lại tổng hợp các hướng dẫn và bài giảng, đưa ra bằng hình ảnh có thể thông qua viết bằng phấn hoặc viết trên giấy trong.
- Cho học sinh nhắc lại các hướng dẫn ngay sau khi bạn nói.
- Khi đưa ra hướng dẫn và nhiệm vụ cho từng nhóm; mỗi bước nên ngừng lại vài giây như vậy thì học sinh có thể tiến hành quá trình đó trong đầu của mình.
- Cung cấp cho học sinh các nguồn thông tin khác: công cụ để nhắc bạn cùng làm việc, máy thu thanh, băng video, vật dùng để nhắc về thời gian.
- Làm ngắn gọn thời gian nghe, nhắc lại.
- Đưa ra một phần lời của một bài trình bày nói, ví dụ: một video hoặc một bài giảng.
- Thay thế nghe bằng tài liệu viết và nhiệm vụ lôi cuốn hấp dẫn.
- Nhìn trực tiếp học sinh; cho tay lên vai học sinh khi hướng dẫn cho học sinh - cần phải chắc chắn đó là một cử chỉ rất tự nhiên mà không làm cho học sinh cảm thấy bị tách biệt ra khỏi các bạn khác.

7. Chú ý đến những từ được viết ra

- Lựa chọn một bài tập có ít các chi tiết hơn hoặc các chỉ dẫn trên một trang giấy.
- Làm nổi bật các đặc điểm khác biệt nổi trội.
- Làm nổi bật, gạch chân, chỉ ra hoặc đánh số.
- Cắt/xé các trang giấy ra khỏi vở viết.
- Cho học sinh phân biệt mỗi phần này với phần khác, cho học sinh xác định các tiêu đề chính hoặc các tựa đề chính.
- Đòi hỏi bàn cần phải để trống, không có các vật khác.
- Tìm một khu vực gây kích thích sự hứng thú bằng hình ảnh ở vị trí thấp trong phòng để tiến hành, và phải phân tích cho học sinh thấy được việc này là để hỗ trợ thêm chứ không phải là tách biệt học sinh hay phạt học sinh.
- Cho tờ phiếu bài tập lên máy chiếu khi giáo viên hướng dẫn.
- Giới hạn một số bước trong việc chỉ dẫn, hướng dẫn.
- Sử dụng một số ít từ.
- Đưa ra ví dụ.
- Nhắc lại.
- Cho học sinh nhắc lại hoặc giải thích và hy vọng là bằng lời riêng của học sinh.

8. Làm theo chỉ dẫn

- Đưa ra bảng liệt kê các chỉ dẫn.
- Ghi các chỉ dẫn đó vào một phương tiện ghi nghe hoặc một dụng cụ tính thời gian.
- Hỗ trợ cho học sinh quan sát các gợi ý một cách tự nhiên từ chính những động tác hoặc phản ứng của các bạn.
- Quan sát học sinh kỹ và sát sao khi học sinh bắt đầu công việc.
- Trình bày các chỉ dẫn cả bằng các dụng cụ nghe nhìn và cả bằng hình ảnh.

9. Tập trung vào tài liệu hay bài tập

- Chuẩn bị một vở bài tập và kiểm tra thường xuyên đối với học sinh.
- Kiểm tra các dụng cụ hỗ trợ học sinh trên lớp.
- Đưa ra phiếu giao việc cho học sinh.
- Đưa ra phiếu giao việc cho các giáo viên khác.hoặc phụ huynh.

- Cho học sinh thực hiện một "túi thư" hoặc lịch và một loạt các việc cần làm.
- Viết nhiệm vụ cần giao lên bảng cho học sinh ghi lại.
- Kiểm tra lại và củng cố lại việc ghi chép của học sinh.
- Đòi hỏi cần có các bì thư để đựng các dụng cụ của máy chiếu, đựng các bộ phận nhỏ như bìa cứng nhỏ, tranh ảnh hoặc phiếu ghi chép tiến bộ...
- Trả lại các bài tập đã được chữa một cách chính xác.

10. Tập trung vào bài làm

- Giảm sự phân tâm trong khi đưa ra nhận xét, phản hồi.
- Đưa ra từng nhiệm vụ nhỏ một.
- Đưa ra bảng kiểm kê.
- Đưa ra thời gian ngắn hơn đối với một số hoạt động cụ thể, hoặc đưa ra nhiều hoạt động như vậy thì trong một khoảng thời gian, học sinh có thể hoàn thành.
- Thay đổi số lượng bài tập cho học sinh trong thời gian nghỉ giải lao.
- Đưa ra một hoạt động thay thế một cách lặng lẽ trong một thời gian nghỉ ngắn.
- Đưa ra một dụng cụ đo thời gian để đặt thời gian cho một bài tập nhất định.

11. Hoàn thành nhiệm vụ đúng thời gian được giao

- Giảm số lượng bài tập cần hoàn thành.
- Cho học sinh thêm thời gian.
- Đưa ra gợi ý thời gian (có nghĩa là nhắc nhở học sinh về thời gian còn lại trước 2 phút chẳng hạn).
- Lập thời gian biểu.
- Yêu cầu phụ huynh học sinh lập một thời gian biểu tại nhà cho học sinh để củng cố kỹ năng làm việc theo thời gian.
- Đưa ra bảng kiểm kê.
- Đưa ra tổng kết về một số điểm trong quá trình làm.
- Đưa ra nhận xét phản hồi tích cực, ví dụ: bảng kiểm kê "các bài tập đã hoàn thành".

12. Làm việc trong nhóm

- Đưa ra những chỉ dẫn trực tiếp cho các nhóm tiến hành (cần rõ ràng về các kỹ năng xã hội và giao tiếp mà mình đặt ra mong đợi cho học sinh đạt được).

- Giao trách nhiệm hoặc vai trò trưởng nhóm cho học sinh (đưa ra vai trò cụ thể).
- Chuẩn bị cho các thành viên trong nhóm để tham gia và hỗ trợ học sinh.
- Sử dụng các dụng cụ hỗ trợ của giáo viên hoặc tình nguyện viên trong lớp để điều hành công việc cụ thể của nhóm cho đến khi nào học sinh hình thành được các kỹ năng.
- Hướng dẫn thêm về cấu trúc bằng việc định nghĩa nhiệm vụ và liệt kê các bước tiến hành.
- Đề cập lại mục đích cần đạt và gắn mục đích với hoạt động yêu cầu, đưa ra kết luận, tổng kết.

13. Làm việc độc lập

- Chỉ định một nhiệm vụ với mức độ phù hợp, không quá khó mà cũng không quá dễ.
- Đảm bảo là học sinh có thể có khả năng hoàn thành nhiệm vụ.
- Đưa ra hướng dẫn, chỉ dẫn cụ thể.
- Giảm mức độ khó (hoặc nâng cao đối với một số trường hợp).
- Đưa ra nhiệm vụ ngắn.
- Thường xuyên củng cố, khen ngợi để tập trung nhưng không nên quá đánh mất sự tập trung để khen ngợi.
- Kích thích sự hứng thú của học sinh bằng cách đưa ra một mục đích cho học sinh.
- Để cho học sinh tự nhìn vào bài làm của riêng mình coi đó là một biểu hiện của trách nhiệm cá nhân và tự phát triển hơn là nghĩ rằng giáo viên chỉ muốn "tránh khỏi mình".
- Đưa ra một loạt các bài tập trong khuôn khổ nhiệm vụ đó thay vì viết một loạt các yêu cầu nhỏ (ví dụ: làm một biểu đồ, một bản đồ, làm cờ, tranh ảnh hay vẽ...).

14. Học từ việc lắng nghe

- Đưa ra các đồ dùng trực quan.
- Sử dụng các bìa phản sáng.
- Cho học sinh nhắm mắt vào và thử hình ảnh hóa thông tin.
- Đánh vần bằng hình ảnh toàn bộ từ, hoặc khái niệm nào đó.
- Cho học sinh ghi chép lại, viết lại và làm nổi bật các phần bằng cách sử dụng bút đánh dấu.

- Dạy cách sử dụng từ viết tắt để giúp hình ảnh hóa bảng liệt kê tên (TEKJN có thể là tên viết tắt của các tổng thống Truman - Eisenhower - Kennedy - Johnson - Nixon).
- Đưa ra lời thoại của những bài đã được ghi lại hay các phương tiện ghi nhìn.
- Giải thích về một số các bước khác biệt nhỏ.
- Đưa ra một vài hướng dẫn được viết ra hỗ trợ thêm cho việc hướng dẫn bằng miệng, hoặc giảng giải, chẳng hạn như tiêu đề hoặc lời của một đoạn băng.
- Cho học sinh nhắc lại hướng dẫn.
- Khi đưa ra các hướng dẫn cho các nhóm - ngừng lại một vài giây để học sinh có một khoảng thời gian suy nghĩ.
- Đưa thêm các nguồn thông tin khác: về các bạn, băng ghi.
- Để thời gian nghe ngắn hơn, nhắc lại.
- Đưa thêm các hình ảnh bằng cách viết lên bảng hoặc viết trên máy chiếu.
- Đưa ra các bài tập trên giấy thay vì giao miệng và các hoạt động bài tập hấp dẫn.
- Dạy lại các từ khó và các khái niệm khó.
- Nói rõ cho học sinh những gì mà chúng cần làm; đưa ra một lý do tại sao cần nghe.
- Tránh thể bị động (ví dụ: "Dan đánh John" chứ không "John bị đánh bởi Dan") vì như vậy thì khó hiểu hơn đối với học sinh.
- Bỏ những từ không cần thiết (ví dụ: "Jane, ngồi đi" hơn là "Jane, cậu có thể ngồi xuống ghế của mình đi").
- Pha thêm trò vui trong khoảng thời gian nghỉ.
- Đưa ra bảng gợi ý nghiên cứu hay làm bài.
- Hướng dẫn cách ghi băng những sự khác nhau, sự phức tạp, độ dài và tốc độ để thực hành.

15. Diễn đạt ý kiến của mình bằng lời

- Chấp nhận các mẫu chia sẻ thông tin thay thế chẳng hạn như:
  + Một báo cáo viết
  + Một biểu hiện nghệ thuật (vẽ, tạo nét, làm đồ thủ công, mẫu, cắt dán và khắc...)
  + Trưng bày

+ Biểu đồ hoặc đồ họa hoặc bảng biểu
+ Bảng tin
+ Bài viết bằng hình ảnh
+ Bản đồ
+ Không gian 3 chiều, chương trình chiếu trưng bày
+ Tổng kết lại các đoạn phim
+ Trò chơi đố chữ hoặc các đoạn kịch câm
+ Biểu diễn minh họa
+ Làm phim video

- Đặt các câu hỏi đòi hỏi các câu trả lời ngắn.
- Đưa ra một gợi ý, chẳng hạn như bắt đầu một câu văn cho sẵn cho học sinh hoặc đưa ra một hình ảnh gợi ý.
- Đưa ra các hướng dẫn để cho các hoạt động thảo luận trong lớp mang tính tích cực và an toàn (ví dụ: nguyên tắc không ngắt lời người khác...).
- Tính đến cả những đóng góp miệng trong việc đánh giá việc học và chuẩn bị cho từng cá nhân của học sinh.
- Dạy học sinh cách đặt câu hỏi trong lớp.
- Dạy học sinh cách diễn tả bằng lời và ngôn ngữ cử chỉ.
- Đợi cho học sinh trả lời; không gọi ngay những học sinh giơ tay, ít nhất phải đợi 3 giây để nhận được nhiều câu trả lời.
- Câu hỏi ở mức độ để dạy - đưa ra số thực tế; hỏi lại về các thực tế - Cái gì và tại sao? Các câu hỏi dạng này nên sử dụng ở các mức độ khác nhau.
- Cho học sinh tham gia với nhiều cỡ nhóm khác nhau, trước hết trong nhóm nhỏ sau đó nói trước cả nhóm lớn.
- Cho phép học sinh tham gia với nhiều cỡ nhóm khác nhau, trước hết trong nhóm nhỏ sau đó nói trước cả nhóm lớn.
- Luôn luôn để lại lời nhận xét mang tính tích cực - về một câu trả lời đúng, ít nhất là một cái gì đó giống như trong sân chơi bóng.

16. Nhìn nhận các mối quan hệ

- Trực tiếp chỉ ra các mối quan hệ.
- Vẽ các đường mũi tên trong phiếu bài tập hoặc trên bài khóa để chỉ ra mối tương quan giữa các ý kiến đó.

- Thảo luận cả lớp - học sinh đưa ra các ý kiến và gắn các ý kiến đó với các kinh nghiệm riêng của mình.
- Dạy trực tiếp, các mối quan hệ giữa.
  + Các chức năng
  + Theo chủng loại
  + Đối lập
  + Theo trình tự
- Đưa ra những tiêu đề chính hoặc một phần nào đó điền vào bảng cho một ví dụ.
- Cây gia đình có thể giúp học sinh gắn liên hệ với các sự kiện lịch sử không gắn kết.

CÁC THÀNH TỐ QUAN TRỌNG CỦA PHƯƠNG PHÁP HỢP TÁC NHÓM

Tính phụ thuộc tích cực

- Đưa ra một mục đích chung
- Nhấn mạnh quan điểm rằng học sinh sẽ cùng bơi và cùng chìm.
- Phân chia trách nhiệm, đồ dùng, tài liệu và vai trò
- Cùng đưa ra cách khen thưởng chung

Trách nhiệm cá nhân

Các phương pháp đảm bảo mỗi học sinh đều có trách nhiệm về dụng cụ học tập đã được giao hoặc hoàn thành nhiệm vụ được giao tới một mức độ có thể chấp nhận được. Giảm thiểu "ngồi chơi ăn sẵn".

Làm việc trong nhóm

- Phân tích về chức năng của cá nhân và nhóm.
- Đòi hỏi học sinh đưa ra ý kiến, quan sát và thiết lập mục tiêu.

Các kỹ năng làm việc trong nhóm nhỏ và các kỹ năng xã hội

- Sự phát triển các kỹ năng giao tiếp xã hội có tầm quan trọng tương đương với mục đích của việc học kiến thức.
- Những kỹ năng này thúc đẩy sự phát triển các mối quan hệ đa dạng và phức tạp hơn.

Giao tiếp trực tiếp

- Tạo ra một môi trường để đảm bảo các hình thái giao tiếp như mong muốn.
- Sắp xếp phòng, sự gần gũi giữa các học sinh.

CÁC KỸ NĂNG HỢP TÁC NHÓM

Cụm 1

Hình thành
Chuyển vào nhóm yên lặng
Ngồi làm việc trong nhóm
Nói nhỏ
Khuyến khích tất cả đều tham gia

Cụm 3

Thăm dò bằng cách đưa ra nhiều câu hỏi ở mức độ sâu hơn
Đưa thêm câu trả lời
Kiểm tra thực tế bằng cách kiểm tra công việc của H/sinh
Mở rộng ý kiến trả lời của các thành viên khác trong nhóm
Yêu cầu minh chứng
Lồng ghép ý kiến vào các chỗ cụ thể
Phê bình và bình luận ý kiến

Cụm 2

Chức năng
Biết cách dùng tên, nhìn thẳng vào người nói và sử dụng hình thức không làm người khác bẽ mặt.
Định hướng nhiệm vụ của nhóm
Diễn tả mức độ hỗ trợ
Yêu cầu giúp đỡ hoặc làm rõ ý
Sẵn sàng giải thích hoặc làm rõ hơn
Làm sáng tỏ ý của người khác
Làm cho nhóm hào hứng và nhiệt huyết
Miêu tả cảm giác khi thích hợp

Cụm 4

Quá trình lên men (hình thành)
Yêu cầu các thành viên nói to khi lên kế hoạch
Yêu cầu phát âm
Tìm các cách thông minh khác nhau để nhớ ý kiến và thực tế
Tìm cách để trau chuốt hơn
Tìm kiếm độ chính xác bằng cách sửa lỗi hoặc thêm vào phần tóm tắt.
Tóm tắt nói to
Hình thành cấu trúc

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC NHÓM

Mục tiêu nhiệm vụ:

Đọc, thảo luận và đưa ra một dàn ý hiểu về bài thơ trên.

Mục tiêu hợp tác:

1. Tất cả mọi người đều tham gia và đóng góp ý kiến.
2. Tất cả đều thống nhất về các câu trả lời và có thể giải thích những suy nghĩ để bổ trợ lẫn cho nhau.

Trách nhiệm cá nhân:

1. Mỗi thành viên trong nhóm đưa ra một bảng câu trả lời ban đầu, chỉ định trách nhiệm tham gia, hiểu và thống nhất về câu trả lời.
2. Mỗi thành viên trong nhóm đều chuẩn bị tinh thần để báo cáo.

Hành vi mong đợi (các kỹ năng xã hội):

1. Đóng góp ít nhất một ý kiến cho một câu hỏi.
2. Khuyến khích tham gia - đưa ra những nhận xét tích cực.

Các bước:

1. Chỉ định vai trò: Người điều khiển thời gian
   Người khuyến khích
   Người đọc
   Người ghi chép
   Người kiểm tra
2. Đọc to bài thơ.
3. Trả lời các câu hỏi vào phần cuối của tờ giấy.

Nghĩ ít nhất 5 câu trả lời cho mỗi câu hỏi.

Đảm bảo rằng trong nhóm đều thống nhất về câu trả lời.

Khoanh tròn những câu trả lời đã được thống nhất.

4. Mỗi thành viên tạo ra một bảng câu trả lời.
5. Quá trình nhóm thực hiện chức năng trong mặt sau của tờ giấy.

" Hai điều chúng tôi đã làm tốt ....."

"Một điều chúng tôi có thể làm tốt hơn trong lần sau là ....."

CÁC CẤU TRÚC HỢP TÁC CHỌN LỌC

CẤU TRÚC	MÔ TẢ	CHỨC NĂNG VỀ KIẾN TRÚC VÀ XÃ HỘI
Nghĩ - thảo luận nhóm đôi - chia sẻ	Học sinh tự suy nghĩ về một chủ đề/ câu hỏi đó giáo viên đưa ra, sau đó nhóm đôi với một học sinh khác và cùng chia sẻ câu trả lời. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh chia sẻ ý kiến riêng của mình hoặc ý kiến của bạn cùng nhóm.	Phát triển khái niệm: Phát triển và điều chỉnh các giả thuyết, theo hướng quy nạp và diễn giải, áp dụng khả năng sáng tạo, lắng nghe một cách tích cực và tăng cường sự tham gia.
Hình thành - chia sẻ - lắng nghe - sáng tạo	Bắt đầu như khái niệm "Nghĩ - nhóm đôi và chia sẻ". Khi học sinh đã diễn tả ý kiến của mình và suy nghĩ với nhau, các thành viên phải hình thành được một đáp án/một câu trả lời liên kết được các ý kiến đóng góp của cả hai bên	Phát triển khái niệm: Phân biệt các khái niệm khác nhau, hiểu các mối quan hệ đa dạng giữa các ý kiến, sáng tạo khởi xướng, tăng cường sự tham gia, đi đến thống nhất và nhìn xa.
Học sinh được gọi theo số	Học sinh được tập hợp vào một nhóm nhỏ và được chia theo kiểu đếm số (ví dụ:1,2,3...). Sau đó giáo viên đặt câu hỏi, học sinh trao đổi với nhau để đảm bảo mọi người đều biết câu trả lời, sau đó một học sinh trong một nhóm được gọi để đưa ra câu trả lời (ví dụ tất cả các em mang số 3)	Nắm vững kiến thức: Xem lại, kiểm tra lại kiến thức và mức độ hiểu. Trợ giúp và cùng thống nhất.
Nói và chuyển cho người khác	Học sinh được gọi trả lời câu hỏi hoặc nói lại một số thông tin chính. Học sinh ngừng lại ở cuối câu hoặc giữa câu và một học sinh khác được gọi để tiếp tục phần còn lại. Hình thức này có thể áp dụng được rất tốt đối với học sinh khó khăn về ngôn ngữ giao tiếp, bằng cách yêu cầu các em chia sẻ một từ, một bức tranh, một khái niệm và sau đó cả lớp sẽ dựa vào để phát triển và bổ sung.	Đa chức năng: Đánh giá kiến thức đã có trước, gợi lại thông tin, kiểm tra lại và kiểm tra kiến thức, thiết lập mối liên hệ giữa các môn học, chủ đề... Lắng nghe chủ động, bổ sung và làm giàu kiến thức.
Bàn tròn	Mỗi học sinh lần lượt viết một câu trả lời hoặc một ý kiến và chuyển bút và giấy quanh bàn. Các em không được lặp lại các ý kiến nhưng có thể được mở rộng từ các ý kiến trước. Cùng cách bàn tròn đồng thời, như vậy cần phải có từ 1 bút và 1 tờ giấy trở lên và giấy để sử dụng cùng một lúc.	Đa chức năng: Thực hành các kỹ năng, gợi lại thông tin, sáng tạo nghệ thuật hợp tác, nghĩ ra ý tưởng, xây dựng tinh thần nhóm và luân phiên thể hiện vai trò.

cấu trúc Graffiti	Học sinh được chia vào nhóm. Mỗi nhóm được giao một chủ đề để viết về nó hoặc liệt kê các ý kiến trong một thời gian giới hạn (ví dụ: trong 10 phút). Các nhóm ngừng lại và chuyển qua cho nhóm khác. Các nhóm được hạn thời gian để bổ sung trước khi chuyển. Tiếp tục chuyển cho đến khi tất cả các nhóm đã ghi thêm vào bảng ga-ri-tô đó và trả lại cho nhóm đầu tiên. Một tiêu chí là học sinh phải dịch chuyển để hoàn thành đến từng bàn	Đa chức năng: Theo cách quy nạp và diễn giải, áp dụng, đánh giá các kiến thức đã có, gợi lại thông tin, luân phiên và có ý thức xây dựng nhóm
Làm việc theo nhóm và STAD	Học sinh làm việc theo nhóm pha trộn cùng giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ/một hoạt động. Học sinh có thể nghiên cứu theo từng đôi hoặc 3 để hoàn thành. Khi hoàn thành xong, mọi học sinh phải thể hiện được sự hiểu biết của mình về sản phẩm của nhóm nếu được hỏi riêng. Quá trình tiến bộ của nhóm và các cá nhân sẽ được xem xét một cách thường xuyên. Theo cách STAD - Phân chia thành quả của nhóm, học sinh được hỏi ngay từ đầu và điểm số cơ bản sẽ được đưa ra. Sau khi xem xét trên phương diện cả nhóm, từng học sinh lại được phỏng vấn lại một lần nữa.... Số điểm của nhóm sẽ được tổng hợp với sự đóng góp của mỗi thành viên, điểm số đó là điểm số nhóm đã đạt được tốt hơn so với điểm cơ bản.	Phát triển khái niệm: Phát triển và chỉnh sửa khái niệm, diễn tả sự hiểu biết về khái niệm, áp dụng, xem lại, lắng nghe một cách tích cực, làm giàu thêm kiến thức, xây dựng sự thống nhất và xây dựng nhóm.
Lắp ghép	Học sinh được tập hợp vào một nhóm nhỏ. Các nhóm được giao nhiệm vụ nghiên cứu về một chủ đề cụ thể. Mỗi học sinh trong nhóm được chỉ định nghiên cứu một lĩnh vực có liên quan đến chủ đề hoặc được giao một bộ tài liệu để học. Mục đích là giúp cho mỗi học sinh thành thạo trong việc xử lý bộ tài liệu riêng của mình và biết lập kế hoạch để chia sẻ những thông tin thu được cho các thành viên khác trong nhóm. Các học sinh được chỉ định tham gia vào lĩnh vực chuyên môn từ các nhóm khác nhau được vào một nhóm. Nhóm này được gọi là nhóm "cùng chuyên môn" hoặc "đội chuyên gia". Chúng sẽ nghiên cứu riêng các tài liệu được giao và sau đó chia sẻ ý kiến với nhau để tìm ra cách tốt nhất truyền đạt thông tin về tài liệu với các bạn khác.	Phát triển khái niệm: Phát triển và chỉnh sửa các giả thuyết, hiểu các mối quan hệ đa phương giữa các ý, theo lý quy nạp và diễn giải, áp dụng, mối liên kết giữa các môn học, chủ đề và các thực tế trợ giúp, trau dồi thêm, lắng nghe tích cực, khởi xuống các vấn đề, nhìn xa và tìm sự thống nhất.

Khám phá trong nhóm	Học sinh được nhóm pha trộn và chọn chủ đề để khám phá (giáo viên có thể cung cấp một bảng lựa chọn cho học sinh). Học sinh lên kế hoạch cho từng bộ phận nhỏ trong nhóm mình từng chủ đề nhỏ để tiến hành khám phá, mục đích học tập và cách khám phá như thế nào, học sinh sẽ thu thập thông tin, phân tích và đánh giá các thông tin, số liệu và đưa ra kết luận. Việc khám phá được trình bày trong báo cáo hoặc dưới hình thức sự kiện hoặc tóm tắt, học sinh sẽ quyết định nội dung và cách trình bày, chỉ định vai trò cho phần trình bày và trình bày những khám phá trước cả lớp. Phần đánh giá công việc sẽ đi vào nhấn mạnh đến các phần có thể cho phép học sinh học ở mức cao hơn và đồng thời cũng quyết định công việc tiếp theo với sự cộng tác của giáo viên và nhóm học sinh.	Phát triển khái niệm: Đưa ra và chỉnh sửa khái niệm, hiểu các mối quan hệ đa phương giữa các ý, theo nguyên lý quy nạp và diễn giải, áp dụng, mối liên kết giữa các ý kiến và mức độ tư duy cao hơn. Trợ giúp, trau đổi thêm, lắng nghe chủ động, khởi xướng các vấn đề, nhìn xa và cùng xây dựng sự thống nhất.
Phỏng vấn 3 bước	Trong nhóm 4 học sinh, giáo viên đặt một câu hỏi hoặc đưa ra một loạt câu hỏi cho học sinh. Học sinh theo từng đôi và phỏng vấn thành viên kia về các câu hỏi được đặt ra. Tương tự như vậy, học sinh đổi vai và tiến hành phỏng vấn. Học sinh phỏng vấn trong nhóm đầu tiên của mình với số lượng 4 người và bằng cách lần lượt chia sẻ các thông tin đã học được trong cuộc phỏng vấn theo một kiểu vòng tròn.	Phát triển khái niệm: Đưa ra và chỉnh sửa khái niệm, hiểu các mối quan hệ đa phương giữa các ý theo lý quy nạp và diễn giải, kết luận từ một bài hay một câu chuyện, khởi xướng, lắng nghe tích cực, tăng cường tham gia và cùng xây dựng sự thống nhất, làm việc lần lượt.
Tung một câu hỏi lên	Học sinh đưa ra 1 câu hỏi viết trên 1 tờ giấy (có thể theo đội, theo từng đôi hoặc từng cá nhân), học sinh gói kín câu hỏi vào trong một quả bóng và tung sang cho một đội khác, đôi khác hoặc 1 người khác và người đó phải trả lời câu hỏi đó trước khi trả lại tờ giấy cho người đầu tiên.	Phát triển khái niệm: Nắm bắt, xem lại và áp dụng thông tin, theo cách quy nạp, lắng nghe tích cực, khởi xướng các vấn đề và cùng xây dựng sự thống nhất.
Vòng trong và vòng ngoài	Học sinh đứng theo 2 vòng đồng tâm, vòng bên trong thì quay ra ngoài và vòng ngoài thì quay vào trong. Học sinh quay sang phải một góc và người hướng dẫn sẽ nói với các em bao nhiêu lần thì đổi, sau đó các em quay mặt vào nhau và trao đổi thông tin. Bạn có thể để ý đến một số con số khi bạn lắng nghe hoặc các phản hồi với cấu trúc này (ví dụ: một bạn có thể tham gia vào phần lắng nghe chú ý và phân tích nội dung v.v...)	Đa chức năng: Xây dựng cộng đồng, nắm bắt, chia sẻ thông tin, các cách phản hồi giao tiếp.

CÁC CÁCH TẠO RA TÍNH PHỤ THUỘC TÍCH CỰC

1. Mục đích

Mục đích chung được thiết lập. Một người đạt được mục đích nếu tất cả đạt được mục đích.

2. Động lực

Tất cả học sinh trong nhóm đều nhận được phần thưởng như nhau nếu tất cả cùng thành công.

3. Đồ dùng

Một bộ đồ dùng chung cho mỗi nhóm

4. Vai trò

Mỗi thành viên trong nhóm đều có một vai trò có tính phụ thuộc và liên kết với các thành viên khác.

5. Sắp xếp trình tự

Nhiệm vụ chung được chia thành các nhiệm vụ nhỏ và được thực hiện theo một trình tự nhất định.

6. Đóng vai

Các thành viên trong nhóm làm việc trong một tình huống giả thiết để đạt được thành công hoặc để tồn tại.

7. Áp lực bên ngoài

Các nhóm phải thi đua với nhau

8. Môi trường

Các thành viên trong nhóm gắn bó với nhau do chính môi trường làm việc tạo nên.

9. Xác định biểu trưng của nhóm

Các thành viên trong nhóm xây dựng một bản sắc riêng thông qua việc đặt tên cho nhóm, cờ, bài hát hoặc khẩu hiệu...

CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP VỀ XÃ HỘI

Bảng liệt kê này đưa ra một ví dụ các kỹ năng giao tiếp xã hội có thể dạy cho học sinh. Bạn có thể bổ sung gì?

- ✧ Luân phiên (một cách công bằng)
- ✧ Dùng chung tài liệu
- ✧ Yêu cầu được giúp đỡ
- ✧ Hỏi để được làm rõ
- ✧ Các kỹ năng giao tiếp về xã hội
- ✧ Khen ngợi
- ✧ Nói nhỏ
- ✧ Tất cả mọi người đều tham gia bình đẳng
- ✧ Di chuyển nhẹ nhàng vào nhóm
- ✧ Thể hiện tinh thần trợ giúp, không từ bỏ
- ✧ Chú ý vào công việc
- ✧ Nhẹ nhàng với mọi người
- ✧ Nói những điều tốt
- ✧ Hỏi để có sự hiểu biết thấu đáo
- ✧ Sử dụng các tên
- ✧ Khuyến khích
- ✧ Bình luận về các ý kiến chứ không về người tham gia.
- ✧ Thể hiện ý kiến không đồng tình mà không làm ai bị xúc phạm.
- ✧ Nói "cảm ơn" và "cảm ơn"
- ✧ Ngồi chỗ nào có thể cộng tác được với người khác
- ✧ Thực hiện công việc của cả nhóm theo từng bước.
- ✧ Khai thác thêm ý kiến của người khác
- ✧ Yêu cầu người khác nhận xét
- ✧ Lồng các ý kiến vào cùng ý tưởng
- ✧ Đặt các câu hỏi sâu hơn
- ✧ Kiềm chế được sự bực tức của mình
- ✧ Lờ được những việc làm mình mất chú ý
- ✧ Đàm phán
- ✧ Có trách nhiệm
- ✧ Chấp nhận sự khác nhau
- ✧ Cần quyết đoán theo các cách có thể chấp nhận.
- ✧ Lắng nghe (một cách tích cực)
- ✧ Hoạt bát
- ✧ Giải quyết xung đột
- ✧ Đạt được thoả thuận/nhất trí
- ✧ Thừa nhận giá trị của người khác
- ✧ Dõi theo cả quá trình
- ✧ Theo chỉ dẫn
- ✧ Đặt câu hỏi
- ✧ Tóm tắt
- ✧ Phân tích làm rõ ý
- ✧ Ý thức được sự có mặt và tham gia của mọi người.
- ✧ Quản lý đồ dùng/tài liệu
- ✧ Diễn tả sự ủng hộ và khuyến khích bằng thái độ/cử chỉ.
- ✧ Trân trọng thành quả đạt được
- ✧ Ngồi cùng với cả nhóm
- ✧ Ngồi cùng với nhóm trong cả quá trình
- ✧ Tự kiềm chế mình
- ✧ Nhìn những người khác trong nhóm
- ✧ Làm rõ ý
- ✧ Đóng góp ý kiến
- ✧ Động não liệt kê ý tưởng
- ✧ Phản đối nhưng không chỉ trích người khác.
- ✧ Diễn tả cảm giác lúc thích hợp.
- ✧ Thổi sức mạnh và tinh thần làm việc cho mọi người.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC TRONG DẠY HỌC HÒA NHẬP

Để biết kết quả thực hiện bất kỳ việc gì cũng cần phải đánh giá. Đánh giá là một bộ phận, một khâu công việc của một quá trình.

Đánh giá trong giáo dục là quá trình thu thập và xử lý kịp thời có hệ thống những thông tin về hiện trạng, khả năng hay nguyên nhân của chất lượng và hiệu quả giáo dục. Căn cứ vào mục tiêu dạy học, mục tiêu đào tạo làm cơ sở cho những chủ trương, biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo. Như vậy, đánh giá trong giáo dục bao gồm đánh giá chất lượng và hiệu quả dạy học nói chung và đánh giá kết quả học tập của học sinh nói riêng.

Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh. Từ đó tạo cơ sở cho những quyết định sư phạm của giáo viên và nhà trường đối với học sinh để thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập.

Trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật cũng cần được đánh giá kết quả và đây cũng là một quá trình thu thập và xử lý thông tin về khả năng đáp ứng nhu cầu cho trẻ được những gì, trẻ đã thực hiện đạt được đến mức độ nào, có những khó khăn gì nhằm để giúp trẻ phát triển tiếp theo.

1. Quan điểm đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật:

Việc đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật có một ý nghĩa rất lớn giúp cho trẻ phát triển. Qua đánh giá thấy được mặt tích cực, mặt mạnh mà trẻ đạt được trong quá trình giáo dục, đồng thời cũng phản ánh những hạn chế mà trẻ còn gặp phải. Từ đó có những biện pháp hay hướng để giúp trẻ phát triển.

Trẻ khuyết tật có những khó khăn đặc biệt làm hạn chế sự phát triển của trẻ, nếu trong quá trình đánh giá trẻ, cần có những quan niệm đúng đắn và tính cực của giáo viên. Không thể áp dụng cách đánh giá đối với trẻ bình thường vào đánh giá trẻ khuyết tật được. Hiện nay chưa có văn bản quy định chuẩn mực đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật của Bộ GD&ĐT, nhưng qua thực tiễn nhiều năm giáo dục trẻ khuyết tật trong môi trường giáo dục hòa nhập ở Việt Nam và kinh nghiệm đánh giá của một số nước trên thế giới. Đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật dựa trên những quan điểm tiến bộ sau:

** Đánh giá theo quan điểm tổng thể*

Nghĩa là đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật theo kết quả tổng

quan nhiều mặt, không nên chỉ đánh giá theo một khía cạnh, phương diện nào. Ở đây, ta phải có cách nhìn tổng quát về sự tiến bộ, phát triển mọi mặt của trẻ. Trẻ điếc câm có thể nói kém, nhưng khả năng cảm thụ ngôn ngữ (hiểu) và khả năng viết không kém trẻ bình thường. Trẻ mù nếu chỉ đánh giá về khả năng nhận biết thế giới xung quanh bằng mắt thì các em không còn khả năng, nhưng các chức năng khác để nhận biết của các em lại tăng lên, thậm chí có khi hơn cả trẻ bình thường.

** Đánh giá theo quan niệm tích cực, phát triển*

Mỗi trẻ đều có mặt mạnh, mặt yếu, không một ai hoàn thiện "mười phân vẹn mười". Với trẻ khuyết tật điều này thể hiện rất rõ. Tuy trẻ có những mặt yếu hơn nhưng ngược lại trẻ cũng có những mặt mạnh so với trẻ khác cùng lứa tuổi. Do đó, trong quá trình đánh giá trẻ cần phải tìm ra những thành tích, ưu điểm, những điều mà trẻ có thể đạt được và phải vượt qua nhiều khó khăn. Giáo viên cần động viên, huy động những khả năng còn lại của trẻ để phát huy mặt tích cực, hạn chế lại của trẻ để phát huy mặt tích cực, hạn chế những yếu điểm của trẻ.

Trẻ điếc câm gặp nhiều khó khăn trong khi nghe và nói, nhưng lại có khả năng tiếp nhận thông tin bằng thị giác rất tốt. Trẻ mù khó khăn về nhìn, nhưng lại có khả năng tiếp nhận tri thức bằng thính giác, xúc giác. Trẻ chậm phát triển trí tuệ khó nhớ, chóng quên, tiếp nhận chậm chạp không đầy đủ, nhưng lại có khả năng cùng tham gia các hoạt động với trẻ bình thường. Vì vậy, khi đánh giá trẻ khuyết tật ta phải xóa bỏ mặc cảm đối với trẻ và xem trẻ như mọi trẻ em khác. Phải đánh giá theo nhu cầu, khả năng và tiến bộ của trẻ. Đánh giá công bằng nhưng không cào bằng.

** Đánh giá theo mục tiêu và kế hoạch giáo dục*

Mọi trẻ em không em nào giống em nào, ở các em có những khả năng khác nhau. Mỗi trẻ khuyết tật có những đặc điểm riêng của mình và có những khó khăn thuận lợi trong phát triển. Trẻ khuyết tật vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển miễn rằng có được cơ hội để phát triển. Kết quả giáo dục phụ thuộc vào phương pháp dạy của nhà trường giáo viên, gia đình và cộng đồng. Vì vậy, trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật cần đối chiếu, xem xét khả năng của trẻ ra sao, sống trong điều kiện gia đình, môi trường cộng đồng xung quanh trẻ như thế nào để xây dựng mục tiêu và kế hoạch giáo dục trẻ. Dựa vào mục tiêu để đề ra nội dung phương pháp dạy học và lập kế hoạch giáo dục trẻ. Sau mỗi giai đoạn phải kiểm tra, đánh giá mặt được, chưa được. Sau đó lập mục tiêu mới và kế hoạch mới cho giai đoạn tiếp theo.

2. Quy trình đánh giá:

Đánh giá là một quá trình khoa học diễn ra theo một qui trình bao gồm

các bước, các công đoạn, trình tự như sau:

* *Xác định nhiệm vụ, mục tiêu cần đánh giá*

- Đánh giá cái gì?
- Đánh giá để làm gì?
- Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng như thế nào?

* *Xác định đối tượng, phạm vi và lĩnh vực đánh giá*

Đối tượng phạm vi và lĩnh vực đánh giá cần được mô tả kỹ để tránh nhầm lẫn, thu hẹp hoặc mở rộng việc đánh giá. Ví dụ: Đối tượng đánh giá là nhóm khuyết tật nào? (thính giác,thị giác,ngôn ngữ, vận động hay chậm phát triển trí tuệ). Đánh giá kết quả về lĩnh vực nào? (Lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thái độ hành vi hay phục hồi chức năng). Trong thời gian bao lâu? (1 tuần, 1 tháng, 1 học kỳ, 1 năm...).

* *Xác định loại hình và kỹ thuật đánh giá*

Để đánh giá thu được kết quả phải xác định loại hình đánh giá phù hợp mục tiêu, mục đích đặt ra. Đồng thời phải biết cách đánh giá (kỹ thuật đánh giá), phù hợp để thu được những thông tin cần thiết.

Trong quá trình giáo dục, trẻ khuyết tật cần tiến hành tốt hai cấp độ đánh giá tổng kết. Đánh giá sơ bộ được tiến hành ngay khi trẻ nhập học và thường xuyên trong quá trình dạy học để xác định trình độ, khả năng của trẻ để giúp trẻ học tốt hơn. Đánh giá tổng kết sau một tháng, một học kỳ và cả năm nhằm xác định kết quả học tập và sự tiến bộ của trẻ. Kết quả các loại đánh giá cả về định tính và định lượng đều được ghi lại vào sổ theo dõi của học sinh.

* *Phân tích định tính, định lượng*

Những thông tin thu được qua đánh giá cần được phân tích theo định lượng, định tính, và phải phụ thuộc vào mục đích yêu cầu và mục tiêu giáo dục. Phải đảm bảo tính khách quan, độ tin cậy của phương pháp đánh giá. Đặc biệt đối với trẻ khuyết tật phải đảm bảo phù hợp đặc điểm tật nguyền và khả năng còn lại của trẻ và sự tiến bộ của trẻ về các mặt khả năng giao tiếp, ứng xử, hội nhập xã hội...

* *Nhận xét và kết luận:*

Từ những kết quả thu được qua đánh giá cần đưa ra nhận xét và kết luận:

- Theo mục tiêu đã đặt ra.
- Hướng phát triển tiếp theo.

3. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật:

Trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật nội dung đánh giá theo 3 phương diện (ba mặt cơ bản):

- Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức
- Đánh giá rèn luyện kỹ năng
- Đánh giá thái độ

Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức theo các mặt sau:

** Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức, lối sống:*

Hiện nay việc đánh giá đạo đức của trẻ khuyết tật học hòa nhập cũng được cụ thể hóa bằng đánh giá hạnh kiểm là tính nết, cách ăn mặc và cư xử với mọi người.

** Đánh giá kết qủa các môn học văn hóa:*

Với trẻ có khuyết tật nhẹ được đánh giá như trẻ bình thường. Còn trẻ có khuyết tật nặng, tùy theo dạng tật, mức độ tật vận động một cách linh hoạt và sáng tạo trong đánh giá sao cho động viên, khích lệ trẻ đạt kết quả ngày càng tốt hơn.

Ngoài những môn học như trẻ bình thường, trẻ khuyết tật còn có những môn học riêng để phục hồi chức năng. Đánh giá kết quả phục hồi chức năng ta phải xem xét khả năng tự phục vụ bản thân của trẻ đạt được đến đâu? (tắm rửa, tiểu, đại tiện...) trẻ đã tham gia làm được những việc gì trong gia đình?... Qua thời gian luyện tập trẻ đã khắc phục được những khó khăn gì?

** Đánh giá rèn luyện kỹ năng:*

Trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ dạy cho trẻ những kiến thức văn hóa, đạo đức, lối sống mà còn phải rèn.luyện cho trẻ những kỹ năng trong cuộc sống để trẻ hội nhập vào xã hội. Đánh giá rèn luyện kỹ năng của trẻ theo các mặt:

Kỹ năng giao tiếp:

Giao tiếp là hoạt động rất cần cho trẻ khuyết tật phát triển. Khi giao tiếp trẻ cần có ngôn ngữ để diễn đạt ý nghĩ, tình cảm và thái độ với người khác. Vì vậy trong quá trình giáo dục phải đánh giá vốn từ của trẻ nhiều hay ít, cách vận dụng như thế nào trong quá trình giao tiếp với mọi người. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ phát triển rất chậm và bị hạn chế rất nhiều. Trẻ nhỏ vốn từ rất nghèo nàn và khó vận dụng trong giao tiếp nên trẻ diễn đạt việc làm, ý nghĩa của mình bằng lời nói rất khó khăn. Trẻ điếc câm thì việc giao tiếp bằng lời cực kỳ khó khăn, các em phải sử dụng ngôn ngữ cử

chỉ điệu bộ, ngôn ngữ ngón tay và ngôn ngữ viết trong giao tiếp.

** Hình thành các thói quen lao động, học tập và sinh hoạt*

Đối với trẻ khuyết tật việc hình thành thói quen trong sinh hoạt cuộc sống và lao động cũng là một trong những mục tiêu giáo dục quan trọng. Những kiến thức mà trẻ lĩnh hội được trong giáo dục cần được luyện tập thường xuyên để giúp trẻ hình thành các thói quen.

Đánh giá việc rèn luyện các thói quen bao gồm thói quen tự phục vụ như biết giữ gìn vệ sinh thân thể, biết đánh răng rửa mặt, biết đi vệ sinh, biết mặc quần áo và giữ gìn sạch đẹp... Những thói quen lao động đơn giản như làm được một số việc trong gia đình: quét dọn nhà cửa; các công việc nấu nướng đơn giản như: nhặt rau, vo gạo, rửa rau... Những thói quen trong học tập: ngồi học trật tự, chăm chú nghe giảng, tập trung học tập, tham gia các hoạt động của nhóm và của lớp, giữ gìn sách vở sạch, đẹp; những thói quen trong sinh hoạt vui chơi với bạn bè cùng tổ, nhóm, lớp, cùng địa phương...

** Đánh giá thái độ:*

Thái độ là tổng thể những biểu hiện ra bên ngoài bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động của ý nghĩ, tình cảm đối với ai hoặc đối với sự việc nào đó.

Đánh giá thái độ của trẻ khuyết tật thường đánh giá biểu hiện hành vi, cử chỉ đối với bản thân, đối với bạn bè và công việc ra sao trong ứng xử và hội nhập cộng đồng.

** Khả năng hội nhập cộng đồng:*

Một trong những mục tiêu cơ bản của giáo dục trẻ khuyết tật là rèn luyện cho trẻ khả năng hội nhập vào cộng đồng. Khi đánh giá về khả năng này ta xem xét thái độ, hành vi của trẻ trong quan hệ bè bạn: Chơi với bạn ra sao? Tiếp nhận sự giúp đỡ của bạn không? Có giúp bạn không?...

Xem xét thái độ với mọi người trong gia đình, trong thôn xóm, trong lớp học...

Xem xét đánh giá thái độ hành vi đối với những hoạt động của tập thể...

4. Phương pháp đánh giá:

** Đánh giá qua quan sát:*

Quan sát nhằm mục đích thu thập các thông tin về trẻ qua các lĩnh vực cụ thể: hành vi, nhận thức, giao tiếp, hòa nhập xã hội v.v... Phát hiện mặt tích cực và khó khăn của trẻ. Đánh giá khả năng của trẻ, từ đây lập kế hoạch giáo dục, giúp đỡ trẻ phát triển năng lực. Có 2 hình thức quan sát:

Quan sát chủ định và quan sát không chủ định.

- Quan sát có chủ định là hình thức quan sát có kế hoạch tập trung để tìm những vấn đề cần thiết.
- Quan sát không chủ định là hình thức quan sát tự nhiên, không có kế hoạch trước, nên tạo cho người quan sát những thông tin và đánh giá khách quan.
- Quan sát cần được tiến hành trong mọi hoạt động của trẻ: học tập, vui chơi, lao động mọi nơi mọi lúc.
- Quan sát lúc trẻ hoạt động một mình hay cùng bạn bè hoặc với người khác.
- Quan sát trẻ trong những trạng thái khác nhau: vui, buồn...
- Quan sát phải ghi chép đầy đủ những thông tin thu được.

Sau khi quan sát phải có nhận xét kết luận hoàn toàn khách quan đánh giá trẻ, có những khả năng gì, khó khăn gì và những nhu cầu của trẻ. Trên cơ sở đó xây dựng mục tiêu kế hoạch giúp đỡ trẻ phát triển.

** Phương pháp đánh giá qua phỏng vấn:*

Phỏng vấn hiểu một cách đơn giản là vấn đàm (đàm thoại và vấn đáp) nhằm mục đích tìm kiếm thông tin về đứa trẻ. Qua phỏng vấn ta có thể thu nhận những thông tin sâu kín bên trong của trẻ như ý nghĩ, tình cảm, quan điểm, thái độ... mà bằng quan sát không thể có được.

Kỹ năng phỏng vấn (xem ở bài tư vấn)

Trong khi phỏng vấn điều quan trọng nhất là phải tập trung chú ý lắng nghe trẻ trả lời, tránh áp đặt, bình tĩnh, kiên trì cởi mở tự nhiên...

** Đánh giá qua sản phẩm của trẻ:*

Sản phẩm mà trẻ làm ra phản ánh năng lực và trình độ của trẻ. Qua sản phẩm mà trẻ làm được ta thấy trẻ đã nắm kiến thức đến mức độ nào và vận dụng kiến thức vào thực hiện nhiệm vụ như thế nào? Đồng thời cũng đánh giá được mặt mạnh, mặt yếu của trẻ. Qua đánh giá sản phẩm của học sinh người giáo viên thấy được những khó khăn của trẻ, từ đó tìm cách giúp đỡ trẻ khắc phục.

Sản phẩm của học sinh là những bài kiểm tra, vở ghi chép các giờ học, vở làm bài tập, những sản phẩm trẻ làm được ở các giờ thủ công, lao động, thực hành...

Khi đánh giá các sản phẩm của học sinh giáo viên phải đối chiếu với tiêu chuẩn, yêu cầu và tiến bộ của trẻ như thế nào?

** Đánh giá bằng phương pháp trắc nghiệm (test) và bài tập:*

Test là những dạng bài tập trắc nghiệm khả năng của trẻ theo từng mặt

hoặc tổng thể. Khi sử dụng bài tập nói chung, test nói riêng để đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật cần phải xác định tính chất, chức năng, đặc điểm và yêu cầu của từng loại bài tập, bài test. Phải xác định rõ đối tượng được nghiên cứu đánh giá bằng test (trẻ mù, trẻ điếc câm, chậm phát triển trí tuệ...)

Đánh giá bằng bài tập là để kiểm tra nhận thức của học sinh đã thu được và vận dụng những kiến thức đó đến mức nào. Đồng thời qua kết quả thực hiện bài tập của học sinh mà giáo viên hiểu biết hiệu quả dạy của thầy như thế nào. Song với trẻ khuyết tật tùy theo từng dạng tật, khả năng nhận thức của từng trẻ mà giáo viên ra bài tập cho phù hợp. Mục đích cuối cùng ra bài tập là nhằm kiểm tra sự tiến bộ của trẻ trong học tập. Ngay việc cho điểm đối với trẻ khuyết tật cũng mang tính chất động viên khuyến khích. Chủ yếu là căn cứ vào mức độ tiến bộ của trẻ để đánh giá xác định cho điểm cho thích hợp.

Quy chế và cách cho điểm theo kiểu truyền thống vẫn mang tính chủ quan và tùy tiện. Thực tế trong một lớp học không tìm được hai học sinh với khả năng học tập giống nhau cho dù chúng bằng điểm nhau. Việc đánh giá học sinh một cách chính xác và khách quan là một vấn đề hiện nay còn đang tranh cãi. Một số người ủng hộ việc tiếp tục hình thức đánh giá theo kiểu ganh đua, cho điểm theo thang bậc. Số khác lại ủng hộ cách đánh giá dựa trên các kết quả thực tế của học sinh theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

So với cách đánh giá truyền thống, cách đánh giá dựa trên khả năng hoạt động nhận thức của học sinh cũng như các cách đánh giá khác sát với thực tế học tập và khả năng của trẻ dường như có lợi và thích hợp hơn cho cả trẻ bình thường lẫn trẻ khuyết tật. Cách đánh giá dựa vào thực tế học tập sẽ cho giáo viên bức tranh phong phú hơn về cái trẻ làm được cũng như những nhu cầu hỗ trợ thêm mà nếu chỉ dựa vào cách đánh giá truyền thống thì giáo viên không thể có được.

Cách đánh giá dựa vào kế hoạch cá nhân có lợi cho trẻ khuyết tật hơn vì những trẻ này có kế hoạch giáo dục riêng, mà những trẻ khác không có và với kế hoạch này trẻ thường đạt được. Theo kế hoạch cá nhân này nhiều hoạt động, cách giảng dạy, các tiêu chí đánh giá thường phải được điều chỉnh.

Vậy đánh giá kết quả, giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập là dựa vào kế hoạch cá nhân, mục tiêu giáo dục và sự tiến bộ của trẻ, để cho điểm thích hợp.

* *Phương pháp tự đánh giá:*

Sau khi trẻ thực hiện nhiệm vụ đã đề ra hoặc được giao, trẻ tự nhận xét đánh giá việc đã làm đạt đến mức độ nào? Tốt hay chưa tốt? Hoàn thành

hay chưa? Đúng hay sai?... Phương pháp này giúp trẻ tự kiểm tra lại những kiến thức đã nắm hiểu được đến mức độ nào? Kiểm điểm lại tự mình đã làm được những gì?... Nếu trẻ đánh giá được đúng khả năng bản thân sẽ giúp trẻ tự tin và cố gắng để thực hiện nhiệm vụ tốt hơn.

Cho trẻ khuyết tật tự đánh giá dưới các hình thức sau:

- Tự đánh giá ý kiến. Sau khi trả lời câu hỏi, giáo viên yêu cầu trẻ nhận xét câu trả lời của mình đúng hay sai và giải thích.
- Tự đánh giá hành vi thái độ đã đối xử với mọi người xung quanh trước đó biểu hiện mức độ đạo đức? Có thể giáo viên nêu lên tình huống mà trẻ vi phạm qui tắc nào đó, yêu cầu trẻ nhận xét đánh giá hành vi thái độ đó như thế nào?
- Tự đánh giá hoàn thành công việc. Sau khi trẻ thực hiện xong một nhiệm vụ công việc nào đó, yêu cầu trẻ cho biết kết quả công việc và nhận xét đánh giá phân tích từng thao tác. Ví dụ: trẻ làm xong bài tập yêu cầu trẻ kiểm tra lại từng công đoạn, thao tác và nhận xét kết quả. Nếu trẻ trình bày được rõ ràng chứng tỏ trẻ nắm vững kiến thức, chỗ nào không đúng cần giúp trẻ biện pháp khắc phục.

* *Phương pháp tập thể đánh giá:*

Tập thể đánh giá là những ý kiến nhận xét của từng cá nhân trong nhóm tổ, lớp đối với một cá nhân nào đó. Trong quá trình giáo dục hòa nhập, tập thể nhận xét đánh giá một cá nhân tức là sự quan tâm của mọi thành viên đối với cá nhân đó và cũng là sự chấp nhận của cộng đồng đối với đứa trẻ đó. Mặt khác, đánh giá sự hòa nhập vào cộng đồng của đứa trẻ đó.

Khi cho tập thể đánh giá một cá nhân cần làm cho mọi thành viên thấy được:

- Mục đích yêu cầu nhận xét của mỗi thành viên phải khách quan, trung thực, không vì mặc cảm thành kiến cá nhân mà có những nhận xét không đúng sự thật.

- Những ý kiến đánh giá của các thành viên trong tập thể được giáo viên nhận xét tổng hợp thành ý kiến chung của tập thể và được trao đổi trong tập thể để đi đến thống nhất.

Qua thực tiễn trong giáo dục hoà nhập có học sinh mù viết chính tả bằng chữ nổi. Sau khi viết xong giáo viên yêu cầu học sinh đó đọc lại bài viết bằng chữ nổi, còn tất cả các em học sinh trong lớp theo dõi bài đọc ở sách giáo khoa. Kết quả em học sinh mù đọc không có lỗi nào và được cả lớp đánh giá đạt điểm tối đa. Với cách làm này đã giúp cho em này tự tin và gắn bó với tập thể tốt hơn. Cả lớp học tập gương học tập của bạn có khuyết tật.

TRƯỜNG TIỂU HỌC THỰC HIỆN GIÁO DỤC HÒA NHẬP

1. Lựa chọn hình thức giáo dục hòa nhập phù hợp với hoàn cảnh địa phương

Hiện nay ở nước ta đang tồn tại một số hình thức giáo dục cho trẻ khuyết tật như:

- Đưa trẻ khuyết tật từ trường chuyên biệt về học hòa nhập với trẻ em bình thường trong các trường lân cận. Theo hình thức này, trẻ khuyết tật vẫn phải sống tách biệt khỏi cha mẹ, làng quê. Ban ngày đi học hòa nhập, tối về ăn ở và sinh hoạt nội trú cùng với bạn đồng tật.
- Đưa trẻ bình thường vào học trong trường nội trú của trẻ khuyết tật để tạo ra lớp học hòa nhập trong trường chuyên biệt. Cách dạy học như vậy khiến trẻ khuyết tật vẫn bị tách biệt khỏi cộng đồng xã hội. Trong một ngày chúng chỉ được học hòa nhập bốn, năm tiết với trẻ em bình thường.
- Mở lớp chuyên biệt đặt trong trường phổ thông. Bằng cách này trẻ khuyết tật có chăng chỉ được hòa nhập với trẻ em phổ thông về hình thức (được tiếp xúc với trẻ em bình thường trong giờ ra chơi hay sinh hoạt ngoại khoá). Trẻ vẫn được sống cùng với gia đình, hàng xóm. Tuy nhiên giữa trẻ em bình thường và trẻ khuyết tật vẫn bị tách biệt giữa các lớp khác nhau và học theo nội dung giáo dục không giống nhau.

Ba hình thức giáo dục trẻ khuyết tật nêu trên thực chất mới chỉ tiến hành giáo dục hội nhập từng phần, chưa tạo ra được cơ hội tốt nhất cho trẻ khuyết tật được hòa nhập thực sự vào môi trường cuộc sống thực tế. Các cách trên vẫn còn một số hạn chế sau:

- Học sinh khuyết tật vẫn chỉ là học sinh học nhờ trường phổ thông, khó cải thiện được mối quan hệ bình đẳng cùng hợp tác học tập và giúp đỡ giữa học sinh với nhau.
- Giáo viên phổ thông vẫn chưa phải là người chịu trách nhiệm chính về chất lượng giáo dục trẻ em khuyết tật. Có nơi, trường chuyên biệt phải trả tiền bồi dưỡng theo tiết dạy hòa nhập cho giáo viên phổ thông.
- Lực lượng cộng đồng kể cả cha mẹ học sinh vẫn đứng ngoài cuộc, chưa gánh trách nhiệm tham gia trợ giúp quá trình giáo dục hòa nhập. Vì đây mới chỉ thiết lập mối quan hệ hợp tác giới hạn giữa trường phổ thông với những thầy cô giáo dạy chuyên biệt hay lớp tình thương.

Để khắc phục những mặt hạn chế của các hình thức tổ chức giáo dục trên đây, cần thực hiện mô hình giáo dục hòa nhập dựa vào cộng đồng. Như vậy, giáo dục hòa nhập theo đúng nghĩa của từ này là trẻ em sống ở đâu phải được đi học hòa nhập với trẻ em bình thường cùng độ tuổi trong cùng một lớp với một nội dung giáo dục phổ thông như nhau.

2. Mục tiêu mô hình trường tiểu học thực hiện giáo dục hòa nhập

Quyền được đi học là quyền rất chính đáng của mọi trẻ em, không loại trừ trẻ em khuyết tật. Nhưng thực tế là trong khi có nhiều xã đã hoàn thành phổ cập tiểu học và đang tiến tới phổ cập trung học cơ sở, thì trẻ em khuyết tật vẫn bị bỏ rơi chưa được đến trường để hòa nhập. Bởi vậy đã đến lúc các trường tiểu học, nhất là ở địa bàn xã phải có trách nhiệm thu nhận trẻ em vào học. Coi đó như một chỉ tiêu bắt buộc hàng năm của nhà trường. Tuy nhiên nếu chỉ đạt được chỉ tiêu về số lượng thì mục đích cơ bản của giáo dục hòa nhập cũng vẫn chưa được hoàn thành.

Mục tiêu giáo dục hòa nhập hiện nay là phải bảo đảm cho mọi trẻ em khuyết tật được tham gia đầy đủ vào hoạt động học tập cùng với trẻ em bình thường, với tư cách như thành viên chính thức, đều được bình đẳng như nhau.

Cũng cần hiểu rằng nếu tổ chức lớp dành cho trẻ khuyết tật và trẻ em thiệt thòi (lang thang cơ nhỡ...) đặt trong trường tiểu học thì không phải là mô hình giáo dục hòa nhập. Cũng như việc chấp nhận đưa một số trẻ em khuyết tật vào học cùng một lớp với trẻ em bình thường, nhưng chỉ dạy giới hạn một số môn, một số kiến thức kỹ năng cũng không phải là giáo dục hòa nhập. Việc chấp nhận đưa trẻ em khuyết tật vào học chung cùng một chương trình giáo dục như nhau, nhưng lại bắt trẻ đạt cùng một trình độ như nhau mà không quan tâm chăm sóc đến nơi, đến chốn thì cũng là không đúng so với mục tiêu giáo dục hòa nhập. Đương nhiên không thể yêu cầu các trẻ em gặp khó khăn về học tập phải đạt được kiến thức kỹ năng văn hóa bằng trẻ em bình thường và thông minh. Như vậy càng không bảo đảm tính công bằng trong giáo dục, chẳng hạn như giờ tập đọc, yêu cầu học sinh điếc câm phải đọc được thành lời; giờ kể chuyện tranh bắt học sinh mù phải nhìn tranh kể chuyện; giờ luyện toán mong muốn trẻ loại nào cũng phải được như trẻ khác là vô lý và không sát thực tế.

Thực hiện giáo dục hòa nhập trước hết là tạo cơ hội và môi trường thuận lợi cho sự phát triển của trẻ em. Môi trường đó trước hết là sự hoạt động hòa nhập, còn kết quả đạt được trong quá trình giáo dục phải phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng cụ thể của các em. Đối với trẻ em khuyết tật có thể đạt được các mức độ văn hóa khác nhau.

- Mức độ lý tưởng: Trẻ em khuyết tật có thể đạt được trình độ văn hóa không kém hoặc tương đương trình độ học sinh bình thường.
- Mức độ trung bình: Học xong bậc tiểu học các em có thể biết đọc, biết viết.
- Mức độ chấp nhận: học xong tiểu học các em có tiến bộ về khả năng giao tiếp ứng xử trong đời sống sinh hoạt, biết tự chăm sóc bản thân.

Có những học sinh sau 2 - 3 năm học tập chỉ nhớ và viết được một số chữ cái nhưng lại tiến bộ rõ rệt về ý thức thái độ và tinh thần lao động... Đó cũng là kết quả giáo dục của nhà trường cần được khuyến khích và động viên.

Tóm lại, nhà trường thực hiện giáo dục hòa nhập phải đem lại lợi ích thiết thực cho trẻ em khuyết tật như:

- Chấp nhận mọi trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt vào học. Không phân biệt đối xử giữa trẻ em khuyết tật với trẻ em bình thường, giữa trẻ khuyết tật nặng với trẻ khuyết tật nhẹ.
- Tạo điều kiện cho trẻ được tham gia mọi hoạt động học tập cùng lớp với học sinh bình thường với cùng một nội dung giáo dục.
- Được nhà trường quan tâm chăm sóc bằng việc điều chỉnh nội dung và đổi mới phương pháp dạy học cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ em.
- Trẻ được cung cấp tài liệu và sử dụng phương tiện học tập phù hợp và ưu tiên miễn giảm đóng góp học đường nếu gia đình quá khó khăn.
- Trẻ được đối xử công bằng, được giúp đỡ và được đánh giá theo quan điểm của giáo dục hòa nhập.

3. Cách xây dựng mô hình giáo dục hòa nhập của trường tiểu học

a) Chuẩn bị nguồn lực

Một trong những nguồn lực quan trọng nhất quyết định sự tồn tại và phát triển của mô hình giáo dục hòa nhập là chất lượng đội ngũ giáo viên. Trung bình, mỗi trường tiểu học ở xã có khoảng 30 giáo viên với 20 lớp (khoảng 1.000 học sinh). Ở miền núi có nơi chỉ có vài lớp, hầu hết giáo viên là cô giáo trẻ, người của địa phương, ít nhiều có liên quan anh em họ hàng với gia đình trẻ khuyết tật. Đó là thuận lợi khi thực hiện giáo dục hòa nhập. Đại đa số giáo viên tiểu học có trình độ sư phạm trung học hoặc cao đẳng chỉ một số rất ít trình độ đại học. Do vị trí quan trọng của các thầy cô giáo đối với sự phát triển tương lai của đất nước, ngày nay giáo viên đã được hưởng đãi ngộ tương đối xứng đáng. Điều này đã khiến cho thầy cô giáo ở nông thôn yên tâm yêu nghề, mến trẻ.

Tuy nhiên khi thực hiện xây dựng mô hình giáo dục hòa nhập ở xã với chất lượng đội ngũ giáo viên kể trên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết đó là do các lý do sau:

- Giáo viên tiểu học chưa được đào tạo để có kiến thức kỹ năng sư phạm dạy trẻ khuyết tật. Các trường sư phạm hiện nay mới chỉ đào tạo đội ngũ giáo viên dạy trẻ em bình thường hoặc biết cách chăm sóc học sinh

cá biệt yếu kém về một mặt nào đó như đạo đức, trí dục còn hầu như giáo viên chưa biết cách chăm sóc giáo dục trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Khi được giao nhiệm vụ dạy trẻ em bị mù, điếc câm, đao... giáo viên rất lo lắng và không biết phải làm gì. Mặc dù việc dạy hòa nhập trẻ em mù có nhiều thuận lợi hơn trẻ em khuyết tật khác nhưng nhiều thầy cô giáo thì lại cảm thấy rất khó khăn.

- Ngoài ra giáo viên chưa nhận thức được đầy đủ ý nghĩa tác dụng và mục tiêu của giáo dục hòa nhập, chưa tin rằng trẻ khuyết tật có thể hòa nhập với trẻ em bình thường. Các cuộc khảo sát thăm dò suy nghĩ của giáo viên tiểu học cho thấy: chỉ có 1/3 ý kiến tin rằng trẻ khuyết tật có thể học hòa nhập, nhưng đó chỉ là trẻ khuyết tật loại nhẹ. Đội ngũ giáo viên kể cả hiệu trưởng trường tiểu học vẫn cho rằng trẻ em khuyết tật không phải là đối tượng dạy học của trường tiểu học. Họ thiếu các thông tin về khả năng phát triển của trẻ khuyết tật và cho rằng trẻ khuyết tật chỉ có thể học được trong các trường chuyên biệt bằng phương pháp riêng nào đó của các nhà sư phạm chuyên sâu về lĩnh vực tật học. Một số trường tiểu học nhận trẻ khuyết tật vào học coi đó chỉ là giải pháp tình thế, việc làm thêm theo yêu cầu nhân đạo từ thiện nằm ngoài kế hoạch năm học. Hầu hết trẻ khuyết tật được nhập học nhưng ít tiến bộ và bị lưu ban nhiều năm vì cách đánh giá kết quả học tập văn hoá vẫn phải theo những tiêu chuẩn máy móc định sẵn.

Bởi vậy muốn xây dựng mô hình giáo dục hòa nhập, nhiệm vụ đầu tiên là phải xây dựng đội ngũ giáo viên. Đội ngũ giáo viên này phải đạt được 2 tiêu chuẩn cơ bản:

Một là: có tư tưởng nhận thức đầy đủ, đúng đắn về trẻ em khuyết tật và giáo dục hòa nhập.

Hai là: có kiến thức kỹ năng dạy hòa nhập trẻ em khuyết tật.

Nói cách khác, phải giúp cho giáo viên thay đổi được những quan niệm sai lầm về cách đánh giá trẻ khuyết tật, nhất là tư tưởng gắn mác, chụp mác. Nói đến một cháu khuyết tật nào đó là người ta nghĩ ngay tới những mặt yếu kém đã trở thành cố hữu của nhóm trẻ này, mà không phát hiện đúng mặt tích cực hiện có trong mỗi đứa trẻ cụ thể. Một cháu trẻ mù ngày nay khác xa cháu trẻ mù sống cách đây vài thập kỷ. Một cháu bị mù có tên, có địa danh cụ thể khác xa cháu bị mù chung chung. Nhưng người ta lại thường nhìn các cháu bằng những suy nghĩ truyền thống, định kiến. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy nguyên nhân chính hạn chế sự phát triển của trẻ em nói chung, trẻ khuyết tật nói riêng lại do phía khách quan. Đó là do cộng đồng, do môi trường giáo dục. Trẻ em không phát triển được là do gia đình và xã hội chưa tạo cơ hội thuận lợi cho các em rèn

luyện, học tập. Trong quá trình học tập, trẻ khuyết tật khó tiếp thu kiến thức có thể do tư duy chậm phát triển nhưng nguyên nhân quan trọng là vấn đề nội dung, phương pháp quá tải với khả năng. Một trong những nguyên tắc dạy học ở bậc tiểu học phải bảo đảm tính vừa sức theo mặt bằng chung và vừa sức với trình độ từng học sinh cụ thể. Nhiều trường hợp do chương trình và cách dạy học lạc hậu đã làm cho không ít trẻ em bình thường cũng phải lưu ban kéo dài.

Bởi vậy, xét cho cùng, giáo viên là người quyết định chất lượng giáo dục và muốn xây dựng trường học hòa nhập trước hết giáo viên phải được tập huấn.

Kinh nghiệm của nhiều tỉnh như Tiền Giang, Vĩnh Phúc và Hà Tây, nơi có nhiều trường tiểu học thực hiện giáo dục hòa nhập cho thấy:

- Trước khi thực hiện giáo dục hòa nhập, mỗi trường tiểu học, ngoài ban giám hiệu, phải lựa chọn một số giáo viên có uy tín chuyên môn và nhiệt tình đi tập huấn về giáo dục hòa nhập. Giảng viên của lớp tập huấn là những chuyên gia ở trong và ngoài nước. Sau hai khóa tập huấn mỗi khóa tiến hành trong 2 tuần lễ, người học đã có kiến thức kỹ năng cần thiết. Sau khi được tập huấn, học viên đã có những thay đổi căn bản trong nhận thức về trẻ khuyết tật và hiểu rõ quan điểm tích cực của mô hình giáo dục hòa nhập.
- Những giáo viên được tập huấn trở thành cán bộ nòng cốt và sau đó về trường tập huấn lại cho toàn thể giáo viên trong trường vào những buổi sinh hoạt chuyên môn.
- Tiếp theo, giáo viên lần lượt được cử đi dự tập huấn theo các lớp chuyên đề khác nhau. Trong trường có giáo viên đi sâu vào cách dạy trẻ gặp khó khăn về nghe, có giáo viên dạy trẻ có khó khăn về nói, về nhìn v.v...
- Giáo viên được tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, về cách điều chỉnh chương trình dạy học phù hợp với nhu cầu khả năng của học sinh.
- Trong quá trình giáo dục hòa nhập, giáo viên sẽ có nhiều sáng kiến, tự tìm ra nhiều giải pháp sát thực, cụ thể áp dụng trong các trường hợp khác nhau. Bởi vậy, trong nhà trường cần thường xuyên hay định kỳ tổ chức các cuộc hội thảo hay sinh hoạt chuyên môn để trao đổi kinh nghiệm cách dạy hòa nhập. Có nhiều hình thức trao đổi học tập lẫn nhau bằng việc nghe báo cáo, viết kinh nghiệm, sáng kiến, tham quan, dự giờ giữa các giáo viên trong trường hoặc giữa các trường với nhau.

Trong mỗi trường tiểu học, cần phải có cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy trẻ theo mô hình hòa nhập:

+ Mô hình cấu trúc không gian nhà trường, ngoài việc bảo đảm tính

thẩm mỹ vệ sinh môi trường.... cần chú ý tới tính an toàn, thuận tiện cho trẻ em có khó khăn về vận động, về nhìn ở sân trường, bậc cầu thang, đường rẽ, vòng trong trường, nếu có trẻ mù hoặc trẻ em sử dụng xe đẩy nên có phương tiện hỗ trợ định hướng di chuyển và mọi đồ vật cần được xếp đặt ngăn nắp, trật tự, gọn gàng.

+ Để phục vụ cho dạy và học trong thư viện và phòng đồ dùng dạy học của trường cần có phương tiện học tập cá nhân phù hợp với mỗi loại học sinh. Ví dụ như: đồ dùng dạy học tranh nổi, sách giáo khoa bằng chữ Braille cho học sinh kiếm thị, bảng chữ cái ngón tay, hình minh họa ngôn ngữ cử chỉ, máy trợ thính cho học sinh khiếm thính...

- Nhà trường nên xây dựng tủ sách giáo khoa hoà nhập, thu thập các sách, tạp chí, trong và ngoài nước phục vụ cho giáo viên và học sinh.

b) Đối tượng giáo dục hòa nhập của trường tiểu học

Theo quan điểm giáo dục hòa nhập, đối tượng được giáo dục hòa nhập không phải chỉ có trẻ em khuyết tật mà là mọi trẻ em. Bởi vì trong số trẻ em gọi là bình thường cũng không phải có cùng khả năng và nhu cầu giống nhau. Quá trình giáo dục hòa nhập là quá trình phụ thuộc lẫn nhau và chịu ảnh hưởng qua lại thúc đẩy trẻ em cùng phát triển. Tuy nhiên để làm sáng tỏ vấn đề, phần này chỉ trình bày kế hoạch tiếp nhận trẻ em khuyết tật trong phạm vi của xã.

Trước khi vào năm học mới, ban giám hiệu nhà trường cần có một kế hoạch tìm hiểu đối tượng học sinh cần được quan tâm chăm sóc đặc biệt.

Không ít trẻ em có khó khăn về học không được giáo viên chủ nhiệm quan tâm đúng mức, thậm chí không hề biết các em có khó khăn gì. Những trẻ em này thường bị giáo viên gắn cho cái mác học dốt, lười học hoặc khó dạy.

- Phát hiện sớm trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong các lớp mẫu giáo lớn. Như phần trên đã trình bày, ngày nay nhiều xã đã tiếp nhận trẻ em khuyết tật tuổi mầm non vào lớp mẫu giáo. Bởi vậy trường tiểu học và trường mẫu giáo nên có kế hoạch chuẩn bị chuyển giao học sinh hàng năm. Đến đầu năm học, cô giáo mẫu giáo chủ động đề xuất danh sách vào lớp 1, với những nhận xét đầy đủ về khả năng phát triển của đứa trẻ. Đồng thời giáo viên dạy lớp 1 cũng có kế hoạch sẵn sàng tiếp nhận các cháu chuyển từ lớp mẫu giáo lên tiểu học.

c) Huy động trẻ em khuyết tật nặng đi học hòa nhập

Đây là những trẻ em chưa bao giờ được đi học hoặc đã bỏ học nên khó huy động và cần được quan tâm hàng đầu. Định kiến xưa nay cho rằng trẻ em khuyết tật nặng không còn khả năng đi học phổ thông. Kinh nghiệm

cho thấy, để động viên gia đình và trẻ em có nhu cầu đặc biệt, nhà trường phải thực hiện các biện pháp như sau:

* Điều tra trong các gia đình của từng thôn, xóm để phát hiện được đầy đủ các em. Muốn vậy nhà trường phải phối hợp với Ban điều hành xã tổ chức lực lượng đi điều tra. Có thể phổ biến cho học sinh toàn trường phát hiện và báo cho nhà trường bằng một tờ phiếu đơn giản:

+ Bạn đó tên là gì?

+ Bao nhiêu tuổi?

+ Vì sao chưa đi học? (khuyết tật gì?)

+ Con nhà ai?

+ Ở đâu?

Sau khi tiến hành tìm hiểu đối tượng sau khi phát hiện: Ban giám hiệu giao cho giáo viên sống cùng địa bàn tiến hành tìm hiểu bằng cách trực tiếp đến gặp gia đình và quan sát tự nhiên đứa trẻ. Các thông tin quan trọng đối với nhà trường những biểu hiện tích cực ở đứa trẻ (các ưu điểm) và nhu cầu của gia đình và chính đứa trẻ về học tập, vui chơi, giao tiếp...

* Phối hợp với Nhóm tình nguyện vận động trẻ ra lớp thông qua:

+ Tuyên truyền thuyết phục.

+ Động viên tinh thần, vật chất.

+ Xây dựng nhóm bạn giúp trẻ trên đường đi học.

+ Dùng phương tiện hỗ trợ đi lại.

+ Hoặc sự trợ giúp của tình nguyện viên.

- Đón nhận trẻ khuyết tật từ các trường lớp chuyên biệt về học hòa nhập ở xã có thể có một số học sinh khuyết tật như mù, điếc câm... đang học trong các trường chuyên biệt nơi khác. Nhà trường cần vận động và nhận các em về học hòa nhập ở xã nhà.

Nhà trường cần tổ chức lễ đón nhận các cháu lần đầu đi học sao cho tự nhiên, lôi cuốn trong không khí thân mật, tôn trọng và đoàn kết. Trước khi đưa trẻ vào lớp, mọi trẻ em bình thường phải được giáo dục dặn dò chu đáo, tránh lời nói, cử chỉ hành vi chạm tự ái đối với các em. Các em cần được hưởng niềm vui thực sự như mọi trẻ em trong ngày lễ khai giảng năm học.

d) Kết luận

Tóm lại, trường tiểu học thực hiện giáo dục hòa nhập phải đảm bảo được các chỉ tiêu sau:

- Hàng năm nhà trường phải huy động được 100% trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt đến tuổi (hoặc quá tuổi) học đường của xã ra lớp.
- Không có lớp dành riêng trẻ khuyết tật. Mọi trẻ khuyết tật được vào học hòa nhập cùng với trẻ em bình thường trong cùng một lớp, tốt nhất cùng độ tuổi.
- Không có chương trình dạy riêng cho trẻ khuyết tật. Mọi trẻ khuyết tật được học cùng một nội dung dạy học phổ thông như trẻ em khác, nhưng cần được điều chỉnh sao cho phù hợp với nhu cầu khả năng.
- Tùy theo số lượng học sinh khuyết tật trong trường mà biên chế vào các lớp học sao cho hợp lý. Không đưa quá hai, ba học sinh khuyết tật nặng vào một lớp.
- Đối với những trẻ em gặp nhiều khó khăn (chậm phát triển trí tuệ, mù, không tự đi lại được....) phải có Vòng bạn bè cùng vui chơi và trợ giúp.
- Trẻ em khuyết tật được tham gia mọi hoạt động học tập nội khoá và ngoại khóa (vui chơi thể dục thể thao, tham quan du lịch, văn nghệ...) phù hợp với khả năng.
- Với trẻ khuyết tật nặng, có người tình nguyện hoặc cha mẹ làm trợ giáo để giúp đỡ trẻ học tập trên lớp hoặc ở gia đình.
- Trẻ được trợ cấp đầy đủ các phương tiện phục vụ học tập và vượt khó khăn trong quá trình học (sách chữ nổi, gậy dò đường, máy trợ thính, xe lăn...)
- Trẻ được quan tâm chăm sóc cá biệt và ưu tiên miễn giảm đóng góp nghĩa vụ quá khả năng của trẻ và gia đình.

Trường thực hiện phối hợp thường xuyên với các lực lượng xã hội chăm sóc giáo dục trẻ em bằng việc có kế hoạch bàn bạc và cùng học sinh và Nhóm tình nguyện....

* *Điểm cần lưu ý là:* toàn thể giáo viên và học sinh toàn trường đều phải nhận thức đúng đắn về trẻ em khuyết tật theo quan điểm hòa nhập. Không có bất kỳ biểu hiện nào về hành vi thái đô phân biệt đối xử giữa trẻ em khuyết tật với trẻ em bình thường mà chỉ có sự tôn trọng và sẵn sàng giúp đỡ nhau trong học tập và rèn luyện.

Trường tiểu học hòa nhập nên phối hợp với các tổ chức trên địa bàn cấp xã, giáo dục, thuyết phục và hướng dư luận toàn thể cộng đồng thay đổi nhận thức sai lầm đối với gia đình và trẻ em khuyết tật.

Phần III

Hỗ trợ giáo dục hòa nhập

1. Nhóm bạn bè - lực lượng hỗ trợ quan trọng

1.1. Tổ chức trẻ trong nhà trường

Theo điều lệ nhà trường: lớp, tổ là tổ chức chính thức của học sinh từ lớp một trở lên. Ngoài ra học sinh trong nhà trường còn tham gia các tổ chức đoàn thể của trẻ em như: Đội thiếu niên tiền phong, Đội nhi đồng... Hàng ngày các em cùng học, cùng chơi, cùng tham gia các hoạt động ở thôn, xóm nên các em hiểu được tình cảm, nhu cầu, nguyện vọng và năng lực của nhau. Tổ chức lớp, Đội của học sinh có vai trò tuyên truyền, giáo dục trẻ em biết thông cảm, yêu thương hoà nhập với các bạn khuyết tật và sẵn sàng giúp đỡ bạn khắc phục khó khăn trong học tập, trong sinh hoạt hàng ngày ở lớp, ở trường và trong cộng đồng. Chính sự thông cảm, tình thân ái và sự giúp đỡ lẫn nhau giữa trẻ với trẻ sẽ trở thành yếu tố động viên, khích lệ các hoạt động nhân đạo trong cộng đồng vì tương lai của trẻ khuyết tật.

Như vậy, được đến lớp học hoà nhập trẻ khuyết tật mở rộng được mối quan hệ trong cộng đồng, trước hết là quan hệ trẻ với trẻ. Trẻ khuyết tật có thêm rất nhiều bạn bè trong nhóm, trong tổ, trong lớp, trong trường, trong chi đội, phân đội v.v...

1.2. Xây dựng nhóm bè bạn

** Vai trò của trẻ trong giáo dục hoà nhập*

Tục ngữ có câu "học thầy không tày học bạn". Điều đó đã được thể hiện qua thực tế không chỉ trong chương trình giáo dục hoà nhập. Trẻ em có nhiều thế lợi hơn so với người lớn trong việc giúp đỡ lẫn nhau. Kinh nghiệm giáo dục hoà nhập tại huyện Thường Tín - Hà tây, Yên Khánh - Ninh Bình, Lương Sơn - Hoà Bình, Yên Hưng - Quảng Ninh trong những năm gần đây cho thấy trẻ em có vai trò quan trọng trong:

- *Giúp đỡ nhau trong học tập:* Việc giúp đỡ nhau có lợi cho cả hai phía: người được giúp đỡ và người giúp đỡ. Trẻ giúp đỡ nhau dễ hơn người lớn giúp đỡ trẻ vì giữa trẻ có tiếng nói chung. Chúng dùng ngôn từ của chúng, biểu đạt theo cách hiểu của chúng và không ít bị mặc cảm với nhau, những điều đó giáo viên khó có thể đạt được. Sự giúp

đỡ lẫn nhau mang tính chất hai chiều vì cả hai bên đều có lợi. Lâu nay chúng ta ít khi nhận ra là người giúp đỡ có lợi mà chỉ thấy người được giúp đỡ được hưởng lợi. Lý thuyết và thực tế cho thấy: Nếu người giúp đỡ bằng cách giải thích, hướng dẫn cho bạn thì chính qua quá trình đó trẻ đã trưởng thành và càng nắm sâu được kiến thức. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng học bằng cách nghe chỉ hiểu được 30% kiến thức; bằng cả nghe và nhìn - 50%; cả nghe, nhìn và thực hành - 70%; nhưng nếu kết hợp nghe, nhìn, thực hành và hướng dẫn lại cho người khác sẽ nắm bắt tới 90% lượng kiến thức, kỹ năng .

- *Hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong đi lại và sinh hoạt:* Không ít trẻ có khó khăn về vận động, và nhìn chung là rất cần sự hỗ trợ của bạn bè trong việc đi học và trong sinh hoạt hàng ngày. Thiếu sự hỗ trợ này trẻ gặp rất nhiều khó khăn thậm chí không thể đi học được.

- *Trẻ em là lực lượng tuyên truyền:* Kinh nghiệm triển khai nhiều chương trình ở Việt nam cho thấy trẻ em là lực lượng tuyên truyền quan trọng. Không có một chương trình nào lại thành công về mặt tuyên truyền mà lại không có trẻ em tham gia.

- Trẻ em tham gia vào việc xây dựng kế hoạch, đặt ra các qui tắc và thực hiện những gì mà chúng đã xây dựng, đặt ra.

Xác lập Vòng bạn bè

Thông thường việc kết bạn và duy trì tình bạn giữa trẻ với nhau mang tính tự nhiên. Trẻ có thể rất thân nhau trong thời gian ở lớp học, nhưng sau giờ học có thể lại không thân, hoặc trẻ có những thời gian rất thân nhau nhưng sau đó lại không duy trì được quan hệ đó. Do vậy, sự kết bạn và mối quan hệ tương tác giữa trẻ với trẻ cần được hỗ trợ.

Do gặp nhiều khó khăn trong đời sống hàng ngày, trong hoạt động nhận thức nên trẻ khuyết tật cũng gặp khó khăn trong tình bạn. Bởi đây là mối quan hệ được xây dựng từ hai phía và đòi hỏi phải thường xuyên củng cố, giữ gìn. Để tình bạn của trẻ thực sự có ý nghĩa trong đời sống tình cảm và sự phát triển của trẻ khuyết tật giáo viên cần giúp đỡ trẻ xây dựng Vòng bạn bè.

Vòng bạn bè là lý thuyết xác lập các mối quan hệ xã hội để định ra phương châm ứng xử phù hợp, tạo điều kiện cho cuộc sống phát triển. Lý thuyết về Vòng bạn bè được xuất phát từ Canada và đã được sử dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới không chỉ cho tuổi học đường mà còn áp dụng cho cả những người trưởng thành.

Chủ thể của vòng bạn bè tự đặt ra những tiêu chí có ý nghĩa quan trọng cho cuộc sống của mình rồi sắp xếp theo mức độ giảm dần.

Khác với mối quan hệ thường có một cách tự nhiên của mỗi con người trong cuộc sống. Vòng bạn bè đối với trẻ khuyết tật ở đây mang nặng các yếu tố tâm lý, tự nguyện rồi phát triển trở thành trách nhiệm tự nguyện hơn là bổn phận, nghĩa vụ thuần tuý vốn tồn tại đối với mỗi cá nhân trong gia đình, cộng đồng.

Bảng so sánh sau đây phân biệt sự khác nhau đó

Vòng	Vòng bạn bè của trẻ khuyết tật (sắp xếp theo độ tin cậy)		Vòng quan hệ tự nhiên của mỗi cá nhân (sắp xếp theo bổn phận)	
	Đối tượng	*Vai trò*	*Đối tượng*	*Vai trò*
1	Những người thân thiết nhất đối với trẻ	Chia sẻ, tâm tình, thân thiện nhất	Những người ruột thịt nhất: bố, mẹ, vợ, con	Quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng vô điều kiện
2	Những người gần gũi	Quan tâm, có thể chia sẻ, hỗ trợ	Người ruột thịt: Anh, chị, em	Quan tâm chăm sóc thường xuyên
3	Những người, tổ chức tham gia giúp trẻ	Hỗ trợ khi có điều kiện	Bạn tâm huyết: tri âm, tri kỷ.	Sẵn sàng giúp đỡ, thổ lộ tâm tình
4	Những người, tổ chức có thể trao đổi, chia sẻ	Tạo môi trường thuận lợi cho trẻ phát triển	Bạn trên công việc, bạn xã giao	Hỗ trợ lẫn nhau, đôi bên cùng có lợi, giúp đỡ khi có điều kiện, có đề nghị

Như vậy ta sẽ có vòng bạn bè sau:

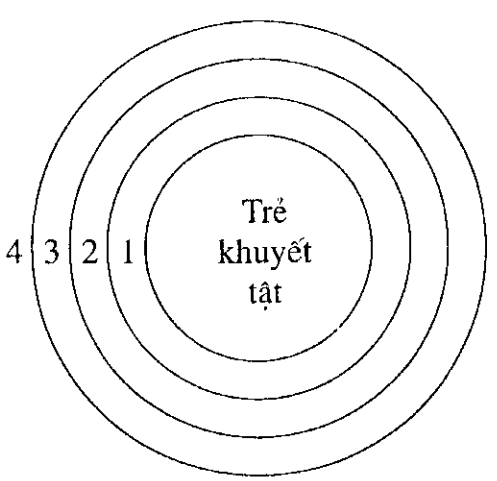

1.3. Phương pháp xây dựng vòng bạn bè

Có nhiều cách khác nhau để xây dựng vòng bạn bè. Tuỳ thuộc vào kinh nghiệm và đối tượng học sinh cụ thể trong lớp mình, giáo viên có thể đưa ra các cách khác nhau. Dưới đây mô tả một cách xây dựng đã được thể hiện ở các chương trình giáo dục hòa nhập.

***Vòng 1**: Vòng thân thiện gần gũi*

Giáo viên giải thích cho học sinh rõ về vai trò và ý nghĩa của mối quan hệ thân thiện giữa các học sinh trong lớp và hoàn toàn tin tưởng rằng nếu mối quan hệ đó được thiết lập, lớp học sẽ tốt hơn. Sau đó giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ giấy đã vẽ sẵn 4 vòng và yêu cầu để tên của mình vào giữa. Sau đó để tên của những người thân thiện nhất vào vòng 1. Những người ở vòng 1 là những người thân thiện nhất, nếu thiếu họ chủ thể ở giữa sẽ không thể tồn tại được về mặt tình cảm. Giáo viên có thể đưa ra vòng 1 của mình bằng cách hài hước như chồng, con, con mèo, người bạn đã đi lấy chồng hay người bạn lý tưởng...

***Vòng 2**: Vòng thân tình*

Giáo viên giải thích cho học sinh rõ vòng 2 là vòng những người gần gũi nhưng ít thân hơn những người ở vòng 1. Giáo viên có thể minh họa bằng chính bản thân mình như điền tên 5 - 6 người bạn đang cùng làm việc, bạn thân từ thủa học trò, anh em ruột thịt tâm đầu ý hợp.

***Vòng 3**: Vòng những người cùng tham gia*

Giáo viên có thể cho từng trẻ tự điền hay cả nhóm cùng điền vào vòng này những người trẻ thích nhưng chưa hẳn đã gần gũi. Lấy mình làm ví dụ, giáo viên có thể điền tên bạn đồng nghiệp mình kính phục, bạn hàng xóm, bạn cùng đi chơi, anh em cùng dòng họ vv.

***Vòng 4**: Vòng chia sẻ*

Sau khi đã điền 3 vòng, học sinh có thể điền tên những người mà trẻ liên quan, cùng chung sống như giáo viên, bác sĩ, hàng xóm...

Giáo viên, dựa vào vòng bạn bè của từng trẻ, trao đổi với học sinh về vai trò của vòng bạn bè đối với cá nhân trẻ. Sau đó, trao đổi với cả lớp về vòng bạn bè của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong lớp mình. Giáo viên phân tích và nêu rõ vai trò của vòng 1 bằng các câu hỏi như: Nếu thiếu những người trong vòng này cuộc sống của trẻ, đặc biệt trẻ khuyết tật, sẽ ra sao? Những người trong vòng này có vai trò gì đối với mỗi cá nhân? Làm thế nào để có thêm bạn ở trong vòng một?

Tiếp sau giáo viên cùng trao đổi với trẻ khuyết tật và tất cả lớp về việc làm thế nào để có những bạn bè trong lớp có thể trở thành những người

trong vòng một của trẻ khuyết tật. Sau khi phân tích những việc làm cần thiết để có thêm bạn trong vòng một của trẻ, giáo viên cùng trao đổi với học sinh xây dựng kế hoạch hành động thể hiện các ý tưởng đã bàn.

2. Cộng đồng tham gia giáo dục hoà nhập

2.1. Cộng đồng - lực lượng quan trọng trong giáo dục hoà nhập

2.1.1. Các yếu tố của cộng đồng (ở địa phương) ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em khuyết tật

Trẻ em sinh ra và lớn lên trong cộng đồng. Cộng đồng có vai trò quan trọng trong sự phát triển của trẻ. Các yếu tố dưới đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của trẻ.

Yếu tố tự nhiên: Vị trí địa lý, địa hình, môi trường, khí hậu, đường giao thông vùng sâu, vùng xa...

Các yếu tố xã hội:

Phong tục tập quán

Trình độ dân trí

Nhận thức và thái độ đối với trẻ khuyết tật

Sự phát triển y tế, giáo dục

Sự quan tâm của chính quyền địa phương, và các đoàn thể

Sự quan tâm của cộng đồng.

Về kinh tế: (Đời sống của cộng đồng dân cư)

2.1.2. Những tồn tại của cộng đồng trong công tác giáo dục hoà nhập

Hiểu không đầy đủ về trẻ khuyết tật: đưa đến cách suy nghĩ, thái độ, cách đối xử thiếu tôn trọng, khinh thường, thiếu công bằng... đều gây khó khăn cho việc hoà nhập của trẻ tại gia đình và xã hội.

Chọn mô hình giáo dục không thích hợp với sự phát triển của trẻ.

Nhận thức, kinh nghiệm, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật của cán bộ, nhân viên trong cộng đồng còn ít hoặc chưa đúng đắn nên đã gây hạn chế cho công tác giáo dục hoà nhập.

2.2. Xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng

** Thế nào là nhóm hỗ trợ cộng đồng*

Đây là những thành viên trong cộng đồng dân cư ở thôn hoặc xã tự nguyện góp công sức, vật chất và tinh thần, hợp tác với nhau thành một nhóm để hỗ trợ giúp đỡ một hoặc nhiều trẻ khuyết tật (không đòi hỏi sự

đãi ngộ) vượt khó khăn để hoà nhập xã hội. Các thành viên đó thường bao gồm cán bộ Y tế, cán bộ xã hội và những người thân có điều kiện hỗ trợ gia đình và trẻ khuyết tật.

** Vai trò chức năng của nhóm cộng đồng:*

Đổi mới nhận thức về trẻ khuyết tật trong cộng đồng dân cư và gia đình trẻ khuyết tật.

Tư vấn cho gia đình về cách chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng cho trẻ, tạo niềm tin cho họ.

Phát hiện sớm các nhu cầu của trẻ.

Trực tiếp giúp đỡ trẻ trong học tập, phục hồi chức năng và tham gia mọi hoạt động trong xã hội.

Hỗ trợ tinh thần và vật chất cho trẻ khuyết tật và gia đình.

Lôi cuốn các thành viên trong cộng đồng tham gia hỗ trợ trẻ.

Phối hợp giữa gia đình và cộng đồng để tìm ra những biện pháp giúp đỡ trẻ, đề xuất những nhu cầu của gia đình trẻ khuyết tật để có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho trẻ khuyết tật.

Theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

Thông thường, mỗi nhóm hỗ trợ cộng đồng có nòng cốt là một hoặc hai người thuộc các tổ chức, ban ngành đoàn thể của địa phương như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Người cao tuổi...

2.3. Qui trình xây dựng kế hoạch và tiến hành hỗ trợ cho một trẻ khuyết tật tại cộng đồng

Người cán bộ nhóm hỗ trợ cộng đồng muốn làm tốt công việc của mình, ngoài các kiến thức và kỹ năng công tác xã hội còn phải hiểu sâu sắc về khả năng tiềm ẩn của đứa trẻ khuyết tật, về môi trường giáo dục cũng như việc vạch kế hoạch, cách tổ chức hỗ trợ giúp đứa trẻ một cách có hiệu quả nhất.

Quy trình hỗ trợ giúp đỡ một trẻ khuyết tật tại cộng đồng có thể tóm tắt như sau:

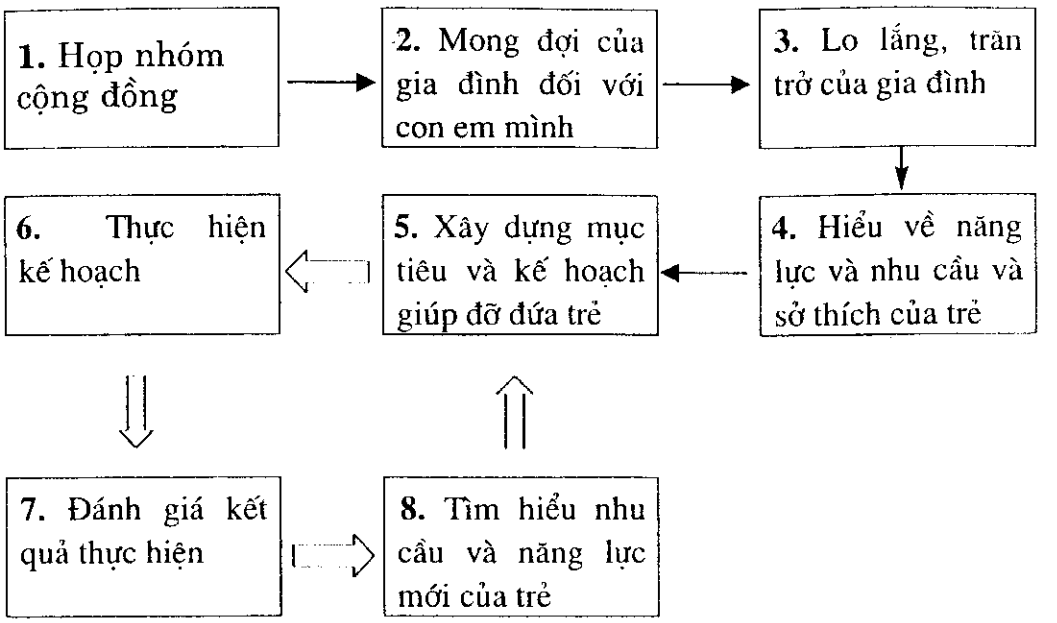

3. Những việc cụ thể của nhóm hỗ trợ cộng đồng

3.1. Nâng cao nhận thức và sự tham gia của phụ huynh

3.2. Tư vấn cho gia đình (hướng dẫn gia đình)

3.3. Tìm nguồn lực hỗ trợ

Phần IV

Quản lý giáo dục hòa nhập

1. Trung tâm hỗ trợ giáo dục hoà nhập cấp huyện

1.1. Trung tâm hỗ trợ là gì?

Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập không phải là mô hình trường chuyên biệt dạy trẻ em khuyết tật (tập trung – nội trú). Mọi hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập của Trung tâm diễn ra trong các trường học thông qua các cộng tác viên, tình nguyện viên và thân nhân trẻ khuyết tật. Các cán bộ của Trung tâm chủ yếu phụ trách các vệ tinh nơi có trẻ khuyết tật học hòa nhập bằng việc hướng dẫn giáo viên, cung cấp tài liệu, đáp ứng mọi nhu cầu của học sinh...

1.2. Mục đích của Trung tâm giáo dục hỗ trợ hoà nhập cấp huyện

- Tạo ra các nguồn hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt ngay trong cộng đồng: nguồn nhân lực, nguồn kiến thức kỹ năng, nguồn phương tiện, tài liệu, vật chất.
- Hỗ trợ các hoạt động giáo dục hoà nhập trong các trường học (mầm non và phổ thông) và trong cộng đồng, gia đình có trẻ em khuyết tật.
- Thông qua nhà trường và lực lượng cộng đồng (nhóm tình nguyện) trực tiếp hoặc gián tiếp giúp đỡ, tạo cơ hội thuận lợi cho tất cả trẻ em có nhu cầu đặc biệt được học hoà nhập ở ngay nơi mình sống.

1.3. Chức năng của trung tâm hỗ trợ

Tư vấn: Giải đáp tất cả những câu hỏi của cộng đồng, gia đình trẻ khuyết tật có liên quan tới nhu cầu, quyền lợi và sự phát triển của trẻ em. Giúp cho gia đình trẻ khuyết tật và bản thân trẻ khuyết tật hiểu rõ về đặc điểm của đối tượng, từ đó định hướng và biết cách chăm sóc giáo dục tạo cơ hội cho trẻ em phát triển và hoà nhập.

Để có thể thực hiện được chức năng tư vấn thì đòi hỏi cán bộ Trung tâm phải có đầy đủ kiến thức cần thiết, như kiến thức về tâm lý học, sinh lý học, xã hội học, giáo dục học...

Bồi dưỡng: Đội ngũ giáo viên và các tình nguyện viên, có kiến thức và kỹ năng cập

nhật để đáp ứng nhu cầu của trẻ em và gia đình.

- Tổ chức tập huấn cho giáo viên trong huyện về nội dung, phương pháp và cách tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.
- Tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm về phương pháp giáo dục, dạy học. Các học sinh có khó khăn khác nhau. Ví dụ như: Kiến thức dạy trẻ có khó khăn về nhìn, về nghe, về học tập...
- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho thân nhân và những người tình nguyện, nhóm tình nguyện, hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật.
- Mời các chuyên gia ở tuyến trên về giúp đỡ tập huấn hoặc trao đổi thông tin.
- Cử giáo viên hoặc cán bộ của Trung tâm đi học tập nâng cao trình độ.
- Cung cấp các phương tiện, tài liệu có liên quan tới chương trình học tập và rèn luyện phát triển của học sinh (sách chữ nổi, máy trợ thính, bảng và dùi viết Braille, xe đẩy...).

1.4. Tổ chức và điều hành các hoạt động giáo dục hoà nhập trong huyện

Xây dựng kế hoạch phát triển hoà nhập của huyện ngắn hạn (một năm học), dài hạn (3-5 năm)... trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục hoà nhập của mỗi đơn vị xã.

Tổ chức thực hiện giáo dục hoà nhập ở các trường học:

- Tuyên truyền vận động trẻ đi học
- Hỗ trợ điều phối các lực lượng trong cộng đồng
- Chuyển giao, cung cấp tài liệu phương tiện từ trung tâm xuống trường.
- Nếu cần thiết, trợ giúp giáo viên một số buổi đầu trên lớp (trường hợp gặp trẻ em có nhu cầu đặc biệt – khuyết tật nặng).
- Tổ chức các hoạt động thao diễn: đổi mới phương pháp dạy học trong trường hoặc theo cụm trường (3-6 xã) theo các chuyên đề.

Xây dựng các biểu mẫu và hướng dẫn các trường thực hiện chế độ theo dõi, ghi chép, báo cáo (Sổ theo dõi học sinh; Sổ ghi chép, nhật ký của giáo viên; Sổ liên lạc với gia đình và nhóm tình nguyện; Các bảng tổng hợp đánh giá kết quả sau mỗi học kỳ hoặc sau một năm học).

Chuẩn bị tư thế và năng lực cho trẻ tham gia hoạt động xã hội sau học đường hoặc tiếp tục học lên:

Công tác hướng nghiệp: Trung tâm hỗ trợ cần xúc tiến các nhiệm vụ:

- Phối hợp với tổ chức LĐ-TBXH, Hội người mù, Hội người tàn tật và các cơ sở sản xuất khác (Hội Cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ...) cùng tham gia trong công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho thanh thiếu niên khuyết tật.
- Điều tra, khảo sát phân loại, tìm kiếm các nghề hiện có ở địa phương phù hợp với trẻ em lớn tuổi.
- Lập kế hoạch trợ giúp một đơn vị xã, trường cụ thể.
- Giám định khả năng và nhu cầu của trẻ em và gia đình về lao động tay nghề.
- Tổ chức cho trẻ tham quan các cơ sở sản xuất; thử tay nghề và làm quen với nghề...
- Tiến hành dạy nghề: Dựa vào cộng đồng và gia đình trẻ khuyết tật để chuẩn bị cơ sở dạy nghề; Xác định mô hình dạy nghề: cá nhân, gia đình, liên gia dạy nghề tập trung hay phân tán, cử gửi vào học nghề hoà nhập với công nhân của các công ty...; Tìm kiếm công nhân, thợ thủ công, giáo viên dạy nghề. Trung tâm chỉ là người hỗ trợ, tạo cơ hội.

2) Ngoài ra, Trung tâm Hỗ trợ giáo dục hoà nhập còn có các chức năng:

- Là trung tâm đầu mối của các tổ chức ban ngành đoàn thể cá nhân muốn đóng góp sức lực, nhân lực, vật chất cho trẻ em khuyết tật.
- Làm tham mưu, cố vấn cho Phòng Giáo dục, Trung tâm Y tế, UBND... về lĩnh vực giáo dục.

2. Quản lý giáo dục hoà nhập trong nhà trường

Lực lượng giáo dục cấp xã

Từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 26/CP, việc chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật trong xã hội đã chính thức là nhiệm vụ của ngành giáo dục. Vì vậy, ở các địa phương, các cộng đồng, đương nhiên lực lượng giáo dục vừa là người tổ chức triển khai giáo dục hoà nhập, vừa là lực lượng nòng cốt thực hiện. Tuy nhiên, để giáo dục hoà nhập thực sự là kiểu tổ chức giáo dục trẻ khuyết tật tiên tiến nhất, hiệu quả nhất, cần phân định chức năng rõ ràng:

** Hội đồng giáo dục xã:*

Hội đồng giáo dục xã có chức năng quyết định các chủ trương, tập hợp lực lượng tạo điều kiện hỗ trợ nhà trường thực hiện giáo dục hoà nhập.

** Nhà trường:*

Nhà trường là đầu mối thiết lập các mối quan hệ với các ngành, các lực lượng trong cộng đồng cho mục đích thực hiện giáo dục hoà nhập ở địa phương. Nhà trường làm tham mưu đề xuất chủ trương, chế độ chính sách

về giáo dục hoà nhập cho chính quyền địa phương. Để thực hiện chức năng trên đây của nhà trường, vai trò của Ban giám hiệu, đặc biệt của Hiệu trưởng nhà trường là rất quan trọng .

** Hiệu trưởng nhà trường:*

Hiệu trưởng không chỉ nhận thức đúng mà còn phải nắm từng qui trình triển khai và biết cách khai thác sức mạnh của cộng đồng để cùng Ban giám hiệu lãnh đạo tập thể giáo viên thực hiên giáo dục hoà nhập. Cũng như chỉ đạo các nội dung giáo dục khác, Hiệu trưởng phải tổ chức bộ máy quản lý giáo dục hoà nhập trong nhà trường để việc thực hiện giáo dục hoà nhập có kế hoạch, có nội dung, phương pháp và được giám sát đôn đốc, tổng kết đánh giá.

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy ở nơi nào thực hiện giáo dục hoà nhập tốt thì ở đó Hiệu trưởng nhà trường có nhận thức đúng, có tình cảm nhân đạo, có kinh nghiệm quản lý và có năng lực chuyên môn.

** Đội ngũ giáo viên:*

Đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy có vai trò quyết định hiệu quả của giáo dục hoà nhập:

- Giáo viên là người trực tiếp điều hành hoạt động dạy học hoà nhập nên giáo viên hiểu rõ nhất nhu cầu và năng lực của từng trẻ khuyết tật để xây dựng mục tiêu giáo dục phù hợp với từng trẻ.
- Giáo viên tổ chức và điều hoà các hoạt động học của học sinh, đặc biệt là học hợp tác nhóm.
- Giáo viên là người trực tiếp phối hợp với gia đình trẻ khuyết tật và các lực lượng cộng đồng để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục hoà nhập.
- Giáo viên là người theo dõi quá trình phát triển của từng trẻ khuyết tật để điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp.
- Giáo viên là người thiết lập và duy trì các mối quan hệ với đồng nghiệp để thực hiện phương pháp cùng hợp tác trong dạy học hoà nhập.
- Giáo viên là người tổ chức các mối quan hệ tốt giữa học sinh bình thường với học sinh khuyết tật thông qua tổ chức Đoàn, Đội và tổ chức lớp để tạo nên môi trường hòa nhập hai chiều mà trong đó cả hai đối tượng học sinh đều phát triển thuận lợi.
- Giáo viên là người trực tiếp liên hệ, phối hợp với phụ huynh học sinh về chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật.

Lực lượng giáo dục cấp huyện:

Phòng giáo dục là đầu mối thực hiện chức năng giáo dục hòa nhập. Với

chức năng là cơ quan quản lý giáo dục, phòng giáo dục là nơi triển khai, quản lý, giám sát thực hiện giáo dục hòa nhập. Kinh nghiệm thực hiện giáo dục hòa nhập cho thấy để giáo dục hòa nhập có hiệu quả việc quản lý có thể theo mô hình sau:

- Trưởng phòng giáo dục trực tiếp phụ trách công tác giáo dục hòa nhập.
- Hai cán bộ phụ trách giáo dục tiểu học và giáo dục mầm non trực tiếp chỉ đạo chương trình.
- Xây dựng nhóm cán bộ chuyên môn tư vấn cho giáo dục hòa nhập bao gồm lãnh đạo các trường, các giáo viên có kinh nghiệm trực tiếp dạy trẻ khuyết tật điển hình.
- Thường xuyên tổ chức các chuyên đề dạy hòa nhập các đối tượng trẻ khuyết tật điển hình nhằm rút kinh nghiệm về phương pháp giáo dục và cách thức tổ chức lớp học hòa nhập.
- Tổ chức chuyên đề về phương pháp dạy học như phương pháp học hợp tác nhóm, phương pháp điều chỉnh chương trình v.v...
- Tổ chức các thao diễn dạy hòa nhập nhằm chia sẻ các kinh nghiệm dạy hòa nhập giữa các trường.
- Đưa giáo dục hòa nhập như một tiêu chí đánh giá thi đua.

Ngoài những việc trên, việc theo dõi đánh giá và lập kế hoạch giáo dục cũng là một khâu quan trọng. Phòng giáo dục cần có sổ theo dõi số lượng trẻ khuyết tật của huyện, những trẻ đã đi học và những hòa nhập những trẻ khuyết tật chưa đi học. Trên cơ sở những ghi chép này, phòng giáo dục cùng với các lực lượng khác tìm ra các giải pháp giúp trẻ và lập kế hoạch huy động trẻ ra lớp. Theo dõi mức độ tiến bộ của từng trẻ khuyết tật cũng là một công việc không thể thiếu được của phòng giáo dục.

Lực lượng phụ huynh trẻ:

Hơn ai hết phụ huynh học sinh là những người lo lắng, quan tâm đến những đứa con không may bị thiệt thòi của mình. Phụ huynh là những người gần gũi nhất với trẻ khuyết tật nên hiểu được quá trình phát triển, nhu cầu và năng lực của các em. Chính vì vậy gia đình trẻ khuyết tật có những vai trò đặc biệt quan trọng:

Phát hiện sớm để tiến hành giáo dục sớm. Trong quá trình nuôi dưỡng trẻ phụ huynh cần để ý đến những đặc điểm về thể chất, trí tuệ, giác quan và ngôn ngữ của con em mình. Nếu so sánh với những trẻ khác cùng độ tuổi mà có dấu hiệu quá chênh lệch thì cần đưa trẻ đi khám hoặc đến các phòng tư vấn để sớm có chỉ định phương hướng khắc phục cho trẻ. Khi đã xác định con em mình là trẻ khuyết tật, gia đình cần có biện pháp phân

công nhau thực hiện việc chăm sóc giáo dục, phục hồi chức năng sớm cho trẻ tại gia đình theo nội dung, phương pháp đã được tư vấn.

Gia đình trẻ khuyết tật chủ động phối hợp với nhà trường, cơ quan y tế và các lực lượng khác để cùng thực hiện các nhiệm vụ giáo dục hoà nhập cho con em mình.

TRÒ CHƠI HỢP TÁC CHO HỌC SINH

1. Khi bạn còn là một học sinh, bạn có bao giờ quan sát thấy hoặc tự trải nghiệm việc giáo viên làm mẫu hợp tác nhóm khi hướng dẫn hoạt động, khi lên kế hoạch hoặc khi đánh giá không?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

2. Khi còn là học sinh, bạn có bao giờ có cơ hội và được hướng dẫn về cách đóng vai trò là người hướng dẫn cho một bạn nào đó không?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

3. Khi bạn còn là học sinh, bạn có bao giờ có cơ hội được hướng dẫn từ một bạn học, người đã được dạy về cách hướng dẫn không?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

4. Việc hướng dẫn cho bạn theo cách khuyến khích áp dụng tư duy ở mức độ cao (chẳng hạn như việc phân tích, tổng hợp, đánh giá, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và thay đổi so với ban đầu) được tiến hành ở mức độ như thế nào?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

5. Bao nhiêu lần bạn được tin cậy trong việc giúp đỡ bạn khác trong lớp về mặt kiến thức và xã hội trong khi vẫn có trách nhiệm trong việc học của riêng mình?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

6. Khi bạn còn là học sinh, bạn có cơ hội và được hướng dẫn đóng vai trò là người hòa giải cho nhóm bạn đang có xung đột không?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

7. Bao nhiêu lần bạn được yêu cầu tự đánh giá về việc học của mình?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

8. Bao nhiêu lần bạn có cơ hội hỗ trợ trong việc quyết định đưa ra mục đích yêu cầu cho bạn và bạn cùng lớp mình?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi

- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

9. Bao nhiêu lần bạn có cơ hội truyền đạt về sở thích học vấn của bạn mình trong lớp hoặc yêu cầu sự giúp đỡ trong việc thay đổi điều chỉnh từ chương trình sao cho phù hợp?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

10. Bao nhiêu lần bạn được khuyến khích động viên cần một người hỗ trợ trong một buổi họp khó để người đó có thể giúp bạn về cách cư xử?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

11. Bao nhiêu lần bạn được tham gia vào buổi thảo luận về các hoạt động dạy học với một người hướng dẫn (giáo viên)?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

12. Bao nhiêu lần bạn được giáo viên yêu cầu phản hồi ý kiến nhằm để đạt được việc dạy – hướng dẫn và quản lý lớp học hiệu quả và phù hợp?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

13. Khi còn là học sinh, bao nhiêu lần bạn được tham gia bình đẳng với giáo viên, với hiệu trưởng và các thành viên trong cộng đồng trong các Ủy ban của nhà trường? (Ủy ban về chương trình, Ủy ban về các quy định, Ủy ban về tuyển dụng và Ban giám hiệu nhà trường)?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

14. Bao nhiêu lần bạn có cảm giác mình thuộc về ngôi trường đó và rằng những gì diễn ra ở ngôi trường đó chính ngay ban đầu đã được thiết kế, cấu trúc dựa trên sự hứng thú của học sinh mà họ luôn nghĩ trong đầu?

- Không bao giờ
- Hiếm khi
- Đôi khi
- Thường xuyên
- Rất thường xuyên

Thực hành:

Hãy xem lại kết quả của nhóm. Cùng nhau hãy động não và sau đó thảo luận các khía cạnh liên quan sản phẩm đã hoàn thành mà bạn cảm thấy đặc biệt tự hào. Hãy nêu bật và đánh dấu những suy nghĩ của mình dưới bảng đây.

Chữ ký của bạn: _____

_____

_____

Đánh giá của nhóm về công việc chung

Tên các thành viên: .....

Môn học/Lớp: .....

Giáo viên: .....

Tên của công việc:

.....

.....

.....

.....

1. Không hài lòng
2. Dưới mức TB
3. Trung bình
4. Trên trung bình
5. Tuyệt vời

Ngày: .....

Đánh giá công việc của nhóm bạn sử dụng mức độ phân chia sau:

1. Tính trung thực và sáng tạo từ các ý kiến đưa ra ----------

2. Mức độ rõ ràng khi trình bày ----------

3. Khả năng nắm bắt nội dung ----------

4. Chất lượng nội dung ----------

5. Quan tâm chú ý đến các chi tiết ----------

6. Công sức và lòng nhiệt tình ----------

7. Việc tổ chức ----------

8. Tính trung thực và đa dạng khi trình bày ----------

9. Các kỹ năng và tính chuyên nghiệp của việc trình bày ----------

10. Đánh giá và mối quan tâm của độc giả ----------

Tổng số điểm ☐

Ví dụ: Đọc thơ và thảo luận

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Câu hỏi:

1. Bài thơ nói lên điều gì? (5 phút)

2. Bài thơ đã khơi dậy tình cảm gì trong bạn? (5 phút)

* Những từ chính trong bài thơ là từ nào? (5 phút)

Tại sao bạn chọn những từ này?

4. Nội dung của bài thơ này giúp ta liên tưởng tới chủ đề gì. Bạn đã làm gì theo chủ đề này chưa?

Lưu ý: Khi bạn ký tên vào bản đầu tiên, điều đó có nghĩa là bạn đã tham gia và cũng có nghĩa là bạn đã hiểu và đồng ý với câu trả lời.

Thực hành:

Soạn một giáo án có tính chất đáp ứng nhu cầu của đa dạng đối tượng học sinh

Môn học hoặc nguyên tắc:_____

Chủ đề hoặc phần trong chương trình:_____

Tên bài học:_____

Trình độ:_____

Cách dạy:_____

Mục đích và mục tiêu bài dạy

Yêu cầu/ mong đợi học sinh học hoặc có thể làm?

(Xem xét đến khả năng của chúng ta những tiêu chuẩn)

1. Chủ đề chính/vấn đề chính hoặc câu hỏi đối với bài này là gì?
2. Khía cạnh kiến thức nội dung:
3. Quá trình lên lớp hoặc kế hoạch theo tiến trình (ví dụ như hợp tác, thói quen làm bài, tư duy mang tính phân tích).
4. Sử dụng các kỹ năng thuộc về kiến thức cơ bản (đọc, viết, toán).

Học sinh có thể thể hiện những gì mà mình đã học như thế nào?

Kết quả học tập của học sinh có thể được thể hiện (trình bày lại) như thế nào?

Những tiện nghi đáp ứng nhu cầu hoặc sự điều chỉnh trong lớp học cần phải:

- Được tập thể giáo viên hoặc giáo viên tạo ra.
- Có liên quan đến yêu cầu cụ thể của lớp học.
- Hợp lý và khả thi.
- Thể hiện sự tôn trọng học sinh chứ không hạ thấp học sinh.
- Được học sinh chấp nhận do học sinh tạo ra.
- Thể hiện thái độ tích cực và lưu ý tới tác động đối với việc học tập của các học sinh khác.

Đẩy mạnh công tác thực hành

Học sinh với vai trò là những người truyền bá thông tin

a. Đôi bạn thân

b. Thành viên của kế hoạch học tập cá nhân, chuyển giao và nhóm chủ chốt

c. Những nhà giải hòa đôi bạn

d. Tự mình truyền bá

Học sinh với vai trò là người đưa ra quyết định

a. Là người đưa ra luật/ quy định

b. Là người huấn luyện

c. Là thành viên của ban giám hiệu

Học sinh học vai trò là người hướng dẫn

a. Học theo hợp tác nhóm

b. Học cùng bạn

c. Học trong nhóm

Lập kế hoạch học tập cho bạn

- ✍ Chúng ta muốn học sinh có những nhu cầu học tập khác nhau làm gì trong suốt thời gian hoạt động? Chúng ta muốn bạn trong lớp làm gì?
- ✍ Người hướng dẫn đã làm gì để chuẩn bị cho việc học cùng bạn? Đã có những tài liệu và đồ dùng gì? Bạn cùng lớp đã cần những thông tin hay hướng dẫn gì?
- ✍ Khi nào bạn cần can thiệp vào việc học nhóm cùng bạn? Tại sao? Bạn làm điều đó như thế nào?
- ✍ Điều gì cần làm tiếp theo đối với việc học cùng nhau trong lớp?

Thông tin thêm về các phương án đảm bảo sự tham gia của học sinh trong các hoạt động của lớp học

☞ ***Phương pháp đồng loạt***

Những học sinh có nhu cầu đặc biệt có thể tham gia vào các hoạt động học tập của lớp học bằng cách làm việc như các học sinh khác. Chẳng hạn như lớp học có chương trình học nhạc và học sinh nào cũng tham gia tập hát cho buổi hòa nhạc hè hàng năm. Tất cả các học sinh, kể cả học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt, đều hướng tới cùng mục tiêu trong cùng một hoạt động.

☞ ***Phương pháp đa trình độ***

Giáo án hay phương pháp giảng dạy đa trình độ được áp dụng khi tất cả các học sinh tham gia vào một bài học trong cùng một chương trình nhưng lại theo đuổi các mục tiêu học tập khác nhau ở các trình độ khác nhau dựa trên nhu cầu mỗi cá nhân. (Campell, Collicot, Pemer & Stone 1998). Chẳng hạn khi học sinh tham gia vào giờ tập đọc, học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt thì học cách xác định (đọc) biểu tượng trên bảng

giao tiếp (chẳng hạn như ảnh, các bức vẽ bằng bút chì bút mực, các biểu tượng), còn các học sinh khác học cách đọc thành lời và cách ngắt câu theo chấm phẩy. Giáo án hay phương pháp giảng dạy đa trình độ là một sự mở rộng chương trình để hòa nhập học sinh với các khả năng khác nhau. Do đó, phương pháp này khác với phương pháp thường được áp dụng trong chương trình giáo dục chung. Chẳng hạn như trong giờ học toán, một học sinh áp dụng kỹ năng máy tính để xử lý từ vựng còn học sinh khác thì học cách tính toán theo bản cửu chương. Cả hai học sinh này đều đang theo đuổi những kết quả toán học nhưng ở trình độ khác nhau trong một hoạt động (giờ học).

☞ ***Phương pháp trùng lập giáo án***

Phương pháp trùng lập giáo án được áp dụng khi một nhóm học sinh tham gia vào cùng một bài học nhưng theo đuổi các mục đích học tập theo chương trình khác nhau. Ví dụ, học sinh đang ở trong phòng thí nghiệm để học các đặc tính của điện. Học sinh có nhu cầu được giáo dục đặc biệt có thể cũng tham gia vào hoạt động này nhưng theo đuổi các mục tiêu học tập trong các chương trình khác (Ví dụ: như chương trình thông tin, xã hội hoá). Cụ thể, các mục tiêu học tập được xác định có thể là tuân thủ các hướng dẫn, chấp nhận sự hỗ trợ từ các người khác, hoặc tham gia vào một công việc ở trường cùng với một bạn học bình thường. Khi có sự trùng lập giáo án, hoạt động học tập trong lớp học chủ yếu đóng vai trò là một phương tiện để đạt được mục tiêu khác. Phương pháp này mở ra nhiều cơ hội cho các học sinh hòa nhập vào lớp học trước đây được coi là "không phù hợp". Những môi trường học tập này được chọn lọc bởi vì chúng tạo ra các cơ hội để đáp ứng những yêu cầu được chính xác.

☞ ***Phương pháp thay thế***

Đôi khi học sinh có thể cần theo đuổi các hoạt động học tập thay thế nếu như thông qua phương pháp giảng dạy đa trình độ hay phương pháp trùng lặp giáo án, lớp học không tạo ra những cơ hội hợp lý để đạt được các kết quả học tập khả quan. Ví dụ, trong lúc phần lớn học sinh làm bài kiểm tra viết 30 phút, thì học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt tiến hành hoạt động học tập thay thế liên quan tới cộng đồng như tập đi bộ. Thông thường trong chương trình chính khoá, hoạt động học tập này có thể không phù hợp. Tuy nhiên, việc lựa chọn các hoạt động học tập thay thế cần phải được thực hiện một cách cẩn trọng. Bởi vì nếu có kế hoạch sáng tạo, có cam kết đối với giáo dục hòa nhập và có sự cộng tác giữa giáo viên và gia đình thì phần lớn yêu cầu của học sinh có thể được đáp ứng (Giangreco, M. Cloninger, C., & Ivéon, V. (1993). Lựa chọn các giải pháp và tạo điều kiện tiện nghi cho trẻ em.